

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch xây dựng Bê tông hóa
đường giao thông nông thôn năm 2019 trên địa bàn tỉnh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 45/2015/QĐ-UBND ngày 25/12/2015 của UBND tỉnh Bình Định về Ban hành Chương trình bê tông hóa giao thông nông thôn giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch triển khai xây dựng Bê tông hoá đường GTNT năm 2019 trên địa bàn tỉnh,

Xét đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Văn bản số 103/TTr-SGTVT ngày 30/8/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch triển khai xây dựng Bê tông hóa giao thông nông thôn năm 2019 trên địa bàn tỉnh, với các nội dung chính sau:

1. Điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch bê tông hóa đường GTNT năm 2019 trên địa bàn tỉnh

TT	Loại đường	Chiều dài (Km)		Lượng xi măng hỗ trợ (Tấn)
		Đã duyệt	Điều chỉnh, bổ sung	
1	A	13,042	25,669	5.647,180
2	B	257,773	341,720	58.092,400
3	C	147,546	232,521	25.577,310
4	D	141,205	201,350	18.121,500
Tổng cộng		559,566	801,260	107.438,390

Trong đó, chi tiết từng loại đường như sau:

a. Đường GTNT loại A

TT	Địa phương	Chiều dài (Km)		Lượng XM hỗ trợ (Tấn)	Ghi chú
		Đã duyệt	Điều chỉnh, bổ sung		
1	Hoài Nhơn	1,600	2,025	445,500	Điều chỉnh tăng
2	An Lão	-	-	-	-
3	Hoài Ân	-	5,460	1.201,200	Bổ sung
4	Tây Sơn	-	0,245	53,900	Bổ sung
5	Vĩnh Thạnh	-	-	-	-
6	An Nhơn	-	1,592	350,240	Bổ sung
7	Phù Cát	-	1,257	276,540	Bổ sung
8	Vân Canh	0,500	0,446	98,120	Điều chỉnh giảm
9	Phù Mỹ	8,135	8,801	1.936,220	Điều chỉnh tăng
10	Tuy Phước	1,307	4,343	955,460	Điều chỉnh tăng
11	Quy Nhơn	1,500	1,500	330,000	Giữ nguyên
Tổng cộng		13,042	25,669	5.647,180	

b. Đường GTNT loại B

TT	Địa phương	Chiều dài (Km)		Lượng XM hỗ trợ (Tấn)	Ghi chú
		Đã duyệt	Điều chỉnh, bổ sung		
1	Hoài Nhơn	42,887	48,165	8.188,050	Điều chỉnh tăng
2	An Lão	5,350	26,504	4.505,680	Điều chỉnh tăng
3	Hoài Ân	10,112	15,332	2.606,440	Điều chỉnh tăng
4	Tây Sơn	26,752	40,613	6.904,210	Điều chỉnh tăng
5	Vĩnh Thạnh	5,653	8,747	1.486,990	Điều chỉnh tăng
6	An Nhơn	99,142	107,589	18.290,130	Điều chỉnh tăng
7	Phù Cát	19,309	39,064	6.640,880	Điều chỉnh tăng
8	Vân Canh	7,036	6,303	1.071,510	Điều chỉnh giảm
9	Phù Mỹ	37,100	43,796	7.445,320	Điều chỉnh tăng
10	Tuy Phước	4,082	5,257	893,690	Điều chỉnh tăng
11	Quy Nhơn	0,350	0,350	59,500	Giữ nguyên
Tổng cộng		257,773	341,720	58.092,400	

c. Đường GTNT loại C

TT	Địa phương	Chiều dài (Km)		Lượng XM hỗ trợ (Tấn)	Ghi chú
		Đã duyệt	Điều chỉnh, bổ sung		
1	Hoài Nhơn	27,290	40,134	4.414,740	Điều chỉnh tăng
2	An Lão	0,886	1,922	211,420	Điều chỉnh tăng
3	Hoài Ân	1,222	2,847	313,170	Điều chỉnh tăng
4	Tây Sơn	17,420	25,142	2.765,620	Điều chỉnh tăng
5	Vĩnh Thạnh	0,131	0,291	32,010	Điều chỉnh tăng
6	An Nhơn	13,265	15,164	1.668,040	Điều chỉnh tăng
7	Phù Cát	20,010	41,500	4.565,000	Điều chỉnh tăng
8	Vân Canh	-	-	-	-
9	Phù Mỹ	46,990	81,255	8.938,050	Điều chỉnh tăng
10	Tuy Phước	20,332	24,266	2.669,260	Điều chỉnh tăng
11	Quy Nhơn	-	-	-	-
Tổng cộng		147,546	232,521	25.577,310	

d. Đường GTNT loại D

TT	Địa phương	Chiều dài (Km)		Lượng XM hỗ trợ (Tấn)	Ghi chú
		Đã duyệt	Điều chỉnh, bổ sung		
1	Hoài Nhơn	50,131	50,449	4.540,410	Điều chỉnh tăng
2	An Lão	0,460	0,957	86,130	Điều chỉnh tăng
3	Hoài Ân	2,648	11,423	1.028,070	Điều chỉnh tăng
4	Tây Sơn	21,490	20,782	1.870,380	Điều chỉnh giảm
5	Vĩnh Thạnh	-	-	-	-
6	An Nhơn	13,394	8,124	731,160	Điều chỉnh giảm
7	Phù Cát	19,837	31,766	2.858,940	Điều chỉnh tăng
8	Vân Canh	-	-	-	-
9	Phù Mỹ	10,160	35,532	3.197,880	Điều chỉnh tăng
10	Tuy Phước	23,085	42,317	3.808,530	Điều chỉnh tăng
11	Quy Nhơn	-	-	-	-
Tổng cộng		141,205	201,350	18.121,500	

(Chi tiết có các Phụ lục kèm theo)

2. Các nội dung khác không điều chỉnh tại Quyết định này vẫn thực hiện theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 2. Quyết định này điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Xây dựng, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Cty cổ phần BICEM;
- Các PVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K7, K19.(M.30b) *juh*

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Phan Cao Thắng
Phan Cao Thắng

PHỤ LỤC 01

CÁC DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH BÊ TÔNG HOÁ ĐƯỜNG GTNT NĂM 2019 - HUYỆN HOÀI NHƠN

(Kèm theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của CT UBND tỉnh)

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của CT UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
I	XÃ HOÀI TÂN			4,289	-	4,289	-	-			10,973	-	-	-	10,973	
1	Nâng cấp, BT tuyến từ nhà Huân đến vức Hội Bắc thôn Đệ Đức 2	QL1A	Vút bắc			1,527							-			Không thực hiện
2	Nâng cấp, BT tuyến từ nhà Hà X9 GH2 đến ngã ba cầu xã Bồng X6 thôn Đệ Đức 1	Nhà Hà	Đ1			0,520							-			Không thực hiện
3	BT tuyến đường ĐT 638 (đường Tây tỉnh cũ) đến nghĩa Địa Gò ngon	ĐT638	NĐ gò ngon			0,638							-			Không thực hiện
4	LM, BT tuyến từ ngõ Đồi X3 đến ngõ Bườn X2 GH1	X3	X2			1,045							-			Không thực hiện
5	BT tuyến từ nhà Quí đến nhà Chung thôn GH2	Nhà Quí	Nhà Chung			0,119							-			Không thực hiện
6	BT tuyến từ đường gồm , đường sắt X2 Dd3 - Sông Cạn thôn Đ3	Đường gồm	Sông Cạn			0,440							-			Không thực hiện
7	BT các tuyến đường thôn Đệ Đức 1 (giai đoạn 2)														5,830	Bổ sung
8	BT các tuyến đường thôn Đệ Đức 2 (giai đoạn 2)														0,800	Bổ sung
9	BT các tuyến đường thôn Giao Hội 1 (giai đoạn 2)														1,000	Bổ sung
10	BT các tuyến đường thôn Giao Hội 2 (giai đoạn 2)														2,047	Bổ sung
11	BT các tuyến đường thôn An Dưỡng 2 (giai đoạn 2)														1,296	Bổ sung
II	XÃ HOÀI CHÂU			0,151	-	-	0,151	-			1,974	-	0,618	0,985	0,371	
1	Tuyến từ đường 2 - ruộng bà Quới	Đường 2	Ruộng bà Quới				0,151		Đường 2	Ruộng bà Quới				0,181		Tăng chiều dài
2	Tuyến từ đường ĐT 638 - Ngõ Đảnh								Đường ĐT 638	Ngõ Đảnh				0,152		Bổ sung
3	Tuyến từ đường Chùa - Ngõ Ngọc								Đường Chùa	Ngõ Ngọc					0,070	Bổ sung

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của CT UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
4	Tuyến từ đường bê tông xóm 1 - Ngõ Đi								Đường bê tông xóm 1	Ngõ Đi				0,054		Bổ sung
5	Tuyến từ đường bê tông xóm 1 - Ngõ Độ								Đường bê tông xóm 1	Ngõ Độ				0,085		Bổ sung
6	Tuyến từ đường Miếu Gia Xuân - Ngõ Dăn								Đường Miếu Gia Xuân	Ngõ Dăn				0,100		Bổ sung
7	Tuyến từ bê tông ngõ Dăn - Ngõ Nhuận								Đường bê tông ngõ Dăn	Ngõ Nhuận					0,049	Bổ sung
8	Tuyến từ đường ngõ Điều - Ngõ Liên								Đường ngõ Điều	Ngõ Liên				0,100		Bổ sung
9	Tuyến từ đường Gia An, Quán Mỹ - Ngõ Mua								Đường Gia An, Quán Mỹ	Ngõ Mua			0,041			Bổ sung
10	Tuyến ngõ Tụng - Ngõ Chí								Ngõ Tụng	Ngõ Chí					0,085	Bổ sung
11	Tuyến ngõ Tụng - Ngõ Bê								Ngõ Tụng	Ngõ Bê					0,071	Bổ sung
12	Tuyến ngõ Danh - Ngõ Tuấn								Ngõ Danh	Ngõ Tuấn					0,097	Bổ sung
13	Tuyến ngõ Thực - Ngõ Ly								Ngõ Thực	Ngõ Ly				0,040		Bổ sung
14	Tuyến ngõ Chũng - Ngõ Ca								Ngõ Chũng	Ngõ Ca				0,224		Bổ sung
15	Tuyến ngõ Cư - Ngõ Lê								Ngõ Cư	Ngõ Lê				0,049		Bổ sung
16	Tuyến ngõ Lực - Ngõ Triển								Ngõ Lực	Ngõ Triển			0,407			Bổ sung
17	Tuyến ngõ Dương - Ngõ Khi								Ngõ Dương	Ngõ Khi			0,170			Bổ sung
III	XÃ HOÀI THANH			11,773	-	1,200	7,513	3,060			13,521	-	1,723	10,147	1,651	
1	Tuyến đường từ nhà bà Hường đến Ngã tư bàn sơ An Lộc 2	Nhà Bà Hường	Ngã tư Bàn Sơ			0,480			Nhà Bà Hường	Ngã tư Bàn Sơ			0,461			Giảm chiều dài
2	Tuyến đường từ nhà Hương đến nhà Đô Lâm Trúc 1	Nhà Hương	Nhà Đô			0,300			Nhà Hương	Nhà Đô			0,291			Giảm chiều dài
3	Tuyến đường từ nhà Tần Lâm Trúc 1 đến nhà Lệ Trường An 2	Nhà Tần	Nhà Lệ			0,420			Nhà Tần	Nhà Lệ			0,424			Tăng chiều dài
5	Tuyến đường từ Trường Cấp 1 đến nhà Thành Mỹ An 2	Trường Cấp 1	Nhà Thành				0,300		Trường Cấp 1	Nhà Thành				0,368		Tăng chiều dài
6	Tuyến đường từ Nhà Thàng đến nhà Ba Mỹ An 2	Nhà Thàng	Nhà Ba				0,300		Nhà Thàng	Nhà Ba				0,233		Giảm chiều dài

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của CT UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
7	Tuyến đường từ nhà Thư đến nhà Hoa Mỹ An 2	Nhà Thư	Nhà Hoa				0,500		Nhà Thư	Nhà Hoa				0,167		Giảm chiều dài
8	Tuyến đường từ nhà Thức đến nhà Thanh Mỹ An 2	Nhà Thức	Nhà Thanh				0,600		Nhà Thức	Nhà Thanh				0,405		Giảm chiều dài
9	Tuyến từ nhà Minh đến nhà Nhân Mỹ An 2	Nhà Minh	Nhà Nhân				0,800							-		Không thực hiện
10	Tuyến đường từ nhà Tổng đến nhà Long Mỹ An 1	Nhà Tổng	Nhà Long				0,300		Nhà Tổng	Nhà Long				0,294		Giảm chiều dài
11	Tuyến đường từ nhà Phụng đến nhà Dung Mỹ An 1	Nhà Phụng	Nhà Dung				0,400		Nhà Phụng	Nhà Dung				-		Không thực hiện
12	Tuyến đường từ Nhà Trúc đến nhà Trung Mỹ An 1	Nhà Trúc	Nhà Trung				0,400		Nhà Trúc	Nhà Trung				-		Không thực hiện
13	Tuyến đường từ Nhà Quang nhà Phong Trường An 1	Nhà Quang	Nhà Phong				0,783		Nhà Quang	Nhà Phong				0,780		Giảm chiều dài
14	Tuyến đường nhà Nghiệp đi Suối Dỡ Trường An 1	Nhà Nghiệp	Suối Dỡ				0,580		Nhà Nghiệp	Suối Dỡ				0,660		Tăng chiều dài
15	Tuyến đường từ Nhà Dung đến nhà Cho Trường An 1	Nhà Dung	Nhà Cho				0,300		Nhà Dung	Nhà Cho				0,266		Giảm chiều dài
16	Tuyến đường từ Máy gạo phổ đi Tam Quan Nam Lâm Trúc 1	Máy Gạo Phổ	Tam Quan Nam				0,800		Máy Gạo Phổ	Tam Quan Nam				0,382		Giảm chiều dài
17	Tuyến đường từ Ngõ Lên đến Ngõ Triết Lâm Trúc 1	Ngõ Lên	Ngõ Triết				0,450		Ngõ Lên	Ngõ Triết				0,561		Tăng chiều dài
18	Tuyến đường Từ Ngõ Thỏ đến Ngõ Dương Lâm Trúc 1	Ngõ Thỏ	Ngõ Dương				0,300		Ngõ Thỏ	Ngõ Dương				0,243		Giảm chiều dài
19	Tuyến đường từ Ngõ Mười đến Ngõ Quang Lâm Trúc 1	Ngõ Mười	Ngõ Quang				0,300		Ngõ Mười	Ngõ Quang				0,197		Giảm chiều dài
20	Tuyến đường Từ Ngõ Huân Đến Ngõ Thiệt Lâm Trúc 1	Ngõ Huân	Ngõ Thiệt				0,400		Ngõ Huân	Ngõ Thiệt				0,217		Giảm chiều dài
21	Tuyến đường từ nhà Tổng đến Nhà Kim An Lộc 1	Nhà Tổng	Nhà Kim					0,800	Nhà Tổng	Nhà Kim					0,630	Giảm chiều dài
22	Tuyến đường Từ nhà Mạnh đến nhà Lin An Lộc 2	Nhà Mạnh	Nhà Lin					0,350	Nhà Mạnh	Nhà Lin				0,405		Tăng chiều dài và chuyển từ D sang C

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của CT UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
23	Tuyến đường từ Nhà Tài đến nhà Dược An Lộc 2	Nhà Tài	Nhà Dược					0,350	Nhà Tài	Nhà Dược				0,262		Giảm chiều dài và chuyển từ D sang C
24	Tuyến đường từ nhà Đâu đến nhà Thu An Lộc 2	Nhà Đâu	Nhà Thu					0,150	Nhà Đâu	Nhà Thu					0,145	Giảm chiều dài
25	Tuyến đường từ nhà Đứng đến nhà Điều An Lộc 2	Nhà Đứng	Nhà Điều					0,120	Nhà Đứng	Nhà Điều					0,090	Giảm chiều dài
26	Tuyến đường từ nhà Tuấn đến nhà Hết Lâm Trú 2	Nhà Tuấn	Nhà Hết					0,500								Không thực hiện
27	Tuyến đường từ nhà Chúc đến nhà Thín Lâm Trú 2	Nhà Chúc	Nhà Thín					0,120	Nhà Chúc	Nhà Thín					0,147	Tăng chiều dài
28	Tuyến đường từ nhà Cháp đến nhà Phong Lâm Trú 2	Nhà Cháp	Nhà Phong					0,120	Nhà Cháp	Nhà Phong				0,120		Chuyển từ D sang C
29	Tuyến đường từ nhà Xa đến nhà Tháo Lâm Trú 2	Nhà Xa	Nhà Tháo					0,120	Nhà Xa	Nhà Tháo					0,205	Tăng chiều dài
30	Tuyến đường từ Ngõ Diêm đến nhà Điều Mỹ An 1	Ngõ Diêm	Nhà Điều					0,200								Không thực hiện
31	Tuyến đường từ nhà Nấp đến nhà Sơn Mỹ An 1	Nhà Nấp	Nhà Sơn					0,230	Nhà Nấp	Nhà Sơn					0,292	Tăng chiều dài
32	Tuyến đường từ nhà Minh đến nhà Tài Mỹ An 2								Nhà Minh	Nhà Tài				0,450		Bổ sung
33	Tuyến nhà đường từ nhà Liên Đến Nghĩa Địa Thôn An Lộc 2								Nhà Liên	Nghĩa Địa			0,500			Bổ sung
34	Tuyến đường từ Ao Cừ An Lộc 1 đến Quán Dừng An Lộc 2 (nối dài)								Ao Cừ	Quán Dừng			0,047			Bổ sung
35	Tuyến đường từ Ngõ Gặp giáp bê tông Bàu Lưới Lâm Trú 1								Ngõ Gặp	Giáp bê tông Bàu Lưới				0,475		Bổ sung
36	Tuyến đường từ Ngõ Thỏ đến Ngõ Kim Lâm Trú 1								Ngõ Thỏ	Ngõ Kim				0,324		Bổ sung
37	Tuyến đường từ trụ sở thôn đến nhà họp xóm An Lộc 2								Trụ sở thôn	Nhà họp xóm				0,443		Bổ sung

74

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của CT UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
38	Tuyến đường từ Giáp đường Bàn Sơn đến nghĩa địa An lộc 2								Giáp đường Bàn Sơn	Nghĩa địa An lộc 2				0,260		Bổ sung
39	Tuyến từ nhà Đỗ Triện đến nhà Phương Trường An 2								Nhà Đỗ Triện	Nhà Phương Trường An 2				0,364		Bổ sung
40	Tuyến đường từ nhà Liên đến nhà Hoàng Trường An 2								Nhà Liên	Nhà Hoàng Trường An 2				0,181		Bổ sung
41	Tuyến đường từ nhà Dạng đến nhà Cúc Trường An 2								Nhà Dạng	Nhà Cúc Trường An 2				0,098		Bổ sung
42	Tuyến đường từ nhà Hiếu đến nhà Huệ Trường An 2								Nhà Hiếu	Nhà Huệ				0,225		Bổ sung
43	Tuyến đường từ nhà Tam đến nhà Nhanh Trường An 2								Nhà Tam	Nhà Nhanh				0,210		Bổ sung
44	Tuyến đường từ Ngõ Hiền đến nhà Sơn Mỹ An 2								Ngõ Hiền	Nhà Sơn				0,109		Bổ sung
45	Tuyến từ nhà Phu đến nhà Nhân Mỹ An 2								Nhà Phu	Nhà Nhân				0,240		Bổ sung
46	Tuyến đường từ Nhà Lượng đến nhà Kim Trường An 1								Nhà Lượng	Nhà Kim				0,230		Bổ sung
47	Tuyến đường Từ nhà Nghị đến nhà chạy An Lộc 2								Từ nhà Nghị	Nhà Chạy				0,115		Bổ sung
48	Tuyến đường Từ Cống Trịnh đến nhà Nguyễn Thị Bảy Trường An 1								Cống Trịnh	Nhà Nguyễn Thị Bảy				0,417		Bổ sung
49	Tuyến đường Từ nhà Lục đến nhà Cựộc Trường An 1								Nhà Lục	Nhà Cựộc				0,186		Bổ sung
50	Tuyến đường Từ nhà Hiệu đến nhà Chế Lê Lâm Trúc 2								Nhà Hiệu	Nhà Chế Lê				0,082		Bổ sung
51	Tuyến đường Từ nhà Hoàng (ĐT 639) đến nhà Mai Lâm Trúc 2								Nhà Hoàng	Nhà Mai				0,178		Bổ sung
52	Tuyến đường từ nhà Long đến nhà Liễu An Lộc 2								Nhà Long	Nhà Liễu					0,142	Bổ sung

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của CT UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
IV	XÃ HOÀI SƠN			-	-	-	-	-			-	-	-	-	-	
V	XÃ TAM QUAN NAM			-	-	-	-	-			0,514	0,450	-	0,064	-	
1	Tuyến từ dốc Tăng Long 2 - Giáp khu đầu giá đất Tăng Long 2 và nối dài đường Động Rừng đến nhà Văn hóa thôn Cửu Lợi Đông								Dốc Tăng Long 2	Nhà Văn hóa thôn Cửu Lợi Đông		0,450				Bổ sung
2	Tuyến từ giáp đường bê tông xã Hoài Thanh - Chùa Châu Long Đài								Giáp đường bê tông xã Hoài Thanh	Chùa Châu Long Đài				0,064		Bổ sung
VI	XÃ HOÀI HƯƠNG			-	-	-	-	-			0,365	-	-	0,365	-	
1	Tuyến nhà Cường đến ngã tư nhà Bình (Thiện Đức Đông)								Nhà Cường	Ngã tư Bình				0,165		Bổ sung
2	Tuyến nhà Thôi đến ngã ba UBND xã (Thiện Đức Đông)								Nhà Thôi	Ngã ba UBND xã				0,200		Bổ sung
VII	XÃ HOÀI HẢO			-	-	-	-	-			8,353	-	8,353	-	-	
1	Bê tông GTNT thôn Hội Phú: Xóm Phú Tân Tuyến nhà sỏ đến Trường Phú Tân (L = 150m); xóm Phú Thương tuyến nhà Đức - Gò (L = 250); Xóm phú sơn 2 tuyến từ nhà Thủy đến nhà trung (L = 250m)												0,650			Bổ sung
2	Bê tông giao thông nội đồng tuyến từ giáp đường bê tông đến Gò đất(ruộng thủy)								Đường bê tông	Gò đất (ruộng thủy)			0,550			Bổ sung
3	Bê tông GTNT thôn Phụng du 2: Xóm Thanh Tân: Tuyến từ Gia Long - nhà Kim, nhà Kha (L = 146m); Xóm Phụng sơn Tuyến Giáp đường Bê tông - Bờ Đắp (Nhà Cẩm) (L = 133m); Xóm Phụng Hòa: Giáp bê tông - nhà Thái (L = 121m)												0,400			Bổ sung
4	Bê tông GTNT thôn Tấn Thạnh 1: xóm Hưng Thạnh Bắc Tuyến từ nhà Sơn - Giáp đường bê tông (L = 134m) Từ nhà Chiến đến khu dân tái định cư mới (305m), nhà Hồ văn Mua đến nhà Cạnh (L = 125m												0,564			Bổ sung

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của CT UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
5	Bê tông GTNT thôn Tấn Thạnh 1: xóm Long Thạnh Nam: Tuyến từ đường cụm dân cư bê tông số 3 - đến nhà Trung, nhà vàng, nhà vàng, nhà Tiếp, nhà bảy, nhà Hải (L = 548m)												0,548			Bổ sung
6	Bê tông GTNT thôn Tấn Thạnh 1: xóm Long Thạnh Nam: Tuyến giáp đường bê tông đến nhà Thi Châu (L = 265) Tuyến từ nhà lê Tam đến Nhà lang (L = 225m)												0,490			Bổ sung
7	Bê tông GTNT thôn Tấn Thạnh 1: xóm Lân Thạnh: Tuyến giáp đường bê tông đến nhà Khanh (L = 100) Tuyến từ nhà Hùng đến Nhà Hàng(L = 249m)												0,349			Bổ sung
8	Bê tông GTNT thôn Tấn Thạnh 1: xóm Long Thạnh Bắc: Tuyến giáp đường bê tông đến nhà Dũ (L = 240) Tuyến từ Hội Trường UBND xã Hoài Hảo đến Nhà Văn hóa thôn Tấn Thạnh 1 (L = 220m)												0,460			Bổ sung
9	Bê tông GTNT thôn Tấn Thạnh 1: xóm Hưng Thạnh Nam: Tuyến giáp đường bê tông đến nhà Sỹ (L = 163) Tuyến từ nhà Thu đến nhà Hiếu (L = 163)												0,226			Bổ sung
10	Bê tông GTNT thôn Phụng du 1: Xóm Thanh Minh: Từ đường số 2 đến nhà thứ (L = 328m); từ nhà Lê văn Thanh đến nhà Trinh (L = 260m); Ngọc Ninh từ nhà Cháp đến nhà - Võ Dũ (L = 250m); xóm Thanh Minh: Từ nhà Thàng đến Đường số 2(L = 160m) Xóm an Lương Tuyến nhà Minh đến nhà Vương (L = 250m)												0,789			Bổ sung
11	Bê tông GTNT thôn Tấn Thạnh 2: Xóm An Thạnh Bắc tuyến từ cầu xá sô đến Mương thuy lợi (L = 150); Ngõ Niệm - nhà Hiền (L = 114m); Từ Trường xóm - nhà Trường (L=210); Từ Be tông - Ngõ sâm (xuân Thạnh) (L = 145m)												0,619			Bổ sung

7/1

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của CT UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
12	Bê tông GTNT tuyến giáp đường bê tông (gia long) - đến nhà điều (L=550); và giáp đất bà Min (L= 150)												0,700			Bổ sung
13	Bê tông GTNT thôn Tấn Thạnh 2: Xóm Minh, Ninh Thạnh Bắc tuyến từ Cổng ông Tài - nhà Thạch (L= 140); Từ Mương Thủy lợi - nhà Thành (L = 210m); Nhà vỹ đến nhà Thi (L = 225); Đường cơ khí - nhà Tuyên (L = 188)												0,763			Bổ sung
14	Bê tông GTNT thôn Tấn Thạnh 2: Tuyến từ Bê tông - nhà lang, (L= 150); nhà Thắm - đường Cơ khí (L= 120m); nhà Mười đến nhà Dũng (L = 150); Bê tông - nhà Tình, nhà nam , nhà Trung - Cầu trà Bộ (L = 320m)												0,740			Bổ sung
15	Bê tông GTNT thôn Tấn Thạnh 2: Tuyến từ Bê tông - nhà Lợi (L= 170); Nhà Thanh-nhà hiếu (L= 160m); Bê tông - Ngõ Thủy (L = 175)												0,505			Bổ sung
VII	XÃ HOÀI THANH TÂY			1,730	-	-	0,360	1,370			1,105	-	0,360	-	0,745	
1	Tuyến từ nhà ông Lân đến sông Xưởng thôn Tài Lương 1	Nhà ông Lân	Sông Xưởng				0,360		Nhà ông Lân	Sông Xưởng			0,360			Chuyển từ C sang B
2	BTXM tuyến từ nhà Nguyễn Thị Thận đến ngõ Nguyễn Văn Ngọc thôn Ngọc An Đông L=100m	Nhà Nguyễn Thị Thận	Ngõ Nguyễn Văn Ngọc					0,100							-	Không thực hiện
3	BTXM tuyến từ ngõ Phan Thanh Bình đến ngõ Phan Thanh Kiểm thôn Tài Lương 3 L=140m	Ngõ Phan Thanh Bình	Ngõ Phan Thanh Kiểm					0,140							-	Không thực hiện
4	BTXM tuyến từ nhà Lê Thị Huệ đến nhà võ Hoà thôn Tài Lương 3 L=120m	Nhà Lê Thị Huệ	Nhà võ Hoà					0,120							-	Không thực hiện
5	BTXM GTNT thôn Tài Lương 3							0,180							-	Không thực hiện
6	BTXM tuyến từ ngõ Huỳnh Thâm đến nhà Trần Tâm thôn Ngọc An Đông L=170m	Ngõ Huỳnh Thâm	Nhà Trần Tâm					0,170							-	Không thực hiện

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của CT UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
7	BTXM tuyến ngõ Nguyễn Văn Kha đến nhà Hồ Ai thôn Ngọc An Đông L=70m	ngõ Nguyễn Văn Kha	nhà Hồ Ai					0,070								Không thực hiện
8	BTXM tuyến từ ngõ Nguyễn Hoàn đến nhà Đặng Lượng thôn Ngọc An Đông L=65m	Ngõ Nguyễn Hoàn	Nhà Đặng Lượng					0,065								Không thực hiện
9	BTXM tuyến từ ngõ Nguyễn Thị Bông đến nhà Trần Họt thôn Ngọc An Đông L=120m	Ngõ Nguyễn Thị Bông	Nhà Trần Họt					0,120								Không thực hiện
10	BTXM tuyến từ ngõ Nguyễn Thông đến nhà Võ Thị Đậu thôn Ngọc An Đông L=220m	Ngõ Nguyễn Thông	Nhà Võ Thị Đậu					0,220								Không thực hiện
11	BTXM tuyến từ ngõ Hồ Bảy đến nhà Huỳnh Tiến thôn Ngọc An Đông L= 75m	Ngõ Hồ Bảy	Nhà Huỳnh Tiến					0,075								Không thực hiện
12	BTXM tuyến từ nhà Võ Tổng đến nhà Đặng Đình Hùng thôn Ngọc An Đông L=110m	Nhà Võ Tổng	Nhà Đặng Đình Hùng					0,110								Không thực hiện
13	Tuyến từ nhà Lê Thị Cự đến nhà Đình Công Tráng thôn Tài Lương 3 L=80m								Nhà Lê Thị Cự	Đình Công Tráng					0,080	Bổ sung
14	Tuyến từ ngõ Đỗ Tấn Thành đến nhà Phạm Thanh Hải thôn Tài Lương 3 L=30m								Ngõ Đỗ Tấn Thành	Nhà Phạm Thanh Hải					0,030	Bổ sung
15	Tuyến từ nhà Nguyễn Thị Kim Loan đến nhà Nguyễn Văn Ích thôn Tài Lương 3 L=35m								Nhà Nguyễn Thị Kim Loan	Nhà Nguyễn Văn Ích					0,035	Bổ sung
16	BTXM tuyến từ ngõ Huỳnh Thâm đến nhà Trần Tâm thôn Ngọc An Trung L=170m								Ngõ Huỳnh Thâm	Nhà Trần Tâm					0,170	Bổ sung
17	BTXM tuyến ngõ Nguyễn Văn Kha đến nhà Hồ Ai thôn Ngọc An Trung L=70m								Ngõ Nguyễn Văn Kha	Nhà Hồ Ai					0,070	Bổ sung
18	BTXM tuyến từ ngõ Nguyễn Hoàn đến nhà Đặng Lượng thôn Ngọc An Trung L=65m								Ngõ Nguyễn Hoàn	Nhà Đặng Lượng					0,065	Bổ sung
19	BTXM tuyến từ ngõ Nguyễn Thông đến nhà Võ Thị Đậu thôn Ngọc An Trung L=220m								Ngõ Nguyễn Thông	Nhà Võ Thị Đậu					0,220	Bổ sung

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của CT UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
20	BTXM tuyến từ ngõ Hồ Bảy đến nhà Huỳnh Tiến thôn Ngọc An Trung L= 75m								Ngõ Hồ Bảy	Nhà Huỳnh Tiến					0,075	Bổ sung
IX	XÃ HOÀI XUÂN			-	-	-	-	-			-	-	-	-	-	
X	XÃ HOÀI HẢI			-	-	-	-	-			0,397	-	0,151	-	0,246	
1	Tuyến đường: Từ đường BT xã đến nhà ông Soi								Đường BT xã	Nhà ông Soi			0,041			Bổ sung
2	Tuyến đường: Từ đường BT xã đến nhà ông Hương								Đường BT xã	Nhà bà Hương					0,126	Bổ sung
3	Tuyến đường: Từ đường BT xã đến nhà ông Hợp								Đường BT xã	Nhà ông Hợp					0,120	Bổ sung
4	Tuyến đường: Từ đường BT xã đến nhà ông Sâm								Đường BT xã	Nhà ông Sâm			0,110			Bổ sung
XI	XÃ HOÀI PHÚ			-	-	-	-	-			1,602	-	-	1,602	-	
1	Từ ngõ Chiều đến nhà Thanh								Ngõ Chiều	Nhà Thanh				0,220		Bổ sung
2	Từ ngõ đường bê tông ngõ Sự đi Gia Long đến ngõ Yên								Ngõ Sự	Ngõ Yên				0,060		Bổ sung
3	Từ ngõ Sắt đến ngõ Hàng								Ngõ Sắt	Ngõ Hàng				0,040		Bổ sung
4	Các tuyến đường thôn Lương Thọ 1													1,039		Bổ sung
5	Tuyến đường từ xóm 17, xóm 18													0,243		Bổ sung
XII	XÃ TAM QUAN BẮC			-	-	-	-	-			-	-	-	-	-	
XII	XÃ HOÀI MỸ			12,623	-	2,050	0,885	9,688			7,393	-	0,880	6,045	0,468	
1	Nhà Bàn đến ruộng Dụ	Nhà Bàn	Ruộng Dụ				0,050								-	Không thực hiện
2	Nhà Tấn Giác đến đường Liên xã	Nhà Tấn Giác	đường Liên xã			1,550									-	Không thực hiện
3	Đường Liên Gia An Nghiệp							0,606							-	Không thực hiện
4	Ngõ May - Nhà Sang	Ngõ May	Nhà Sang					1,074							-	Không thực hiện
5	Nhà Hồng - Nhà Xây	Nhà Hồng	Nhà Xây				0,835								-	Không thực hiện
6	Nhà Phong - Nhà Chung	Nhà Phong	Nhà Chung					0,555							-	Không thực hiện

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của CT UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
7	Cổng Bút chỉ đến ao Diễm	Cổng Bút chỉ	Ao Diễm			0,500										Không thực hiện
8	Sau Trụ sở thôn - Đội 7 Mỹ Thọ	Sau Trụ sở thôn	Đội 7 Mỹ Thọ					1,800								Không thực hiện
9	Trụ Điện - Bi Thảm	Trụ Điện	Bi Thảm					0,313								Không thực hiện
10	Nhà Văn hóa - giáp đường liên xã	Nhà Văn hóa	Giáp đường liên xã					1,300								Không thực hiện
11	Nhà Nhẫn - Vùng Thả	Nhà Nhẫn	Vùng Thả					0,400								Không thực hiện
12	Nhà Lệ - Mương ngòi	Nhà Lệ	Mương ngòi					0,300								Không thực hiện
13	Ruộng Xuân - Nhà Thành	Ruộng Xuân	Nhà Thành					2,300								Không thực hiện
14	Nhà Bé - gò bà Tăng	Nhà Bé	Gò bà Tăng					1,040								Không thực hiện
15	Đường liên gia Nhà Nguyễn Lâu đến Ngõ Thom								Nhà Nguyễn Lâu	Ngõ Thom					0,428	Bổ sung
16	Đường liên xóm Nhà Tấn Giác đến Nghĩa địa Hóc nước								Nhà Tấn Giác	Nghĩa địa Hóc nước			0,880			Bổ sung
17	Đường liên gia Nhà Đề đến Khánh Trạch								Nhà Đề	Khánh Trạch					0,040	Bổ sung
18	Đường liên gia Ngõ Tấn đến Ngõ Dưỡng								Ngõ Tấn	Ngõ Dưỡng				0,781		Bổ sung
19	Đường liên gia Ngõ Tùng - Ngõ Vương								Ngõ Tùng	Ngõ Vương				0,910		Bổ sung
20	Đường liên gia Ngõ Lùng - Nhà Mạng								Ngõ Lùng	Nhà Mạng				0,835		Bổ sung
21	Đường liên gia Nhà Tàu - Nhà Bỏ								Nhà Tàu	Nhà Bỏ				1,664		Bổ sung
22	Đường liên xóm Đường ĐT 639- Trại heo ông Hải								ĐT 639	Trại heo ông Hải				0,747		Bổ sung
23	Đường liên gia Ngõ Tài - Ngõ Cho								Ngõ Tài	Ngõ Cho				0,790		Bổ sung
24	Đường liên gia Nhà Thân - đường liên thôn								Nhà Thân	Đường liên thôn				0,053		Bổ sung

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của CT UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
25	Đường liên gia Nhà Hồ - Nhà Cường								Nhà Hồ	Nhà Cường				0,265		Bổ sung
XI	XÃ HOÀI ĐỨC			1,611	-	-	0,980	0,631			5,362	-	0,210	3,235	1,917	
1	Đường xóm 3 Văn Cang	Nhà ông Tường	Nhà bà Chấn				0,400		Nhà ông Tường (QLIA)	Nhà bà Chấn				0,400		Điều chỉnh điểm đầu
2	Tuyến đường từ nhà ông Tường - nhà ông Bảy	Nhà ông Tường	nhà ông Bảy				0,380		Nhà ông Tường	Nhà ông Bảy				0,480		Tăng chiều dài
3	Đường xóm 1 Lại Đức	Đường bê tông	Nhà bà Hạnh				0,200		Đường bê tông	Nhà bà Hạnh				0,100		Giảm chiều dài
4	Đường xóm Phó Nga thôn Lại Khánh Tây	Nhà ông Cường	Nhà ông Tàu					0,131	Nhà ông Cường	Nhà ông Tàu					0,195	Tăng chiều dài
5	Đường xóm 3 Định Bình	Nhà bà Nguyệt	Nhà ông Hiến					0,500	Nhà bà Nguyệt	Nhà ông Hiến					0,370	Giảm chiều dài
6	Đường xóm 3 Xuân an								Đường BT	Thanh Minh				0,450		Bổ sung
7	Từ ĐT630 - nhà ông Luật								ĐT630	Ông Luật					0,135	Bổ sung
8	Từ ĐT630 - nhà ông Lý								ĐT630	Ông Lý					0,125	Bổ sung
9	Đường vào Hóc Ga Bình Chương Nam								Đường xe lửa	Hóc Ga				0,430		Bổ sung
10	Đường vào Hóc Miếu Bình Chương Nam								Đường xe lửa	Hóc Miếu					0,200	Bổ sung
11	Đường vào nhà ông Khự Bình Chương Nam								Ga xe lửa cũ	Nhà ông Khự					0,080	Bổ sung
12	Đường vào Dinh bà Diễm Khánh								QLIA	Dinh bà				0,230		Bổ sung
13	Từ QLIA vào nhà ông Tư Diễm Khánh								QLIA	Nhà ông Tư			0,210			Bổ sung
14	Đường xóm Xuân Thạnh Tây								Đường bê tông	Nhà ông Thương					0,110	Bổ sung
15	Đường vào nghĩa địa Lại Khánh								Đường bê tông	Nghĩa Địa				0,095		Bổ sung
16	Đường nhà ông Lực - ông Lợi Văn Cang								Ông Lực	Ông Lợi					0,140	Bổ sung
17	Đường nhà ông Tân - ông Hùng Văn Cang								Ông Tân	Ông Hùng					0,100	Bổ sung
18	Đường nhà ông Xuân - ông Bé Văn Cang								Ông Xuân	Ông Bé					0,120	Bổ sung
19	Đường từ QLIA - ông Hường Văn Cang								QLIA	Ông Hường				0,200		Bổ sung

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của CT UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
20	Đường từ nhà bà Nhận - ông Long Văn Cang								Bà Nhận	Ông Long				0,120		Bổ sung
21	Đường từ nhà ông Lại - ông Diên Văn Cang								Ông Lại	Đường bê tông				0,160		Bổ sung
22	Đường từ nhà bà Thảo - ông Thục								Bà Thảo	Ông Thục					0,060	Bổ sung
23	Đường xóm 1 Lại Đức								Đường BT	Ông Tri				0,200		Bổ sung
24	Đường xóm 1 Lại Đức								Đường BT	Nhà ông Thứ				0,100		Bổ sung
25	Đường xóm 2 Lại Đức								Nhà ông Danh	Nhà ông Thọ					0,182	Bổ sung
26	Đường xóm 3 Lại Đức								Đường BT	Nhà ông Vinh					0,100	Bổ sung
27	Đường xóm 4 Lại Đức								Đường BT	Nhà bà Tuyết				0,170		Bổ sung
28	Đường xóm 4 Lại Đức								Đường BT	Nhà bà Huệ				0,100		Bổ sung
XV	XÃ HOÀI CHÂU BẮC			0,300	-	0,300	-	-			0,300	-	-	0,300	-	
1	Tuyến đường ngõ Tín - cống ông Dũng thôn Gia An Đông	Ngõ Tín	Cống ông Dũng			0,300			Ngõ Tín	Cống ông Dũng						Không thực hiện
2	Tuyến ngõ Tầu - ngõ Ngôn, thôn Gia An								Ngõ Tầu	Ngõ Ngôn				0,100		Bổ sung
3	Tuyến ngõ Hào- ngõ Phẩm, thôn Gia An								Ngõ Hào	Ngõ Phẩm				0,130		Bổ sung
4	Tuyến ngõ Ngôn - ngõ Thảo , xóm 1 Gia An								Ngõ Ngôn	Ngõ Thảo				0,070		Bổ sung
XV	THỊ TRẤN BÔNG SƠN			3,834	-	0,370	0,250	3,214			3,033	-	0,883	0,241	1,910	
1	Đường BTXM Khối Phụ Đức từ nhà ông Thích đến nhà ông Trọng	Nhà ông Thích	Nhà ông Trọng			0,250										Không thực hiện
2	Đường BTXM Khối Trung Lương từ nhà bà Trinh đến nhà ông Giữ	Nhà bà Trinh	Nhà ông Giữ				0,250		nhà bà Trinh	nhà ông Giữ				0,241		Giảm chiều dài
3	Đường BTXM Khối Thiết Đính Nam từ giáp đường Cụm công nghiệp đến giáp ngã 5 chân đá Trãi	giáp đường cụm công nghiệp	ngã 5 chân đá Trãi			0,120			giáp đường cụm công nghiệp	ngã 5 chân đá Trãi			0,135			Tăng chiều dài

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của CT UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
4	Đường BTXM khối 4 từ nhà ông Thuần đến nhà bà Hay và nhà ông Ngà	Nhà ông Thuần	Nhà bà Hay và nhà ông Ngà					0,170	nhà ông Thuần	nhà bà Hay và nhà ông Ngà					0,177	Tăng chiều dài
5	Đường BTXM Khối 2 tuyến từ nhà ông Hơ đến nhà ông Đông (L=130m - Loại: D)	Nhà ông Hơ	Nhà ông Đông					0,130	nhà ông Hơ	nhà ông Đông					0,070	Giảm chiều dài
6	Đường BTXM Khối 2 tuyến từ nhà ông Thuần đến nhà ông Chúng	Nhà ông Thuần	Nhà ông Chúng					0,150	nhà ông Thuần	nhà ông Chúng					0,076	Giảm chiều dài
7	Đường BTXM Khối 2 tuyến từ nhà bà Phúc đến nhà ông Duy	Nhà bà Phúc	Nhà ông Duy					0,120	nhà bà Phúc	nhà ông Duy					0,050	Giảm chiều dài
8	Đường BTXM Khối 2 tuyến từ nhà ông Phùng đến nhà ông Hiền	Nhà ông Phùng	Nhà ông Hiền					0,120	nhà ông Phùng	nhà ông Hiền					0,050	Giảm chiều dài
9	Đường BTXM Khối 2 tuyến từ nhà ông Thanh đến nhà ông Công	Nhà ông Thanh	Nhà ông Công					0,120	nhà ông Thanh	nhà ông Công					0,050	Giảm chiều dài
10	Đường BTXM Khối 4 tuyến từ nhà bà Tầm đến nhà ông Lữ	Nhà bà Tầm	Nhà ông Lữ					0,250	nhà bà Tầm	nhà ông Lữ					0,210	Giảm chiều dài
11	Đường BTXM Khối 4 tuyến từ nhà bà Mân đến nhà ông Hồng	Nhà bà Mân	Nhà ông Lữ					0,500	nhà bà Mân	nhà ông Hồng					0,078	Giảm chiều dài
12	Đường BTXM Khối 3 tuyến từ nhà ông Quán đến nhà ông Năm	Nhà ông Quán	Nhà ông Năm					0,190	Nhà ông Quán	Nhà ông Năm					0,175	Giảm chiều dài
13	Đường BTXM Khối 6 tuyến từ nhà ông Thanh đến nhà ông Sơn (L=150m-Loại D)	Nhà ông Thanh	Nhà ông Sơn					0,150	Nhà ông Thanh	Nhà ông Sơn					0,097	Giảm chiều dài
14	Đường BTXM Khối 6 tuyến từ nhà ông Lang đến nhà ông Cát	Nhà ông Lang	Nhà ông Cát					0,150	Nhà ông Lang	Nhà ông Cát					0,059	Giảm chiều dài
15	Đường BTXM Khối 6 tuyến từ nhà ông Đó đến nhà ông Dững	Nhà ông Đó	Nhà ông Dững					0,250	Nhà ông Đó	Nhà ông Dững					0,090	Giảm chiều dài
16	Đường BTXM Khối 6 tuyến từ ông Nhựt đến nhà ông Dững	Từ ông Nhựt	Nhà ông Dững					0,064	Từ ông Nhựt	Nhà ông Dững					0,048	Giảm chiều dài
17	Đường BTXM Khối Liêm Bình tuyến từ nhà ông Đông đến nhà ông Tuấn	Nhà ông Đông	Nhà ông Tuấn					0,150	Nhà ông Đông	Nhà ông Tuấn					0,110	Giảm chiều dài
18	Đường BTXM Khối Liêm Bình tuyến từ nhà ông Tùng đến nhà ông Thành	Nhà ông Tùng	Nhà ông Thành					0,200	Nhà ông Tùng	Nhà ông Thành					0,125	Giảm chiều dài
19	Đường BTXM Khối Thiết Đính Nam tuyến từ nhà ông Chín đến nhà ông Hải	Nhà ông Chín	Nhà ông Hải					0,250	Nhà ông Chín	Nhà ông Hải					0,261	Tăng chiều dài
20	Đường BTXM Khối Thiết Đính Nam tuyến từ nhà ông Long đến nhà ông Tư	Nhà ông Long	Nhà ông Tư					0,250	Nhà ông Long	Nhà ông Tư					0,186	Giảm chiều dài

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của CT UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
21	Đường BTXM khối Thiết Dính Nam từ trạm biến áp 110KV đến nhà máy chế biến gỗ Bồng Sơn								Trạm biến áp 110KV	Nhà máy chế biến gỗ Bồng Sơn			0,300			Bổ sung
22	Đường BTXM khối Phụ Đức - Liêm Bình tuyến từ nhà ông Khôi đến nhà ông Minh								Nhà ông Khôi	Nhà ông Minh			0,448			Bổ sung
XV	THỊ TRẤN TAM QUAN			0,425	0,425	-	-	-			0,710	0,400	0,310	-	-	
1	BTXM tuyến đường miếu Phó Vương	Miếu Phó Vương	Đất ông Đa		0,425				Miếu Phó Vương	Đất ông Đa		-				Không thực hiện
2	BTXM đường giữa vùng rau sạch khối 1								Đường BT nhà Cẩm	Nhà ông Đạo			0,310			Bổ sung
3	BTXM đường xóm nhiều khối 8								Xóm nhiều	An Hào		0,400				Bổ sung
TỔNG CỘNG				36,736	0,425	8,209	10,139	17,963			55,601	0,850	13,487	22,983	18,281	

74

CÁC DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG THỰC TẾ KẾ HOẠCH BÊ TÔNG HOÁ ĐƯỜNG GTNT NĂM 2019 - HUYỆN AN LÃO

(Kèm theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 05/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
I	XÃ AN TRUNG			-	-	-	-	-			0,800	-	0,800	-	-	
1	Thôn 1								Nhà ông Yếu	Đồng Hóc			0,100			Bổ sung
2	Thôn 4								Đoạn nối tiếp	Đập B			0,250			Bổ sung
3	Thôn 5								Đoạn nối tiếp	Nhà bà Mai			0,150			Bổ sung
4	Thôn 5								Đoạn nối tiếp	Nhà ông Kla			0,100			Bổ sung
5	Thôn 6								Đoạn nối tiếp	Đập Rà Ngâm			0,100			Bổ sung
6	Thôn 8								Nhà ông Tênh	Ruộng Sao			0,100			Bổ sung
II	XÃ AN HOÀ			1,280	-	1,280	-	-			10,648	-	9,642	0,861	0,145	
	Thôn Vạn Khánh															
1	Nâng cấp, mở rộng đường Vạn Long - Vạn Khánh (đoạn nối tiếp)	Ngã tư nhà bà Phụng	Giáp với ngã tư đường đi Cầu Gà Dài			0,500			Ngã tư nhà bà Phụng	Nhà ông Nghiêm			0,554			Thay đổi tên danh mục và tăng chiều dài
2	Nâng cấp đường bê tông từ ĐT 629 đến cầu Gò Dài								Ngã 3 Dực	Nhà ông Thành			0,664			Bổ sung
3	Tuyến từ nhà bà Phụng đến nhà bà Lâm Thị Mai								Nhà bà Phụng	Nhà bà Mai			0,120			Bổ sung
4	Tuyến từ nhà ông Phạm Minh Long đến giáp đường Cầu Xạp								Nhà ông Long	Giáp đường Cầu Xạp			0,487			Bổ sung
5	Tuyến từ nhà bà Phòng đến nhà ông Chí								Nhà bà Nguyễn Thị Phòng	Nhà ông Chí				0,065		Bổ sung
6	Tuyến từ Trụ sở thôn đến nhà ông Giáp								Trụ Sở thôn	Nhà ông Giáp				0,046		Bổ sung
7	Tuyến từ Trụ sở thôn đến nhà ông Phúc								Trụ Sở thôn	Nhà ông Phúc			0,126			Bổ sung
8	Tuyến từ nhà ông Thê đến nhà ông Bổng								Nhà ông Thê	Nhà ông Bổng				0,027		Bổ sung
9	Tuyến từ ông Độ đến nhà ông Xảo								Nhà Phạm Văn Độ	Nhà ông Phạm Văn Xảo			0,042			Bổ sung

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
10	Tuyến từ ĐT 629 đến nhà ông Thành								Từ ĐT629	Nhà ông Nguyễn Đức Thành				0,025		Bổ sung
11	Tuyến từ nhà ông Tiến đến nhà ông Xuân								Nhà ông Tiến	Nhà ông Lê Đình Xuân				0,047		Bổ sung
12	Tuyến từ nhà ông Nguyễn Nền đến nhà ông Nguyễn Thường								Nhà ông Nền	Nhà ông Thường				0,017		Bổ sung
13	Tuyến từ nhà Ông Phòng đến nhà bà Ngải								Nhà ông Nguyễn Văn Phòng	Nhà bà Ngô Thị Ngải			0,052			Bổ sung
14	Tuyến từ nhà ông Đỗ Minh đến nhà ông Nguyễn Văn Minh								Nhà Đỗ Minh	Nhà ông Nguyễn Văn Minh			0,055			Bổ sung
15	Tuyến từ đường Cầu Gò Dài đến nhà ông Phạm Năm								Giáp đường Cầu Gò Dài	Nhà ông Phạm Năm				0,030		Bổ sung
	Thôn Vạn Long															
16	Thôn Vạn Long	Đường ĐT629	Đồng ruộng Sũng			0,400								-		Không thực hiện
17	Tuyến từ nhà ông Trương Hiệp đến nhà cô Lang	Nhà ông Hiệp	Nhà cô Lan			0,140			Nhà ông Hiệp	Nhà cô Lan			0,140			Đổi tên danh mục
18	Tuyến nhà 10 Đầu đến nhà ông Đăng	Nhà Mười Đầu	Nhà ông Đăng			0,120			Nhà Mười Đầu	Nhà ông Đăng			0,120			Đổi tên danh mục
19	Tuyến từ nhà ông 3 Đi đến ông Nguyễn Tý	Nhà ba Đi	Nhà ông Tý			0,120			Nhà ba Đi	Nhà ông Tý			0,120			Đổi tên danh mục
20	Tuyến từ nhà ông Tư đến nhà ông Quốc								Nhà ông Tư	Nhà ông Quốc			0,050			Bổ sung
21	Tuyến nội đồng ruộng Đông								Dương be tông hiện	Ruộng Đông			0,050			Bổ sung
22	Tuyến từ nhà ông Phúc đến nhà ông Lê Văn Ba								Nhà ông Phúc	nhà ông Ba			0,060			Bổ sung
	Thôn Trà Cong															
23	Tuyến từ nhà ông Lê Trung đến nhà ông Hồ Văn Hoàn								Nhà ông Trung	Nhà ông Hoàn			0,100			Bổ Sung
24	Tuyến từ nhà ông Lê Văn Đức đến nhà ông Hoàng Ngọc Tăng								Nhà ông Đức	Nhà ông Tăng			0,070			Bổ Sung

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
25	Tuyến từ nhà bà Nguyễn Thị Thu đến nhà ông Trình								Nhà bà Thu	Nhà ông Nguyễn Phúc Trình				0,022		Bổ sung
26	Tuyến từ nhà ông Đặng Trọng Thái đến nhà ông Nguyễn Văn Nhà								Nhà ông Thái	Nhà ông Nghè			0,070			Bổ sung
27	Tuyến từ nhà ông Lê Tấn Sỹ đến nhà ông Võ Sơn Lâm								Nhà ông Sỹ	Nhà ông Lâm			0,045			Bổ sung
28	Tuyến từ nhà ông Lê Văn Tiến đến nhà ông Hồ Văn Điện								Nhà ông Tiến	Nhà ông Điện			0,062			Bổ sung
29	Tuyến từ nhà ông Tịch đến nhà ông Quý								Nhà ông Tịch	Nhà ông Quý			0,055			Bổ sung
	Thôn Hưng Nhượng															Bổ sung
30	Tuyến từ nhà ông Bách đi Trường Mầm Non								Nhà ông Bách	Trường Mầm Non			0,100			Bổ sung
31	Tuyến từ nhà ông Ánh đến nhà ông Toàn								Nhà ông Ánh	Nhà ông Toàn			0,100			Bổ sung
32	Tuyến từ nhà ông Tuấn đến nhà ông Thuận								Nhà ông Tuấn	Nhà ông Thuận			0,200			Bổ sung
33	Nâng cấp, mở rộng đường Hưng Nhượng - Long Hòa								Nhà ông Thăng	Nhà bà Thủy			0,600			Bổ sung
	Thôn Long Hòa															
34	Đường nghĩa địa Gò Đình								Từ đất Nguyễn Ngọc Thành	Đền đất Hồ Văn Thương			1,000			Bổ sung
35	Tuyến từ vườn ươm ông Đông đến tráng bà Hiến								Vườn ươm ông Đông	Tráng bà Hiến			1,050			Bổ sung
36	Tuyến từ đường 5B đến nhà ông Phạm Minh Tuấn								Đường 5B	Nhà ông Tuấn			0,110			Bổ sung
37	Tuyến từ nhà bà Nhậm đến nhà ông Trung								Nhà bà Nhậm	Nhà ông Trung			0,020			Bổ sung
38	Tuyến từ nhà ông Lợi đến nhà bà Hồng								Nhà ông Lợi	Nhà bà Hồng			0,100			Bổ sung
39	Tuyến từ nhà ông Tật đến nhà ông Lê Phó								Nhà ông Tật	Nhà ông Phó				0,080		Bổ sung
40	Tuyến từ nhà ông Đàn đến nhà ông Đức								Nhà ông Đàn	Nhà ông Đức			0,040			Bổ sung

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
41	Tuyến từ nhà Bà Thúy đến nhà ông Nguyên								Nhà bà Thúy	Nhà ông Nguyên			0,040			Bổ sung
42	Tuyến từ nhà ông Đáng đến nhà ông Phúc								Nhà ông Đáng	Nhà ông Phúc			0,020			Bổ sung
	Thôn Vạn Xuân															
43	Tuyến từ nhà ông Quá đến nhà ông Thang								Nhà Ông Quá	Nhà ông Thang			0,090			Bổ sung
44	Tuyến từ nhà Đầy đến nhà ông Chấn								Nhà ông Đầy	Nhà ông Chấn					0,045	Bổ sung
45	Tuyến từ nhà ông Lý đến giáp đường liên thôn								Nhà ông Lý	Đường liên thôn			0,030			Bổ sung
46	Tuyến nội đồng từ ruộng Rộc đến Cồn								Từ ruộng Rộc	Đến Cồn			0,090			Bổ sung
47	Tuyến từ nhà bà Cẩn đến cầu Bà Búa								Nhà bà Cẩn	Cầu bà Búa			0,150			Bổ sung
48	Tuyến từ nhà ông Cửa đến nhà ông Sau								Nhà ông Cửa	Nhà ông Sau			0,040			Bổ sung
49	Tuyến liên thôn từ Bồn điện đến nhà ông Phê								Bồn điện Vạn Xuân	Nhà ông Phê			1,000			Bổ sung
50	Tuyến từ nhà bà Lự đến nhà ông Bông								Nhà bà Lự	Nhà ông Bông			0,125			Bổ sung
51	Tuyến từ nhà ông Đầy đến nhà ông Thi								Nhà ông Đầy	Nhà ông Thi				0,025		Bổ sung
52	Tuyến từ Trụ sở thôn đến giáp đường liên thôn								Trụ Sở thôn	Đường liên thôn			0,125			Bổ sung
53	Tuyến từ nhà Cảnh đến nhà ông Nhanh								Nhà ông Cảnh	Nhà ông Nhanh					0,035	Bổ sung
54	Tuyến từ nhà ông Bảy đến nhà ông Theo								Nhà ông Tô Bảy	Nhà ông Theo					0,035	Bổ sung
55	Tuyến từ nhà bà Hằng đến nhà ông Chơi								Nhà bà Hằng	Nhà ông Chơi			0,025			Bổ sung
56	Tuyến từ nhà ông Nhực đến nhà ông Thọ								Nhà ông Nhực	Nhà ông Thọ			0,025			Bổ sung
57	Tuyến từ nhà ông Vinh đến nhà bà Đến								Nhà ông Vinh	Nhà bà Đến					0,030	Bổ sung
	Thôn Xuân Phong Nam															

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
58	Tuyến từ ĐT 629 đến nhà ông Sáu								Từ ĐT629	Nhà ông Sáu			0,350			Bổ sung
59	Tuyến từ nhà ông Sáu đến nhà ông Thống								Nhà ông Sáu	Nhà ông Thống			0,070			Bổ sung
60	Tuyến từ nhà ông Trắng đến nhà ông Hùng								Nhà ông Trắng	Nhà ông Hùng			0,070			Bổ sung
61	Tuyến từ nhà bà Đào đến nhà ông Định								Nhà bà Đào	Nhà ông Định			0,150			Bổ sung
62	Tuyến từ nhà ông Cường đến nhà bà Nga								Nhà ông Cường	Nhà bà Nga			0,080			Bổ sung
63	Tuyến từ nhà ông Việt đến nhà bà Sa								Nhà ông Việt	Nhà bà Sa			0,200			Bổ sung
64	Tuyến từ nhà ông Quang đến nhà ông Vũ								Nhà ông Quang	Nhà ông Vũ				0,040		Bổ sung
65	Tuyến từ nhà ông Hoàng đến nhà ông Hạ								Nhà ông Hoàng	Nhà ông Hạ			0,040			Bổ sung
66	Tuyến từ nhà ông Phê đến nhà bà Hường								Nhà ông Phê	Nhà bà Hường			0,170			Bổ sung
67	Tuyến từ nhà ông Hào đến nhà ông Cường								Nhà ông Hào	Nhà ông Cường			0,200			Bổ sung
68	Tuyến từ nhà ông Mai đến nhà ông Vương								Nhà ông Mai	Nhà ông Vương			0,090			Bổ sung
69	Tuyến từ nhà ông Châu đến nhà bà Yến								Nhà ông Châu	Nhà bà Yến			0,100			Bổ sung
70	Tuyến từ nhà ông Công đến nhà bà Thành								Nhà ông Công	Nhà bà Thành				0,030		Bổ sung
	Thôn Xuân Phong Bắc															
71	Tuyến từ nhà bảy Tùng đến nhà ông Minh								Nhà bảy Tùng	Nhà ông Minh				0,236		Bổ sung
72	Tuyến từ nhà ông Khô đến Trụ sở thôn								Nhà ông Khô	Trụ sở thôn				0,171		Bổ sung
III	XÃ AN NGHĨA			0,850	-	0,250	0,600	-			0,183	-	-	0,183	-	
1	Thôn 2	Làng xen ghép thôn 2	Nhà văn hóa thôn 1			0,250							-			Không thực hiện

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
2	Thôn 3	Đường bê tông gần máy gao nhà ông Đieu	Trường mẫu giáo Thôn 3				0,600		Đường bê tông gần máy gao nhà ông Đieu	Trường mẫu giáo Thôn 3				0,183		Giảm chiều dài
IV	XÃ AN TÂN			3,316	-	3,200	0,096	0,020			4,530	-	3,875	0,268	0,387	
	Thôn Thuận An															
1	Thôn Thuận An	Nhà ông Lộc	Đường bê tông					0,020							-	Không thực hiện
	Thôn Gò Đồn															
2	Mở rộng đường trục chính thôn Gò Đồn	Gò Đồn	ĐT (An Tân - An Quang)			0,250			Gò Đồn	ĐT (An Tân - An Quang)			0,379			Tăng chiều dài
	Thôn Tân Lập															
3	Xây dựng đường thôn Tân Lập	Nhà ông Thao	DT 629			0,150			Nhà ông Giàu	ĐT 629			0,480			Thay đổi tên danh mục và tăng chiều dài
4	Đường từ nhà ông Tâm đến ruộng bà Lâm	Nhà ông Tâm	ruộng bà Lâm				0,096		Nhà ông Tâm	ruộng bà Lâm			0,420			Thay đổi tên danh mục và giảm chiều dài
5	Đoạn đường vào nghĩa địa thôn Tân Lập								Ngã Hai nước	Nghĩa Địa			0,140			Bổ sung
	Thôn Thanh Sơn															
6	Mở rộng đường liên thôn Thanh sơn	Nhà ông Mười	Nhà ông Thắng			2,500			Nhà ông Mười	Nhà ông Thắng			1,400			Giảm chiều dài
7	Đoạn từ nhà ông Đức - Ruộng Trà 2								Nhà ông Bé	Ruộng Trà 2					0,124	Bổ sung
8	Đoạn từ Hóc 2 - Cổng								Hóc 2	Cổng					0,107	Bổ sung
9	Đoạn từ nhà ông Truyền - Ruộng Nông Trường								Nhà ông Truyền	Ruộng Nông Trường					0,096	Bổ sung
10	Đoạn từ nhà ông Rạng - Nghĩa địa thôn Thanh Sơn								Nhà ông Rạng	Nghĩa địa			0,047			Bổ sung
11	Đoạn từ đường 5B - Nghĩa địa								Đường 5B	Nghĩa địa			0,103			Bổ sung
12	Đoạn từ đường bê tông - Trại ông Tri								Đường bê tông	trại ông Tri				0,268		Bổ sung
	Thôn Tân An															

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
13	Nội bộ khu giãn dân thôn Tân An	Nhà ông Năm	Nhà ông Xuyên			0,300			Nhà ông Năm	Nhà ông Xuyên			0,701			Thay đổi tên danh mục và tăng chiều dài
14	Đoạn từ ĐT 629 - Nhà bà Bê								ĐT 629	Nhà bà Bê					0,060	Bổ sung
	Thôn Thuận Hòa															
15	Đoạn từ nhà ông Tài đến cầu Bến Nhơn thôn Thuận Hòa								Nhà ông Tài	Cầu Bến Nhơn			0,137			Bổ sung
16	Đoạn từ nhà ông Tâm đến nhà ông Chát Thuận Hòa								Nhà ông Tâm	Nhà ông Chát			0,068			Bổ sung
V	XÃ AN VINH			-	-	-	-	-			-	-	-	-	-	
VI	XÃ AN TOÀN			0,120	-	-	0,120	-			0,250	-	0,250	-	-	
1	Thôn 2	Đường nội bộ Thôn 2					0,120							-		Không thực hiện
2	Thôn 3								Trục chính	Nhà ông Rong			0,250			Bổ sung
VII	THỊ TRẤN AN LÃO			0,940	-	0,500	-	0,440			1,642	-	0,952	0,400	0,290	
	Thôn Hưng Nhơn															
1	Đường nội bộ thôn Hưng Nhơn	Đường nội bộ thôn Hưng Nhơn						0,200							-	Không thực hiện
2	Đường từ đường bê tông đến ngã ba nhà ông Trảng	Đường bê tông	Ngã ba nhà ông Trảng			0,100			Đường bê tông	Ngã ba nhà ông Trảng			0,300			Thay đổi tên danh mục và tăng chiều dài
3	Đường từ đường bê tông đến Giếng Mộng								Đường BT	Giếng Mộng			0,100			Bổ sung
4	Đường từ DDT đến ruộng ông Hiệp								Đường ĐT 629	Ruộng ông Hiệp			0,120			Bổ sung
	Thôn Gò Bù															
5	Đường từ đường bê tông đến giáp nhà bà Cảnh	Đường bê tông	Giáp nhà bà Cảnh			0,100			Đường bê tông	Giáp nhà bà Cảnh			0,192			Thay đổi tên danh mục và tăng chiều dài
	Thôn 2															
6		Đường bê tông	Nhà ông Mùi			0,300		0,090								Không thực hiện
7	Đường từ đường bê tông đến nhà ông Mùi								Đường bê tông	Nhà ông Mùi					0,090	Bổ sung

yl

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
8	Đường từ đường bê tông đến nhà ông Chính	Đường bê tông	Nhà ông Chính					0,150	Đường bê tông	Nhà ông Chính				0,150		Thay đổi tên danh mục và chuyển từ D sang C
9	Đường nội bộ thôn 2								Đường nội bộ thôn 2	Đường nội bộ thôn 2					0,200	Bổ sung
	Thôn Hưng Nhơn Bắc															
10	Đường từ đường bê tông đến nhà ông Dũng								Đường BT	Nhà ông Dũng			0,240			Bổ sung
11	Đường từ 5B đến trại ông Sơn								Đường 5B	Trại ông Sơn				0,250		Bổ sung
VIII	XÃ AN HƯNG										0,648	-	0,373	0,140	0,135	
	Thôn 1															
1	Đường bê tông nông thôn khu dã dân thôn 1								Nhà ông Nho	Nhà ông Vương T1	0,373		0,373			Bổ sung
	Thôn 4															
2	Đường ngõ xóm								Nhà ông Đea B	Nhà bà Góm	0,035				0,035	Bổ sung
3	Đường ngõ xóm								Đường thôn	Nhà ông Xươn	0,050				0,050	Bổ sung
4	Đường ngõ xóm								Nhà ông Bá	Nhà ông Cư	0,050				0,050	Bổ sung
	Thôn 5															
5	Đường nội đồng thôn 5								Đường 5B	Suối Krúi	0,140			0,140		Bổ sung
IX	XÃ AN QUANG										2,000	-	2,000	-	-	
1	Thôn 3								Thôn 3	Đồng Mây			0,300			Bổ sung
2	Thôn 6								Làng mới	Làng cũ			0,700			Bổ sung
3	Thôn 4								Trục đường liên	Đồng nước Rung			1,000			Bổ sung
X	BAN QLDA ĐTXD HUYỆN										8,492	-	8,492	-	-	
1	Bê tông mặt đường dân sinh thôn 1 xã An Toàn (HM: Đoạn từ đường chính đến ruộng Ram)								Nối tiếp BT tuyến đường chính hiện có	Tại Km 0 + 941			0,941			Bổ sung
2	Đường khu giãn dân thôn 2 xã An Quang								Tiếp giáp đường An Hòa - An Quang	Cuối đường khu giãn dân Thôn 2 An Quang			0,219			Bổ sung
3	Nâng cấp tuyến đường liên thôn Long Hòa đến thôn Vạn Khánh								Tiếp giáp đường ĐT 629 hiện có	Tiếp giáp đường Vạn Xuân hiện có			1,820			Bổ sung

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
4	Nâng cấp tuyến đường liên xã An Tân đến xã An Quang								Tiếp giáp đường 629 hiện có	Tiếp giáp đường An Hòa - An Quang hiện có			2,200			Bổ sung
5	Khắc phục sạt lở đường vào UBND xã An Nghĩa và đường thôn 1 - thôn 3 xã An Nghĩa								Tiếp giáp với đường bê tông hiện có hướng về UBND xã	Tiếp giáp với đường bê tông hiện có hướng về Thôn 3			0,878			Bổ sung
6	Via hè và hệ thống thoát từ nhà bà Ngọc đến nhà ông Quá								Tiếp giáp ngã ba nhà bà Ngọc	Tiếp giáp với đường bê tông hiện có hướng về Thôn 3			0,332			Bổ sung
7	Đường khu văn hóa thể thao xã An Toàn								Đường BT liên xã An Toàn	Trạm y tế xã An Toàn			0,102			Bổ sung
8	Nâng cấp các đường liên thôn xã An Hòa								Đường liên thôn xã An Hoà	Đường liên thôn xã An Hoà			2,000			Bổ sung
TỔNG CỘNG				6,506	-	5,230	0,816	0,460			29,193	-	26,384	1,852	0,957	

CÁC DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG THUỐC KẾ HOẠCH BÊ TÔNG HOÁ ĐƯỜNG GTNT NĂM 2019 - HUYỆN HOÀI ÂN

(Kèm theo Quyết định số 3146/QĐ-UBND ngày 05/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
I	XÃ AN TUƠNG ĐÔNG			0,250	-	-	0,250	-			1,110	-	0,780	0,330	-	
1	Tuyến từ ĐT 629 đến nhà bà Mót	Từ ĐT 629, thôn Bình Hòa Bắc	Nhà bà Mót, thôn Bình Hòa Bắc				0,250		Từ ĐT 629, thôn Bình Hòa Bắc	Nhà bà Mót, thôn Bình Hòa Bắc				0,330		Tăng chiều dài
2	Tuyến từ đá Ánh đến suối								Đá Ánh, Bình Hòa Nam	Suối, Bình Hòa Nam			0,300			Bổ sung
3	Tuyến từ nhà ông Mua đến nhà ông Đạt								Nhà ông Mua, Cẩm Đức	Nhà ông Đạt, Cẩm Đức			0,100			Bổ sung
4	Tuyến ĐT 629 đến nhà ông phong (nối tiếp)								Từ ĐT 629, thôn Bình Hòa Nam	Nhà ông Phong, thôn Bình Hòa Nam			0,252			Bổ sung
5	Tuyến từ nhà ông Lê Văn Phúc đến nhà ông Dũng (nối tiếp)								Nhà ông Phúc, thôn Bình Hòa Nam	Nhà ông Dũng, thôn Bình Hòa Nam			0,128			Bổ sung
II	XÃ AN HẢO ĐÔNG			-	-	-	-	-			-	-	-	-	-	
III	XÃ AN NGHĨA			-	-	-	-	-			-	-	-	-	-	
IV	XÃ AN HỮU			-	-	-	-	-			-	-	-	-	-	
V	XÃ BOK TỐI			-	-	-	-	-			0,450	-	0,450	-	-	
1	BTXM từ nhà bà Đình Thị Ứt đến nhà Đình Thị Nhặng								Nhà Đình Thị Ứt, T1	Nhà Đình Thị Nhặng, T1			0,100			Bổ sung
2	BTXM tuyến từ nhà ông Đình Văn Giel đến nghĩa trang liệt sĩ								Nhà ông Đình Văn Giel	Nghĩa trang liệt sĩ			0,300			Bổ sung
3	BTXM từ giáp đường bê tông nội đồng đến nhà Đình Văn Sum								Đường BT, T2	Nhà Đình Văn Sum, T2			0,050			Bổ sung
VI	XÃ AN TUƠNG TÂY			-	-	-	-	-			1,570	-	1,570	-	-	
1	Tuyến đường bê tông - Hóc Lớn								Đường bê tông, Phú Hữu 1	Hóc Lớn, Phú Hữu 1			0,400			Bổ sung
2	Tuyến đường bê tông - Nghĩa địa xóm 3								Đường bê tông, Phú Hữu 1	Xóm 3, Phú Hữu 1			0,250			Bổ sung

3	Tuyến ĐT 630 - Nhà bà Tú								ĐT 630, Phú Hữu 2	Bà Tú, Phú Hữu 2			0,350			Bổ sung
4	Tuyến bê Tông - Nghĩa địa Gò Lãng								Đường bê tông, Phú Hữu 2	Gò Lãng, Phú Hữu 2			0,150			Bổ sung
5	Tuyến ĐT 630 - Nhà ông Văn								ĐT 630, Hà Tây	Ông Văn, Hà Tây			0,250			Bổ sung
6	Tuyến đường Bê tông - Nhà ông Xuân								Đường bê tông, Tân Thịnh	Ông Xuân, Tân Thịnh			0,170			Bổ sung
VII	XÃ AN ĐỨC			-	-	-	-	-			4,352	-	0,890	1,265	2,197	
1	Tuyến ĐT 630 - nhà ông Diệp								ĐT 630	Nhà ông Diệp					0,132	Bổ sung
2	Tuyến ĐT 630 - đồng đội 4								ĐT 630	Đồng đội 4				0,150		Bổ sung
3	Tuyến nhà bà Phụng - nhà ông Phước								Nhà bà Phụng	Nhà ông Phước					0,139	Bổ sung
4	Tuyến nhà bà Phòng - nhà ông Chánh								Nhà bà Phòng	Nhà ông Chánh					0,215	Bổ sung
5	Tuyến nhà ông Tài - nhà ông Hoàng								Nhà ông Tài	Nhà ông Hoàng					0,185	Bổ sung
6	Tuyến nhà ông Chiến - nhà ông Quý								Nhà ông Chiến	Nhà ông Quý					0,376	Bổ sung
7	Tuyến nhà ông Dợi - nhà ông Oanh								Nhà ông Dợi	Nhà ông Oanh					0,050	Bổ sung
8	Tuyến nhà ông Sơn - nhà ông Ngọc								Nhà ông Sơn	Nhà ông Ngọc			0,120			Bổ sung
9	Tuyến nhà ông Thanh - nhà ông Quảng								Nhà ông Thanh	Nhà ông Quảng					0,147	Bổ sung
10	Tuyến nhà bà Tâm - nhà ông Long								Nhà bà Tâm	Nhà ông Long					0,200	Bổ sung
11	Tuyến ĐT 630 - nghĩa địa Phú Thuận								ĐT 630	Nghĩa địa Phú Thuận				0,190		Bổ sung
12	Tuyến từ đường BT - nhà ông Lưu								Từ đường BT	Nhà ông Lưu				0,220		Bổ sung
13	Tuyến từ đường tây tỉnh - nhà ông Phước								Từ đường tây tỉnh	Nhà ông Phước			0,420			Bổ sung
14	Tuyến từ đường BT - nhà bà Minh								Từ đường BT	Nhà bà Minh			0,470			Bổ sung
15	Tuyến từ đường BT - nhà bà Nga								Từ đường BT	Nhà bà Nga					0,570	Bổ sung
16	Tuyến nhà ông Sang - nhà ông Đức								Nhà ông Sang	Nhà ông Đức				0,110		Bổ sung
17	Tuyến nhà ông Hoàng - nhà ông Thoại								Nhà ông Hoàng	Nhà ông Thoại				0,475		Bổ sung
18	Tuyến từ ruộng ông Cảnh - nhà ông Ka								Từ ruộng ông Cảnh	Nhà ông Ka					0,107	Bổ sung
19	Tuyến nhà bà Nê - nhà bà Thân								Nhà bà Nê	Nhà bà Thân					0,076	Bổ sung
VIII	XÃ AN TÍN			-	-	-	-	-			3,275	-	0,300	0,280	2,695	
1	Tuyến từ đường tây tỉnh - nghĩa địa Đông Hầm								Từ đường tây tỉnh	Nghĩa địa Đông Hầm			0,175			Bổ sung
2	Tuyến từ đường qua xóm Suối								Đường bê tông	Cầu Suối			0,125			Bổ sung
3	Tuyến từ đường chính đến nhà ông Toàn								Đường chính	Nhà ông Toàn				0,280		Bổ sung
4	Tuyến từ đường chính đến nhà ông Vinh								Đường bê tông	Nhà ông Vinh					0,090	Bổ sung
5	Tuyến từ đường chính đến nhà ông Chờ								Đường bê tông	Nhà ông Chờ					0,070	Bổ sung
6	Tuyến từ đường chính đến nhà ông Hùng								Nhà ông Quang	Nhà ông Hùng					0,050	Bổ sung
7	Tuyến từ đường chính đến nhà ông Bảo								Đường bê tông	Nhà ông Bảo					0,040	Bổ sung
8	Tuyến từ đường chính đến nhà bà Hoanh								Đường bê tông	Nhà bà Hoanh					0,070	Bổ sung
9	Tuyến từ đường chính đến nhà ông Thanh								Nhà bà Lan	Nhà ông Thanh					0,070	Bổ sung
10	Tuyến từ đường tây tỉnh đến nhà ông Cải								Đường bê tông	Nhà ông Cải					0,100	Bổ sung
11	Tuyến từ đường chính đến nhà ông Hải								Đường bê tông	Nhà ông Hải					0,100	Bổ sung

12.	Tuyến từ đường chính đến nhà ông Bảo								Đường bê tông	Nhà ông Bảo					0,175	Bổ sung	
13	Tuyến từ đường bê tông đến nhà bà Thạch								Nhà ông Dân	Nhà bà Hương					0,170	Bổ sung	
14	Tuyến từ đường bê tông đến nhà ông Nhân								Nhà ông Phước	Nhà ông Thạch					0,065	Bổ sung	
15	Tuyến từ đường bê tông đến nhà bà Nhân								Đường bê tông	Nhà bà Nhân					0,850	Bổ sung	
16	Tuyến từ đường bê tông đến nhà ông Đức								Đường bê tông	Nhà ông Đánh					0,045	Bổ sung	
17	Tuyến từ đường bê tông đến nhà ông Đức								Đường bê tông	Nhà ông Đức					0,060	Bổ sung	
18	Tuyến từ đường bê tông đến nhà bà Mỹ								Đường bê tông	Nhà bà Mỹ					0,150	Bổ sung	
19	Tuyến từ đường bê tông đến nhà ông Sự								Đường bê tông	Nhà ông Sự					0,110	Bổ sung	
20	Tuyến từ nhà ông Bưởi đến nhà ông Nghĩa								Nhà ông Bưởi	Nhà ông Nghĩa					0,290	Bổ sung	
21	Tuyến từ đường chính đến nhà ông Ngoan								Đường bê tông	Nhà ông Ngoan					0,080	Bổ sung	
22	Tuyến từ đường bê tông đến nhà ông Kỳ								Đường bê tông	Nhà ông Kỳ					0,060	Bổ sung	
23	Tuyến từ đường bê tông đến nhà bà Đền								Đường bê tông	Nhà bà Đền					0,050	Bổ sung	
IX	XÃ AN THẠNH			-	-	-	-	-				4,171	-	1,100	-	3,071	
1	Tuyến từ đường liên xã đến ngõ nhà ông Chế Văn Cường								Đường bê tông	Nhà ông Cường					0,120	Bổ sung	
2	Tuyến từ đường BTXM xóm 2 đến ngõ nhà bà Lê Thị Bích Sương								Đường bê tông	Nhà bà Sương					0,181	Bổ sung	
3	Tuyến từ đường BTXM liên xóm đến nhà Văn hóa thôn								Đường bê tông	Nhà văn hóa thôn					0,120	Bổ sung	
4	Tuyến từ đường BTXM liên xóm đến ngõ nhà ông Nguyễn Xuân								Đường bê tông	Nhà ông Xuân					0,132	Bổ sung	
5	Tuyến từ đường liên huyện đến nghĩa địa thôn Thế Thạnh 2								Đường bê tông	Nghĩa địa thôn thế Thạnh 2			0,300			Bổ sung	
6	Tuyến từ ngõ nhà ông Định đến ngõ nhà ông Màng								Nhà ông Định	Nhà ông Màng					0,200	Bổ sung	
7	Tuyến từ ngõ nhà ông Hạnh đến ngõ nhà ông Ngân								Nhà ông Hạnh	Nhà ông Ngân					0,270	Bổ sung	
8	Tuyến từ nhà ông Phú đến nhà ông Tâm								Nhà ông Phú	Nhà ông Tâm					0,250	Bổ sung	
9	Tuyến từ đường liên thôn đến ngõ Cường								Đường bê tông	Nhà ông Cường					0,133	Bổ sung	
10	Tuyến từ đường liên xóm đến ngõ Ngô Tấn Thuận								Đường bê tông	Nhà ông Thuận					0,150	Bổ sung	
11	Tuyến từ ngõ nhà Mai Thành Long đến hồ hóc Cửa								Nhà ông Mai	Hồ hóc Cửa			0,800			Bổ sung	
12	Tuyến từ đường liên xóm đến ngõ nhà Võ Thành Phi								Đường bê tông	Nhà ông Phi					0,133	Bổ sung	
13	Tuyến từ đường liên xóm đến ngõ nhà Lê Thị Thúy Vy								Đường bê tông	Nhà bà Phi					0,110	Bổ sung	
14	Tuyến từ đường Văn Chi đến nhà bà Lê Thị Thuần								Đường bê tông	Nhà bà Thuần					0,140	Bổ sung	
15	Tuyến từ ngõ ông Nguyễn Hữu Lập đến ngõ ông Phan Công Trục								Nhà ông Lập	Nhà ông Trục					0,180	Bổ sung	

16	Tuyến từ đường BTXM xóm 2 đến ngõ nhà ông Trần Văn Thạnh								Đường bê tông	Nhà ông Thạnh					0,121	Bổ sung
17	Tuyến từ đường liên xã đến ngõ nhà ông Võ Hồng Giang								Đường bê tông	Nhà ông Giang					0,152	Bổ sung
18	Tuyến từ đường liên xã đến ngõ nhà ông Nguyễn Hữu Thạnh								Đường bê tông	Nhà ông Hạnh					0,157	Bổ sung
19	Tuyến từ đường BTXM liên xã đến nghĩa địa xóm 3 Phú Văn								Đường bê tông	Nghĩa địa xóm 3 Phú Văn					0,150	Bổ sung
20	Tuyến từ đường BTXM liên xã đến ngõ nhà Nguyễn Thị Mến								Đường bê tông	Nhà bà Mến					0,372	Bổ sung
X	XÃ ÂN HẢO TÂY			-	-	-	-	-			0,460	0,460	-	-	-	
1	Tuyến đường liên xã từ ngã 3 đường nhà ông sáu Thọ - giáp cầu suối nước Đục											0,460				Bổ sung
XI	XÃ ÂN MỸ			-	-	-	-	-			5,942	5,000	0,130	-	0,812	
1	BTXM tuyến Đại Định								Nhà bà Hạnh	Ngã 3 cây Mai		2,900				Bổ sung
2	BTXM tuyến đường từ ĐT 629 đi đập Lại Giang								Đường ĐT 629	Đập Lại Giang		2,100				Bổ sung
3	BTXM tuyến từ đường bê tông đến bãi rác thôn Đại Định												0,130			Bổ sung
4	Tuyến từ nhà ông Tín đến nhà bà Lê Thị Hữu								Nhà ông Tín	Nhà bà Hữu					0,060	Bổ sung
5	Tuyến từ đường Bê tông đến nhà ông Đoàn Cam								Đường bê tông	Nhà ông Cam					0,042	Bổ sung
6	Tuyến từ nhà bà Mãi đến nhà bà Châu								Nhà bà Mãi	Nhà bà Châu					0,045	Bổ sung
7	Tuyến từ nhà ông Linh đến khu giãn dân								Nhà ông Linh	Khu giãn dân					0,300	Bổ sung
8	Tuyến từ nhà ông đến - nhà ông Bình								Nhà ông Đến	Nhà ông Bình					0,065	Bổ sung
9	Tuyến từ đường Bê tông đến nhà ông Hà Trọng Tuyên								Đường bê tông	Nhà ông Tuyên					0,070	Bổ sung
10	Tuyến từ đường Bê tông đến nhà bà Nguyễn Thị Chín								Đường bê tông	Nhà bà Chín					0,070	Bổ sung
11	Tuyến từ đường bê tông đến nhà ông Xong								Đường bê tông	Nhà ông Xong					0,105	Bổ sung
12	Tuyến từ đường ĐT 629 đến nhà bà Thập								Đường ĐT 629	Nhà bà Thập					0,055	Bổ sung
TỔNG CỘNG				0,250	-	-	0,250	-			21,330	5,460	5,220	1,875	8,775	

CÁC DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG THỰC KẾ HOẠCH BÊ TÔNG HOÁ ĐƯỜNG GTNT NĂM 2019 - HUYỆN TÂY SƠN

(Kèm theo Quyết định số 3176/QĐ-UBND ngày 05/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
I	XÃ BÌNH NGHI			-	-	-	-	-			1,410	-	1,410	-	-	
1	Đường khu dân cư Nước Xanh								Đường bê tông trước nhà bà Lễ	Nhà Trần Văn Lâm			0,353			Bổ sung
2	Đường từ nhà Phan Văn Thông đến nhà Nguyễn Đại Phong								Nhà Phan Văn Thông	Nhà Nguyễn Đại Phong			0,409			Bổ sung
3	Đường bê tông đi nghĩa địa đến giáp bê tông Gò Găng								Ngã ba đường bê tông trong nhà Hume	Giáp bê tông Gò Găng			0,648			Bổ sung
II	XÃ TÂY XUÂN			-	-	-	-	-			-	-	-	-	-	
III	XÃ TÂY PHÚ			-	-	-	-	-			1,353	-	1,353	-	-	
1	Từ nhà Hồ Trường đến giáp mương Lộc Đồng								nhà Hồ Trường	mương Lộc Đồng			0,703			Bổ sung
2	Từ ngã 3 Huỳnh Trọng Từu đến nhà Phan Tấn Sanh								nhà Huỳnh Trọng Từu	ngõ Thuộc			0,400			Bổ sung
3	Đường nhà ông Hải đến giáp đường Chùa								Nhà ông Hải	Đường Chùa			0,250			Bổ sung
IV	XÃ VĨNH AN			-	-	-	-	-			-	-	-	-	-	
V	XÃ BÌNH TUƠNG			0,340	-	0,340	-	-			4,120	-	4,120	-	-	
1	Đường từ nhà ông Hoàng đến đường Văn Phong	Nhà ông Hoàng	Đường Văn Phong			0,340			Nhà ông Hoàng	Đường Văn Phong			0,920			Tăng chiều dài
2	Đường từ nhà ông Sang đến đất thổ Thiệp xóm 2 Hòa Hiệp								Nhà ông Sang	Đất Thiệp			1,000			Bổ sung
3	Đường từ nhà ông Da đến đồng Trại xóm 2 Hòa Hiệp								Nhà ông Da	Đồng Trại			1,500			Bổ sung
4	Đường từ ruộng bà Bộ đến Rộc Lược								ruộng bà Bộ	Rộc Lược			0,700			Bổ sung
VI	XÃ TÂY GIANG			-	-	-	-	-			-	-	-	-	-	
VII	XÃ TÂY THUẬN			-	-	-	-	-			-	-	-	-	-	
VIII	XÃ BÌNH THÀNH			-	-	-	-	-			7,570	-	-	6,030	1,540	
1	Đường từ nhà ông Hiền đến nhà ông Lào thôn Kiên Ngãi								nhà ông Hiền	nhà ông Lào				0,850		Bổ sung

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
2	Đường từ nhà ông Thìn đến mương Văn Phong thôn Kiên Long								nhà ông Thìn	mương Văn Phong				0,820		Bổ sung
3	Đường từ nhà ông Hương đến gò ông Súng thôn Kiên Long								nhà ông Hương	gò ông Súng				0,710		Bổ sung
4	Đường từ nhà ông Cấn đến nhà ông Chắt thôn Kiên Long								nhà ông Cấn	nhà ông Chắt				0,470		Bổ sung
5	Đường từ mương Quang Điền đến rộc Sầu Đâu thôn Kiên Long								mương Quang Điền	rộc Sầu Đâu				0,140		Bổ sung
6	Đường từ nhà ông Lâm đến nhà ông Hậu thôn Kiên Long								nhà ông Lâm	nhà ông Hậu				0,360		Bổ sung
7	Đường từ nhà ông Tàu đến nhà ông Ngưu thôn Kiên Ngãi								nhà ông Tàu	nhà ông Ngưu				0,790		Bổ sung
8	Đường từ nhà ông Mầu đến nhà ông Năm thôn Kiên Ngãi								nhà ông Mầu	nhà ông Năm				0,710		Bổ sung
9	Đường từ nhà ông Hưng đến nhà ông Hồng thôn Kiên Ngãi								nhà ông Hưng	nhà ông Hồng				0,690		Bổ sung
10	Đường từ nhà ông Lợi đến nhà ông Khoa thôn Phú Lạc								nhà ông Lợi	nhà ông Khoa				0,490		Bổ sung
11	Đường từ nhà ông Nhơn đến nhà ông Kỳ thôn Kiên Ngãi.								nhà ông Nhơn	nhà ông Kỳ					0,820	Bổ sung
12	Đường từ nhà ông Hiến đến nhà ông Hội thôn Kiên Ngãi								nhà ông Hiến	nhà ông Hội					0,470	Bổ sung
13	Đường từ nhà ông Hiến đến nhà ông Em thôn Kiên Long								nhà ông Hiến	nhà ông Em					0,250	Bổ sung
IX	XÃ BÌNH HOÀ			-	-	-	-	-			-	-	-	-	-	
X	XÃ BÌNH TÂN			2,387	-	0,081	1,767	0,539			3,511	-	1,252	1,224	1,035	
1	Đường ngõ nhà ông Phạm Ngọc Dũng, Trịnh Văn Bình					0,081										Không thực hiện
2	Đường ngõ nhà ông Trần Văn Đôn						0,061								-	Không thực hiện
3	Đường ngõ nhà bà Ta, Mai, Hoa, Thúy, Cừ, Lục, Trọng, Vui, Sanh, Giới, Duy						0,293								-	Không thực hiện
4	Đường ngõ nhà ông Trần Minh Phương, Nguyễn Nhậm, Vương Kim Minh						0,159							0,080		Giảm chiều dài
5	Đường ngõ nhà ông Huỳnh Ngọc Tứ, Huỳnh Xuân Hào, Nguyễn Thị Luận, Hà Thị Dân						0,262								-	Không thực hiện

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
6	Đường ngõ nhà ông Nguyễn Ngọc Chung, Nguyễn Văn Hiền, Phạm Ngọc Tổng, Trần Đức Tiến						0,221							0,149		Giảm chiều dài
7	Đường ngõ nhà ông Trịnh Ngọc Văn, Lê Văn Tam, Huỳnh Đồng Hành, Võ Anh Đài, Nguyễn Minh Tuấn						0,211							-		Không thực hiện
8	Đường ngõ nhà ông Nguyễn Cẩn						0,070							-		Không thực hiện
9	Đường từ nhà ông Nguyễn Bá Chút đến nhà bà Nguyễn Thị Sơn	Nhà ông Nguyễn Bá Chút	Nhà bà Nguyễn Thị Sơn				0,443							-		Không thực hiện
10	Đường từ nhà ông Vương Quý đến nhà ông Phú	Nhà ông Vương Quý	Nhà ông Phú				0,047		Nhà ông Vương Quý	Nhà ông Phú				0,078		Tăng chiều dài
11	Đường ngõ nhà ông Trần Bá Lộc, Nguyễn Gặp, Nguyễn Đức Tuấn							0,169							0,134	Giảm chiều dài
12	Đường ngõ nhà ông Hồ Văn Châu, Đặng Vĩnh Chung, Nguyễn Công Minh, Nguyễn văn Tiến, Trần Mai, Trần Thị Ngọc Siêm							0,208							0,119	Giảm chiều dài
13	Đường ngõ nhà ông Trần Lộc Thọ, Đàm Thị Ngọc Tâm, Đàm Tấn Dũng, Đàm Tấn Sanh, Đàm Tấn Bình, Đàm Tấn Sơn							0,162							0,091	Giảm chiều dài
14	Đường từ bến sông đến kênh N1 Thuận Ninh								Thuận Ninh	Bến sông			0,240			Bổ sung
15	Đường từ nhà ông Tại đến cây me đồng Vàng								Mỹ Thạch	Nhà ông Tại			0,740			Bổ sung
16	Đường từ ngã 3 đến nhà ông Thanh								Thuận Hòa	Ngã 3			0,117			Bổ sung
17	Đường từ ngã 3 đường bê tông đến nhà ông Thới								Mỹ Thạch	Ngã 3 đường bê tông			0,155			Bổ sung
18	Đường đặc thù xóm Tây Thuận Hòa								Thuận Hòa					0,372		Bổ sung
19	Đường từ xóm 2 đến nhà ông Huỳnh Đức Sơn, Đường từ ngõ nhà bà LIA THỊ DIỄM								Phú Hưng	Xóm 2				0,244		Bổ sung
20	Đường từ ngõ ông Long đến nhà ông Chung								An Hội	Ngõ ông Long				0,301		Bổ sung
21	Đường từ ngã 3 đến nhà ông Nga, Huỳnh, Hân								Thuận Hòa	Ngã 3					0,370	Bổ sung
22	Đường từ ngã 3 đến Hồ Thuận Ninh								M6	Ngã 3					0,100	Bổ sung
23	Đường từ ngã 3 đến nhà bà Trần Thị Luận								Mỹ Thạch	Ngã 3					0,221	Bổ sung
XI	XÃ BÌNH THUẬN			8,019	-	1,350	2,013	4,656			4,089	-	1,322	2,767	-	

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
1	Đoạn từ cổng làng văn hóa Thuận Hiệp đến Đồng Tháo	Cổng làng VH	Đồng Tháo			1,350			Cổng làng VH	Đồng Tháo			1,242			Giảm chiều dài
2	Đoạn từ đường BTXM đến nhà Nguyễn Tường	Đường BTXM	Nguyễn Tường				0,178		Đường BTXM	Nguyễn Tường				0,138		Giảm chiều dài
3	Đoạn từ đường BTXM xóm 4 đến nhà Mai Văn Phú	Đường BTXM	Mai Văn Phú				0,250							-		Không thực hiện
4	Đoạn từ đường BTXM đến Nghĩa địa	Đường BTXM	Nghĩa địa				0,300							-		Không thực hiện
5	Đoạn từ đường BTXM đến nhà Nguyễn Minh Bá	Đường BTXM	Nguyễn Minh Bá				0,115							-		Không thực hiện
6	Đoạn từ nhà Thân Kim Tuyền đến Gò MỘ	Thân Kim Tuyền	Gò MỘ				0,320							-		Không thực hiện
7	Đoạn từ nhà Bùi Văn Chính đến nhà Nguyễn Thị Hận	Bùi Văn Chính	Nguyễn Thị Hận				0,160							-		Không thực hiện
8	Đoạn từ nhà Phan Ngọc Bin đến nhà Nguyễn Thành Điệp	Phan Ngọc Bin	Ng. Thành Điệp				0,110							-		Không thực hiện
9	Đoạn từ nhà Dương Văn đến nhà Huỳnh Hiền	Dương Văn	Huỳnh Hiền				0,185							-		Không thực hiện
10	Đoạn từ nhà Nguyễn Hùng Am đến nhà Bùi Văn Tín	Ng. Hùng Am	Bùi Văn Tín				0,395							-		Không thực hiện
11	BTXM các tuyến Thuận Hiệp: BTXM xóm 1 đến nhà Dũng, đến nhà Ân, đến nhà Quân, đến nhà Bình, đến nhà Tùng							0,150								Không thực hiện
12	BTXM các tuyến Thuận Nhứt: BTXM xóm 1 đến nhà Đức, đến nhà Chân + Phòng, đến nhà Khoa + Thành + Ban + nhà xóm, đến nhà Dư + Dây + Sứ + Sơn, đến nhà Sen + Huệ + Văn							0,485								Không thực hiện
13	BTXM các tuyến Thuận Nhứt: BTXM xóm 2 đến nhà Hải, đến nhà Nại + Nãi, đến nhà Nhất, đến nhà Tánh, đến nhà Hiệu							0,176								Không thực hiện
14	BTXM các tuyến Thuận Nhứt: BTXM xóm 5 đến nhà Hòa, đến nhà An + Chùng, đến nhà xóm + Lượng + Siêng + Đầu, đến nhà Thiên + Giảng + Sang							0,344								Không thực hiện

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
15	BTXM các tuyến Thuận Nhứt: BTXM xóm 6 đến nhà Hữu + Phúc + Yên, đến nhà Dũng + Điền + Đàm							0,181								Không thực hiện
16	BTXM các tuyến Thuận Nhứt: BTXM xóm 7 đến nhà Nghệ + Thời + Hoa + Ngọc + Thành, đến nhà Cùng + Tuấn + Kết, đến nhà Phương + Pháp + Vinh, đến nhà Thủy							0,430								Không thực hiện
17	BTXM các tuyến Thuận Nhứt: BTXM xóm 9 đến nhà Lương + Điệp + nhà xóm, đến nhà Lê + Thiệu							0,285								Không thực hiện
18	BTXM các tuyến Thuận Truyền: BTXM xóm 1 đến nhà Đoàn + Hồng, đến nhà Dũng + Thành + Văn							0,420								Không thực hiện
19	BTXM các tuyến Thuận Truyền: BTXM xóm 2 đến nhà Dũng + Phú + Cường + Linh + Nhi, đến nhà Trường + Hoài + Nga, đến nhà Quý + Ty + Thu							0,290								Không thực hiện
20	BTXM các tuyến Thuận Truyền: BTXM xóm 3 đến nhà Minh + Thủy + Phụng + Thu + Mai, đến nhà Ánh + Hiếu + Được + Hằng, đến nhà Đoàn + Phú + Nam + Thanh + Cang							0,793								Không thực hiện
21	BTXM các tuyến Thuận Truyền: BTXM xóm 4 đến nhà Sương + Lai + Tài + Lãnh + Hương, đến nhà Đạo + Minh + Hải + Thiện + Dũng + Hạnh, đến nhà Đoàn + Lợi + Chánh + Tâm, đến nhà Lộc + Sỹ + Sang + Nguyệt							0,882								Không thực hiện
22	BTXM các tuyến Hòa Mỹ : BTXM xóm 1 đến nhà Hậu + Hạnh + Dũng, BTXM xóm 2 đến nhà Anh + Dũng + Hón + Trang, BTXM xóm 3 đến nhà Tiến + Tuấn							0,220								Không thực hiện
23	BTXM các tuyến nhà xóm, trụ sở thôn Thuận Nhứt								Đường BTXM	Trụ sở thôn				0,090		Eổ sung
24	Đoạn từ nhà ông Trần Huỳnh đến nhà Nguyễn Văn Hàng								Trần Huỳnh	Nguyễn Văn Hàng				0,315		Eổ sung

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
25	Đoạn từ đường bê tông đến nhà Trần Qui								Đường BTXM	Nhà Trần Qui				0,175		Bổ sung
26	Đoạn từ Gò Hổ đến kênh tưới Văn Phong								Chợ Gò Hổ	Kênh Văn Phong				0,982		Bổ sung
27	Đoạn từ đường BTXM đến nhà xóm 2 Thôn Thuận Truyền								Đường BTXM	Nhà xóm 2				0,095		Bổ sung
28	Từ đường 638b đến nhà ông Công đến nhà xóm 3								Đường 638b	Nhà xóm 3			0,080			Bổ sung
29	Đường BTXM đến trụ sở thôn Thuận truyền								Đường BTXM	Trụ sở thôn Thuận Truyền				0,078		Bổ sung
30	BTXM các tuyến nhà Xóm 1, xóm 2, Xóm 3, Xóm 4, Xóm 5 Thôn Thuận Hạnh								Đường BTXM	Nhà xóm 5				0,190		Bổ sung
31	Từ đường BTXM đến nhà Nguyễn Hùng Am								Đường BTXM	Nguyễn Hùng Am				0,342		Bổ sung
32	Đoạn từ đường BTXM đến trụ sở thôn Hòa Mỹ								Đường BTXM	Trụ sở thôn Hòa Mỹ				0,135		Bổ sung
33	Đoạn từ nhà Nguyễn Kim Hùng đến giáp đường bê tông xóm 4								Nguyễn Kim Hùng	Giáp đường BTXM				0,227		Bổ sung
XII	XÃ TÂY VINH			-	-	-	-	-			0,294	-	-	0,294	-	
1	Đường từ nhà bà Cừ xóm 7 đến nhà ông Danh xóm 3													0,294		Bổ sung
XIII	XÃ TÂY BÌNH			0,785	-	-	-	0,785			3,426	-	3,426	-	-	
1	Miếu X8 - Ngõ Nhuận	Miếu X8	Ngõ Nhuận					0,785	Miếu X8	Ngõ Nhuận				0,785		Chuyển từ D sang D
2	Cấp phối bê tông xi măng tuyến giáp Tây tỉnh - Đồng thị tứ								giáp Tây tỉnh	Đồng thị tứ			0,190			Bổ sung
3	Nâng cấp tuyến giáp Tây Tỉnh - ngõ Thuộc								giáp Tây Tỉnh	ngõ Thuộc			0,355			Bổ sung
4	Cấp phối bê tông xi măng tuyến giáp bê tông - Chòm Quéo								giáp bê tông	Chòm Quéo			0,219			Bổ sung
5	Cấp phối bê tông xi măng tuyến trước Đình An Chánh												0,338			Bổ sung
6	Cấp phối tuyến giáp Khu Đông Nam - nhà Lợi								giáp Khu Đông Nam	nhà Lợi			0,289			Bổ sung
7	Xây mới tuyến dọc theo đường trục dọc Giáp												1,250			Bổ sung
XIV	XÃ TÂY AN			-	-	-	-	-			4,432	-	2,495	0,222	1,715	
1	Đường BT thôn Trà Sơn đến Nhà ông Phi								Đường BT	Nhà ông Phi					0,497	Bổ sung

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
2	Đường BT thôn Đại Chí nhà Võ Phi Hùng								Đường BT	Nhà Võ Phi Hùng					0,574	Bổ sung
3	Đường BT thôn Đồng Quy Nhà ông Hùng								Đường BT	Nhà ông Hùng					0,644	Bổ sung
4	Từ đường QL 19B đến nhà bà Trương Thị Cúc								Từ đường QL 19B	Nhà Trương Thị Cúc				0,222		Bổ sung
5	Từ đường QL19B đến nhà Lê Thanh Dũng								Từ đường QL19B	Nhà Lê Thanh Dũng			0,405			Bổ sung
6	Từ nhà ông Lê Văn Sen đến giáp thôn Đồng Quy								Nhà Lê Văn Sen	thôn Đồng Quy			0,390			Bổ sung
7	Từ nhà Trịnh Văn Phan đến nhà Lê Thị Lộc								Nhà Trịnh Văn Phan	Nhà Lê Thị Lộc			0,360			Bổ sung
8	Từ đường Tây Vinh - Cát Hiệp đến nhà ông Đỗ Tài								Đường Tây Vinh - Cát Hiệp	Nhà ông Đỗ Tài			1,340			Bổ sung
XV	THỊ TRẤN PHÚ PHONG			-	-	-	-	-			2,446	0,245	0,254	0,965	0,982	
1	Đường nội bộ KDC tổ 7 Khối 1 đoạn từ trường mầm non Như Ý đến nhà ông Hồ Văn Sỹ								Trường mầm non Như Ý	Ông Hồ Văn Sỹ		0,100				Bổ sung
2	Đường nội bộ KDC tổ 7 Khối 1 đoạn từ nhà Ông Nguyễn Phúc Thành đến đường Nguyễn Thiếp								Ông Nguyễn Phúc Thành	Đường Nguyễn Thiếp		0,145				Bổ sung
3	Đường nội bộ KDC từ nhà Ông Nguyễn Tiến Dũng đến nhà Ông Dương Văn Lâm, khối Thuận Nghĩa								Ông Nguyễn Tiến Dũng	Ông Dương Văn Lâm			0,254			Bổ sung
4	Đường nội bộ KDC từ nhà Ông Nguyễn Thanh Vân đến nhà Ông Nguyễn Văn Thìn, khối Thuận Nghĩa								Ông Nguyễn Thanh Vân	Ông Nguyễn Văn Thìn				0,145		Bổ sung
5	Đường nội bộ KDC từ nhà Ông Nguyễn Minh Thân đến nhà Ông Trần Thanh Tuấn, khối 1A								Ông Nguyễn Minh Thân	Ông Trần Thanh Tuấn				0,232		Bổ sung
6	Đường nội bộ KDC từ nhà Ông Nguyễn Xáng đến nhà Ông Lâm Thanh Trung, khối 1								Ông Nguyễn Xáng	Ông Lâm Thanh Trung				0,138		Bổ sung
7	Đường nội bộ KDC từ đường BTXM đến trụ sở khối Phú Xuân								Đường BTXM	Trụ sở khối Phú Xuân				0,450		Bổ sung
8	Đường nội bộ KDC từ nhà Ông Nguyễn Văn Hùng đến nhà Bà Trần Thị Thiện, khối Thuận Nghĩa								Ông Nguyễn Văn Hùng	Bà Trần Thị Thiện					0,488	Bổ sung

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
9	Đường nội bộ KDC từ nhà Bà Nguyễn Thị Thuận đến nhà Ông Nguyễn Trung Nam, khối 1A								Bà Nguyễn Thị Thuận	Ông Nguyễn Trung Nam					0,089	Bổ sung
10	Đường nội bộ KDC từ nhà Ông Nguyễn Đình Ân đến nhà Ông Nguyễn Đường, khối 1								Ông Trần Đình Ân	Ông Nguyễn Đường					0,105	Bổ sung
11	Đường sản xuất vùng rau an toàn khối Thuận Nghĩa								ông Toàn	soi tổ 4					0,300	Bổ sung
TỔNG CỘNG				11,531	0,000	1,771	3,780	5,980			32,651	0,245	15,632	11,502	5,272	

74

CÁC DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH BÊ TÔNG HOÁ ĐƯỜNG GTNT NĂM 2019 - HUYỆN VĨNH THẠNH

(Kèm theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 05/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
I	XÃ VĨNH QUANG			-	-	-	-	-			-	-	-	-	-	
II	XÃ VĨNH THỊNH			-	-	-	-	-			-	-	-	-	-	
III	XÃ VĨNH THUẬN			0,470		0,470					0,478		0,478			
1	Nâng cấp, mở rộng đường vào khu sản xuất làng 3,6			0,470		0,470					0,478		0,478			Tăng chiều dài
IV	XÃ VĨNH HẢO			0,600	-	0,600					0,956	-	0,956			
1	BTXM đường từ khu sản xuất nước Dom đến khu sản xuất Bà Trâm			0,600		0,600					0,956		0,956			Tăng chiều dài
V	XÃ VĨNH HOÀ			0,740		0,740					2,257		2,257			
1	Nâng cấp, cấp phối sỏi đồi từ nhà ông Bốn Tâm đến Sông Kôn			0,300		0,300					0,342		0,342			Điều chỉnh tên danh mục và tăng chiều dài
2	Nâng cấp, cấp phối sỏi đồi từ nhà ông Trà đến Hồ chuối			0,400		0,400					0,800		0,800			Điều chỉnh tên danh mục và tăng chiều dài
3	Đường bê tông xi măng giao thông nông thôn (thôn M8)										0,515		0,515			Bổ sung
4	Bê tông giao thông nông thôn tuyến từ nhà ông Đình Bốc đến bờ kè thôn M9			0,040		0,040					0,600		0,600			Điều chỉnh tên danh mục và tăng chiều dài
VI	XÃ VĨNH HIỆP			-	-	-	-	-			-	-	-	-	-	
VII	XÃ VĨNH KIM			0,845	-	0,845					1,571	-	1,571			
1	BTXM đường từ nhà rông đến nhà ông Đình Phiêl; từ nhà bà Aliéc đến giáp đất ông Chuynh thôn O3			0,320		0,320					0,320		0,320			Điều chỉnh tên danh mục
2	BTXM từ nhà Bá Lan đến giáp suối Đăk Có thôn K6			0,525		0,525					0,620		0,620			Điều chỉnh tên danh mục và tăng chiều dài
3	BTXM đường từ cầu Nước Trinh đến thượng lưu suối Nước Trinh										0,631		0,631			Bổ sung
VIII	XÃ VĨNH SƠN			0,100	-	0,100					0,587	-	0,587			
1	Nâng cấp, cấp phối sỏi đồi từ đập đường ống năng lượng đến khu sản xuất Hlang			0,100		0,100					0,387		0,387			Điều chỉnh tên danh mục và tăng chiều dài

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
2	Nâng cấp, cấp phối sỏi đồi đường vào khu sản xuất ruộng Đak Hê										0,200		0,200			Bổ sung
IX	THỊ TRẦN VINH THẠNH										0,160	-	-	0,160		
1	BTXM đường khu sản xuất TờKong										0,160			0,160		Bổ sung
TỔNG CỘNG				2,755	-	2,755	-	-			6,009	-	5,849	0,160	-	

yl

CÁC DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG THỰC TẾ KẾ HOẠCH BÊ TÔNG HOÁ ĐƯỜNG GTNT NĂM 2019 - THỊ XÃ AN NHƠN

(Kèm theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 05/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
I	XÃ NHƠN AN			-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
II	XÃ NHƠN PHONG			0,503	-	0,503	-	-	-	-	2,426	1,592	0,546	-	0,288	
1	Đường BTXM Tuyến đường từ nhà ông Trần Ngọc Hùng đến giáp đường BTXM	Nhà ông Hùng	Đường BTXM			0,110							-			Không thực hiện
2	Đường BTXM Tuyến đường từ nhà ông Lê Nhứt đến giáp Đồng	Nhà ông Lê Nhứt	Đồng			0,111							-			Không thực hiện
3	Đường BTXM Tuyến đường từ nhà ông Trinh đến nhà ông Cư	Nhà ông Trinh	Nhà ông cư			0,128							-			Không thực hiện
4	Đường BTXM Tuyến đường nhà ông Nguyễn Đình Nhung	Nhà ông Nhung	Đường BTXM			0,089							-			Không thực hiện
5	Đường BTXM Tuyến đường từ nhà Hòa Lợi đến giáp sông Văn Lăng	Nhà ông Hòa Lợi	Sông Văn lăng			0,065							-			Không thực hiện
6	Đường liên thôn đến giáp Đê bờ thom Tam Hòa								Nhà bà yến	Nhà ông Bốn			0,100			Bổ sung
7	Đường BTXM từ Đường Cảnh Hàng - Tân Dân - Cống mương tiêu								Đường BTXM	Cống			0,165			Bổ sung
8	Đường BTXM từ nhà ông Trương Thanh Quang đến nhà ông Trương Đình Long								Nhà ông Quang	Nhà ông Long			0,040			Bổ sung
9	BTXM tuyến đường từ Thanh Giang (Nhơn Phong) đi Trung Định (Nhơn An)								Nhà ông Thanh Giang	Trung Định		0,911				Bổ sung
10	BTXM tuyến đường từ ĐT.631 đi An Nông								Khu dân cư	Ngõ từ đường		0,681				Bổ sung
11	BTXM tuyến đường nội đồng từ đường đi đến giáp Nhơn Hạnh								Đường đi	Nhơn Hạnh					0,288	Bổ sung
12	BTXM tuyến từ nhà ông Nguyễn Chuyện đến nhà ông Lê Đình Thuận - Liêm Định								Nhà ông Chuyện	Nhà ông Thuận			0,064			Bổ sung
13	BTXM tuyến đường xung quanh khu thể dục-thể thao xã Nhơn Phong								Nhà văn hóa xã	Giáp đường ĐT.631			0,177			Bổ sung

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
III	XÃ NHƠN HẠNH			0,783	-	0,783	-	-			0,744	-	0,744	-	-	
1	BTXM đường giao thông ngõ xóm thôn Nhơn Thiện	Nhà ông Tân	Chợ Nhơn Thiện			0,155			Nhà ông Tân	Chợ Nhơn Thiện			0,285			Tăng chiều dài
2	BTXM đường giao thông ngõ xóm xóm bắc thôn Xuân Mai	Nhà ông Hưng	Nhà ông Hòa			0,258			Nhà ông Hưng	Nhà ông Hòa			0,101			Giảm chiều dài
3	BTXM tuyến từ nhà ông Quì đến nhà bà Trà thôn Dương Xuân	Nhà ông Quì	Nhà bà Trà			0,200			Nhà ông Quì	Nhà bà Trà			-			Không thực hiện
4	BTXM tuyến đường bê tông XM đến nhà ông Tú và nhà ông Ngọc thôn Thái Xuân	Đường bê tông	Nhà ông Ngọc			0,170			Đường bê tông	Nhà ông Ngọc			0,358			Tăng chiều dài
IV	XÃ NHƠN PHÚC			6,700	-	-	-	6,700			7,320	-	7,320	-	-	
1	Văn Minh Huệ - Cầu Mương	Văn Minh Huệ	Cầu Mương					2,000	Văn Minh Huệ	Cầu Mương			2,000			Chuyển từ D sang B
2	Nhà văn hóa Thắng Công - ĐT.638	Nhà văn hóa Thắng Công	ĐT.638					1,300	Nhà văn hóa Thắng Công	ĐT.638			1,300			Chuyển từ D sang B
3	ĐT.638 – Trương Văn Bảy	ĐT.638	Trương Văn Bảy					2,000	ĐT.638	Trương Văn Bảy			2,000			Chuyển từ D sang B
4	Lê Văn Mùi - Lâm Thị Sáu	Lê Văn Mùi	Lâm Thị Sáu					1,400	Lê Văn Mùi	Lâm Thị Sáu			1,400			Chuyển từ D sang B
5	Gò Vôi - Cây Gáo								Gò Vôi	Cây Gáo			0,200			Bổ sung
6	Nguyễn Văn Tâm – Văn Trí – Công Thành								Nguyễn Văn Tâm	Công Thành			0,160			Bổ sung
7	Cây Thị - Nhà văn hóa Thái thuận								Cây Thị	Nhà văn hóa Thái Thuận			0,200			Bổ sung
8	Lê Văn Đi - Thảo và Hoàng								Lê Văn Đi	Thảo và Hoàng			0,060			Bổ sung
V	XÃ NHƠN LỘC			0,032	-	0,032	-	-			3,449	-	2,727	0,722	-	
1	Nhà Huỳnh Long Hồ - Nhà Võ Tiên	Nhà Huỳnh Long Hồ	Nhà Võ Tiên			0,032			Nhà Huỳnh Long Hồ	Nhà Võ Tiên			0,058			Tăng chiều dài
2	Nhà Võ Hợp Đoàn – Nhà Phạm Thị Cúc								Nhà Võ Hợp Đoàn	Nhà Phạm Thị Cúc				0,032		Bổ sung
3	Dường Bê Tông – Bờ Kè								Dường Bê Tông	Bờ Kè			0,125			Bổ sung
4	Đường Bê tông – Nhà Bùi Bá Năng								Đường Bê tông	Nhà Bùi Bá Năng				0,04		Bổ sung

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
5	Nhà Nguyễn Văn Chính – Nhà Nguyễn Ý Thích								Nhà Nguyễn Văn Chính	Nhà Nguyễn Ý Thích				0,06		Bổ sung
6	Nhà Trần Thị Lan – Nhà Nguyễn Điều								Nhà Trần Thị Lan	Nhà Nguyễn Điều				0,118		Bổ sung
7	Đường Bê Tông – Nhà Võ Thanh Tông								Đường Bê Tông	Nhà Võ Thanh Tông			0,33			Bổ sung
8	Đường Bê Tông – Đình Làng								Đường Bê Tông	Đình Làng			0,214			Bổ sung
9	Bê tông Nhà Bùi Ngang – Mai Thị Đức								Bê tông Nhà Bùi Ngang	Mai Thị Đức				0,089		Bổ sung
10	Đường Bê tông – Nhà Nguyễn Cát								Đường Bê tông	Nhà Nguyễn Cát				0,037		Bổ sung
11	Đường Bê tông – Nhà Nguyễn Giảng								Đường Bê tông	Nhà Nguyễn Giảng			0,025			Bổ sung
12	Bê Tông – Nhà Nguyễn Văn Liễu								Bê Tông	Nhà Nguyễn Văn Liễu				0,022		Bổ sung
13	Bê tông – Nhà Võ Kê								Bê tông	Nhà Võ Kê			0,025			Bổ sung
14	Bê Tông – Nhà Võ Văn Thân								Bê Tông	Nhà Võ Văn Thân			0,027			Bổ sung
15	Bê Tông – Nhà Phạm Thanh Hùng								Bê Tông	Nhà Phạm Thanh Hùng			0,028			Bổ sung
16	Nhà Phạm Thanh Hùng – Nhà Lương Văn Thảo								Nhà Phạm Thanh Hùng	Nhà Lương Văn Thảo				0,035		Bổ sung
17	Bê Tông – Nhà Cù Đình Đào								Bê Tông	Nhà Cù Đình Đào			0,135			Bổ sung
18	Bùi Văn Chín – Nguyễn Dân								Bùi Văn Chín	Nguyễn Dân			0,153			Bổ sung

24

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
19	Bê tông – Nhà Nguyễn Thị Năm								Bê tông	Nhà Nguyễn Thị Năm			0,02			Bổ sung
20	Bê Tông – Mạc Văn Sừ								Bê Tông	Mạc Văn Sừ				0,086		Bổ sung
21	Bê Tông – Lê Quang								Bê Tông	Lê Quang			0,023			Bổ sung
22	Bê tông – Nguyễn Văn Mười								Bê tông	Nguyễn Văn Mười			0,105			Bổ sung
23	Bê tông – Bùi Văn Thơm								Bê tông	Bùi Văn Thơm				0,024		Bổ sung
24	Bê Tông – Ngô Đình Phi								Bê Tông	Ngô Đình Phi				0,035		Bổ sung
25	Nhà ông Linh – Nhà Bà Sách								Nhà ông Linh	Nhà Bà Sách			0,042			Bổ sung
26	Nhà ông Khanh – Nhà ông Lâu								Nhà ông Khanh	Nhà ông Lâu			0,031			Bổ sung
27	Nhà ông Quang – Nhà ông Chiến								Nhà ông Quang	Nhà ông Chiến			0,183			Bổ sung
28	Nhà ông Thành – Nhà ông Cường								Nhà ông Thành	Nhà ông Cường			0,102			Bổ sung
29	Nhà ông Chụ – Nhà ông Lạc								Nhà ông Chụ	Nhà ông Lạc			0,036			Bổ sung
30	Nhà ông Ích – Nhà Trần Khánh								Nhà ông Ích	Nhà Trần Khánh			0,063			Bổ sung
31	Bê tông – Nhà ông Hào								Bê tông	Nhà ông Hào			0,077			Bổ sung
32	Nhà Đỗ Thị Kiều – Nhà Trương Văn Tấn								Nhà Đỗ Thị Kiều	Nhà Trương Văn Tấn			0,06			Bổ sung
33	Gò Đình đến Nhà Bùi Văn Lạc								Gò Đình	Nhà Bùi Văn Lạc			0,107			Bổ sung
34	Nhà Phạm Văn Hạnh – Nhà Phạm Đức Lộc								Nhà Phạm Văn Hạnh	Nhà Phạm Đức Lộc			0,05			Bổ sung
35	Bê tông – Nhà Phạm Thị Lộc								Bê tông	Phạm Thị Lộc			0,032			Bổ sung

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
36	Bê Tông – Nhà Phạm Thị Thu								Bê tông	Nhà Phạm Thị Thu			0,033			Bổ sung
37	Bê tông – Phạm Văn Du								Bê tông	Phạm Văn Du			0,025			Bổ sung
38	Từ Trại Bùi Minh Cương – Trại Phạm Hữu Lý								Từ Trại Bùi Minh Cương	Trại Phạm Hữu Lý			0,059			Bổ sung
39	Nhà Phạm Văn Hạnh – Nhà Cao Bích								Nhà Phạm Văn Hạnh	Nhà Cao Bích			0,031			Bổ sung
40	Bê tông – Nhà Lê Văn Thông								Bê tông	Nhà Lê Văn Thông			0,016			Bổ sung
41	Bê tông – Nhà Phan Thái Minh								Bê tông	Nhà Phan Thái Minh			0,027			Bổ sung
42	Bê tông – Nhà Dương Văn Hoàng								Bê tông	Nhà Dương Văn Hoàng			0,014			Bổ sung
43	Bê tông – Nhà Tô Thị Yến								Bê tông	Nhà Tô Thị Yến			0,029			Bổ sung
44	Bê tông – Nhà Phạm Thị Kim Hồng								Bê tông	Nhà Phạm Thị Kim Hồng			0,018			Bổ sung
45	Bê tông – Nhà Dương Đình Thanh								Bê tông	Nhà Dương Đình Thanh			0,014			Bổ sung
46	Đường 638 - Nguyễn Đình Thiên								Đường 638	Nguyễn Đình Thiên			0,015			Bổ sung
47	Đường 638 - Nhà Bùi Ngọc Ảnh								Đường 638	Nhà Bùi Ngọc Ảnh			0,032			Bổ sung
48	Bê tông – Nhà Phạm Quang								Bê tông	Nhà Phạm Quang			0,028			Bổ sung
49	Đ49ường 638 – Nhà Võ Tốt								Đường 638	Nhà Võ Tốt				0,025		Bổ sung
50	Bê tông – Nhà Lê Văn Diệp								Bê tông	Nhà Lê Văn Diệp			0,027			Bổ sung

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
51	Đường Bê tông – Nhà Nguyễn Văn Sơn								Đường Bê tông	Nhà Nguyễn Văn Sơn			0,046			Bổ sung
52	Bê tông – Nhà Nguyễn Văn Hùng								Bê tông	Nhà Nguyễn Văn Hùng			0,036			Bổ sung
53	Bê tông – Nhà Trương Hữu Đăng								Bê tông	Nhà Trương Hữu Đăng			0,046			Bổ sung
54	Bê tông – Nhà Nguyễn Lang								Bê tông	Nhà Nguyễn Lang			0,071			Bổ sung
55	Bê tông – Nhà Nguyễn Nhật Hào								Bê tông	Nhà Nguyễn Nhật Hào				0,077		Bổ sung
56	Đường 638 – Nhà Nguyễn Thị Diễm								Đường 638	Nhà Nguyễn Thị Diễm			0,082			Bổ sung
57	Bê tông – Nhà Lê Quang Khách								Bê tông	Nhà Lê Quang Khách				0,042		Bổ sung
58	Nhà Nguyễn Văn Hiền – Nhà Trương Thị Nghi								Nhà Nguyễn Văn Hiền	Nhà Trương Thị Nghi			0,027			Bổ sung
VI	XÃ NHON THỌ			-	-	-	-	-			-	-	-	-	-	
VII	XÃ NHON TÂN			-	-	-	-	-			-	-	-	-	-	
VIII	XÃ NHON MỸ			4,056	-	4,056	-	-			3,538	-	3,025	-	0,513	
1	Tuyến BTXM đường liên ngõ, xóm Phúc	Giáp đường trực xã	Giáp đường liên thôn 1			0,230			Giáp đường trực xã	Giáp đường liên thôn 1			0,226			Giảm chiều dài
2	Tuyến BTXM đường liên ngõ, xóm Phúc	Giáp đường trực xã	Giáp đường liên thôn 2			0,236			Giáp đường trực xã	Giáp đường liên thôn 2			0,226			Giảm chiều dài
3	Tuyến BTXM đường liên ngõ, xóm Phúc	Giáp đường liên thôn	Giáp đường liên ngõ, xóm 4			0,292			Giáp đường liên thôn	Giáp đường liên ngõ, xóm 4			0,286			Giảm chiều dài

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
4	Tuyến BTXM đường liên ngõ, xóm Phúc	Giáp đường trục xã	Giáp đường liên thôn 3			0,300			Giáp đường trục xã	Giáp đường liên thôn 3			0,286			Giảm chiều dài
5	Tuyến BTXM đường liên ngõ, xóm Nam	Giáp đường bê tông liên thôn	Các đường nhánh liên ngõ, xóm Nam			1,394			Giáp đường bê tông liên thôn	Các đường nhánh liên ngõ, xóm Nam			1,041			Giảm chiều dài
6	Tuyến BTXM đường liên ngõ, xóm Bắc	Giáp đường bê tông liên thôn	Các đường nhánh liên ngõ, xóm Bắc			0,713			Giáp đường bê tông liên thôn	Các đường nhánh liên ngõ, xóm Bắc			0,610			Giảm chiều dài
7	Tuyến BTXM đường liên thôn	Giáp đường bê tông trục chính xã	Giáp nhà ông Dũng			0,300							-			Không thực hiện
8	Tuyến BTXM đường liên thôn	Giáp đường bê tông trục chính xã	Giáp nhà ông Cường			0,305							-			Không thực hiện
9	Tuyến BTXM đường liên ngõ, xóm	Giáp đường bê tông liên ngõ, xóm	Ngõ Nguyễn Thị Hương			0,196							-			Không thực hiện
10	Tuyến BTXM đường liên ngõ, xóm	Giáp BTXM bờ kè Nhon Hậu	Giáp đường BTXM xóm Tân Ninh			0,090							-			Không thực hiện
11	Tuyến BTXM đường liên thôn								Giáp đường bê tông trục chính xã	Giáp nhà ông Dũng (Đen)					0,288	Bổ sung
12	Tuyến BTXM đường liên thôn								Giáp đường bê tông trục chính xã	Giáp nhà ông Ga					0,225	Bổ sung
13	Đường bê tông đội 9, Tân Nghi								Lò gạch cũ	Hồ Tân Nghi			0,350			Bổ sung
IX	XÃ NHON KHÁNH			5,245	-	5,245	-	-			3,309	-	3,309	-	-	

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
1	Đường ngõ, hẻm xóm 6	Bê tông xóm 7	Nhà Lanh, Dững			0,145							-			Không thực hiện
2	Đường trục thôn khánh hòa	ĐT 636	Ngã 3 đình Thông hòa			0,680			ĐT 636	Ngã 3 đình Thông hòa			0,644			Giảm chiều dài
3	Đường trục thôn Quan Quang	ĐT 636 (trước ủy ban xã	Ngã 4 đường liên xã đi Nhơn Hậu			1,820			ĐT 636 (trước ủy ban xã	Ngã 4 đường liên xã đi Nhơn Hậu			1,185			Giảm chiều dài
4	Đường nội đồng kết hợp giao thông xóm 5	Đường liên xã đi Nhơn Mỹ	Nhà Lê Sĩ Quý			0,450							-			Không thực hiện
5	Đường trục thôn Quan Quang	Đường ĐT 636 (nghĩa trang	Ngã 3 nhà Huỳnh thắng Long			2,150			Đường ĐT 636 (nghĩa trang	Ngã 3 nhà Huỳnh thắng Long			0,645			Giảm chiều dài
6	Đường nội đồng kết hợp giao thông thôn Hiếu An								ĐT 636 (Nguyễn hữu Hạnh xóm 7)	Bổ sung (Nhà lê văn Phụng xóm 6)			0,379			Bổ sung
7	Đường liên xã Nhơn Khánh – Nhơn Hậu								Nhà ông Tươi	Nhà ông Bình (xóm 3)			0,156			Bổ sung
8	Đường nội đồng								Cầu Dương Liễu (xóm 10)	Cù Thị Nguyệt			0,300			Bổ sung
X	XÃ NHƠN HẬU			0,054	-	-	-	0,054			3,620	-	2,338	1,163	0,119	
1	Tiếp giáp BTXM - Nhà Nguyễn Trọng Lực	Tiếp giáp BTXM	Nhà Nguyễn Trọng Lực					0,054								Không thực hiện
2	Tuyến nhà ông Bánh đến nhà ông Bửu								Nhà ông Bánh	nhà ông Bửu					0,067	Bổ sung
3	Tuyến tiếp giáp BTXM đến nhà ông Cường								tiếp giáp BTXM	nhà ông Cường				0,22		Bổ sung
4	Tuyến BTXM đến nhà Lê Ngọc Anh								Tiếp giáp BTXM	nhà Lê Ngọc Anh				0,036		Bổ sung

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
5	Nhà ông Bình đến nhà ông Xuân								Nhà ông Bình	Nhà ông Xuân			0,1			Bổ sung
6	Nhà ông Tùng đến nhà bà Nhơn								Nhà ông Tùng	nhà bà Nhơn			0,12			Bổ sung
7	Nhà ông Xuân đến nhà ông Hưng								nhà ông Xuân	nhà ông Hưng				0,15		Bổ sung
8	Tuyến nhà ông Dũng đến nhà ông Thi								Nhà ông Dũng	nhà ông Thi				0,06		Bổ sung
9	Tuyến nhà bà Nhơn đến nhà ông Liên								Nhà bà Nhơn	nhà ông Liên				0,1		Bổ sung
10	Tuyến nhà ông Phước đến nhà ông Phúc								nhà ông Phước	nhà ông Phúc				0,08		Bổ sung
11	Tuyến quán cà phê đến nhà ông Thành								Quán cà phê	nhà ông Thành				0,08		Bổ sung
12	Tuyến nhà ông Đặng Văn Tấn								Tiếp giáp BTXM	nhà Đặng Văn Tấn					0,023	Bổ sung
13	Tuyến nhà ông Đặng Thành Dung								Tiếp giáp BTXM	nhà Đặng Thành Dung				0,017		Bổ sung
14	Tuyến nhà ông Nguyễn Văn Bảy								Tiếp giáp BTXM	nhà Nguyễn Văn Bảy				0,05		Bổ sung
15	Tuyến nhà Trương Hồng Hải								Tiếp giáp BTXM	nhà Trương Hồng Hải				0,025		Bổ sung
16	Tuyến nhà Trương Thanh Mỹ								Tiếp giáp BTXM	nhà Trương Thanh Mỹ				0,02		Bổ sung
17	Tuyến Ngã ba Trà kè đến nhà Bùi Thị Lý								ngã ba Trà Kè	nhà Bùi Thị Lý				0,08		Bổ sung
18	Tuyến ngõ ông Sỹ đến bờ Đê								ngõ ông Sỹ	Bờ Đê			0,05			Bổ sung
19	Tuyến nhà VH thôn đến trạm Thị lựa								nhà VH thôn	trạm Thị lựa			0,45			Bổ sung
20	Đường BTXM sân thể thao đến lù ông phúc								Đường BTXM sân thể thao	lù ông phúc			0,76			Bổ sung

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
21	Cổng ông xi phomg đến ngõ nhà Hiệp								cổng xi phong	ngõ nhà hiệp			0,45			Bổ sung
22	Ngã tư bờ đê đến nhà ông Điều								ngã tư bờ đê	nhà ông Điều			0,1			Bổ sung
23	Nhà bà hóa đến ông Sanh								nhà bà Hóa	nhà ông Sanh			0,11			Bổ sung
24	Ngã ba nhà ông Sanh đến nhà ông Phúc								nhà ông Sanh	nhà ông Phúc				0,12		Bổ sung
25	Ngã ba nhà ông sanh nhà 4 Lâm								ngã ba nhà ông sanh	nhà 4 lâm				0,1		Bổ sung
26	Giáp đường BTXM xóm Đông đến ngã rẽ nhà ông châu								giáp BTXM	ngã rẽ nhà ông châu			0,102			Bổ sung
27	Ngã ba ông Anh đến nhà bà Sáu								ngã ba ông Anh	nhà bà Sáu			0,096			Bổ sung
28	Ngã ba nhà ông Tiến đến nhà ông châu								ngã ba nhà ông Tiến	nhà ông châu				0,025		Bổ sung
29	Ngã ba ông khánh đến nhà ông thứ								ngã ba ông khánh	nhà ông thứ					0,029	Bổ sung
XI	PHƯỜNG BÌNH ĐỊNH			-	-	-	-	-			1,500	-	1,500	-	-	
1	BTXM các hẻm đường Thanh Niên và hẻm đường Lâm Văn Thạnh								Đường Lê Hồng Phong; Đường Đê bao	Đường Thanh Niên; Nhà ông Đài			1,500			Bổ sung
XII	PHƯỜNG ĐẬP ĐÁ			0,605	-	0,605	-	-			-	-	-	-	-	
1	Đường phụ Nguyễn Lữ	KV Bằng Châu	Nhà ông Phước			0,605								-		Không thực hiện
XIII	PHƯỜNG NHON HÙNG			3,880	-	3,550	0,330	-			4,761	-	4,361	0,070	0,330	
1	Giáp bê tông - Nhà bà Thơm	Giáp bê tông	Nhà bà Thơm				0,100		Giáp bê tông	Nhà bà Thơm					0,100	Chuyển từ C sang D
2	Nhà ông Dân - Cầu Bến Thùng	Nhà ông Dân	Cầu Bến Thùng				0,230		Nhà ông Dân	Cầu Bến Thùng					0,230	Chuyển từ C sang D
3	QL1A- Cầu Bà Giảng	QL1A	Cầu bà Giảng			1,700			QL1A	Cầu bà Giảng			1,500			Giảm chiều dài
4	Trụ sở Khu vực An Ngãi - Nhà ông Tú	Trụ sở Khu vực An Ngãi	Nhà ông Tú			0,650			Trụ sở Khu vực An Ngãi	Nhà ông Tú			0,610			Giảm chiều dài

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
5	Trần Chánh Thanh - Cây Gòn	Trần Chánh Thanh	Cây Gòn			1,200			Trần Chánh Thanh	Cây Gòn			0,740			Giảm chiều dài
6	Cầu Mương Giữa- Nhà ông Tú								Cầu mương Giữa	Nhà ông Tú			0,110			Bổ sung
7	Chùa Thiên Hưng - Nhà ông Thành								Chùa Thiên Hưng	Nhà ông Thành			0,731			Bổ sung
8	Từ Miếu - Nhà ông Lê Kim Anh								Từ Miếu	Nhà ông Anh			0,170			Bổ sung
9	Nhà ông Nguyễn Văn Mười - Tăng Văn Sang								Nhà ông Mười	Nhà ông Sang			0,300			Bổ sung
10	Nhà ông Phụng - Nhà bà Bé								Nhà ông Phụng	Nhà bà Bé			0,100			Bổ sung
11	Nhà ông Hồ Kỳ Quang - Nhà ông Hồ Văn Điệp								Nhà ông Quang	Nhà ông Điệp			0,100			Bổ sung
12	Nhà thờ Phò An - Nhà ông Hải								Nhà thờ Phò An	Nhà ông Hải				0,070		Bổ sung
XV	PHƯỜNG NHON THÀNH			1,315	-	1,315	-	-			0,200	-	0,200	-	-	
1	Đường xung quanh chợ Gò Găng từ Nhà bà Nhân đến nhà Bà Cẩm (KV Tiên Hội)	Nhà bà Nhân	Nhà Bà Cẩm			0,310							-			Không thực hiện
2	QL19B đến BTXM nhà ông Quý (KV Tiên Hội)	QL19B	BTXM nhà ông Quý			0,500							-			Không thực hiện
3	Bờ làng đội 12 đến nhà ông Cảnh (KV Vạn Thuận)	Bờ làng đội 12	Nhà ông Cảnh			0,120							-			Không thực hiện
4	BTXM đội 10 đến nhà ông Mai (KV Vạn Thuận)	BTXM đội 10	Nhà ông Mai			0,100							-			Không thực hiện
5	Nhà ông Vũ đến nhà ông Trì (KV Phú Thành)	Nhà ông Vũ	Nhà Trì			0,045							-			Không thực hiện
6	Từ nhà Nguyễn Thành Long ra tới Cầu đầm vuông (KV An Lợi)	Nhà Nguyễn Thành Long	Đi ra đồng			0,240							-			Không thực hiện
7	Đường BTXM nhà ông Bằng đến nhà ông Nguyễn Thế Dũng (Nhon Thuận)								BTXM nhà ông Bằng	Nhà ông Nguyễn Thế Dũng			0,200			Bổ sung
XV	PHƯỜNG NHON HOÀ			15,019	-	11,072	2,677	1,270			13,993	-	9,538	2,951	1,504	

74

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
1	Đường BTXM gò Phai đến nhà ông Hương	Đường BTXM gò phai	Nhà ông Hương				0,095							-		Không thực hiện
2	Đường BTXM đến Nhà Nga Hổ	Đường BTXM	Nhà Nga Hổ					0,096							-	Không thực hiện
3	Đường BTXM đến Nhà ông Năm	Đường BTXM	Nhà ông Năm					0,134							-	Không thực hiện
4	Đường BTXM đến Nhà ông Lợi	Đường BTXM	Nhà ông Lợi				0,112							-		Không thực hiện
5	Đường BTXM đến nhà ông Mẹo	Đường BTXM	Nhà ông Mẹo				0,040							-		Không thực hiện
6	Đường BTXM đến ngõ ông Việt	Đường BTXM	Ngõ ông Việt			0,290			Đường BTXM	Ngõ ông Việt			0,580			Tăng chiều dài
7	Quốc lộ 19 đến Gò Phai	Quốc lộ 19	Gò Phai			0,920								-		Không thực hiện
8	Ngã 3 Nhà Bùi Ngọc Liễn đến Nhà Lê Thị Kim Mỹ	Ngã 3 Nhà Bùi Ngọc Liễn	Nhà Lê Thị Kim Mỹ			0,085								-		Không thực hiện
9	Nhà ông 3 Quế đến nhà ông Hùng	Nhà ông 3 Quế	Nhà ông Hùng				0,215							-		Không thực hiện
10	Nhà ông 7 Tú đến nhà ông 4 Xuân	Nhà ông 7 Tú	Nhà ông 4 Xuân				0,170							-		Không thực hiện
11	Nhà ông Hồ Ba đến nhà ông Tường	Nhà ông Hồ Ba	Nhà ông Tường				0,225							-		Không thực hiện
12	Nhà Bà Năng đến nhà Nguyễn Thị Kim Nhạn	Nhà bà Năng	Nhà Nguyễn Thị Kim Nhạn			0,535								-		Không thực hiện
13	Nhà Trần Quang Thống đến nhà Phạm Thị Tý	Nhà Trần Quang Thống	Nhà Phạm Thị Tý			0,250								-		Không thực hiện
14	Quốc lộ 19 nhà Bùi Đình Khôi	Quốc lộ 19	Nhà Bùi Đình Khôi			0,166								-		Không thực hiện
15	Nhà Bùi Đình Khôi đến nhà Nguyễn Thị Kim Thúy	Nhà Bùi Đình Khôi	Nhà Nguyễn Thị Kim Thúy			0,135								-		Không thực hiện

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
16	Nhà Ngô Xuân Toàn đến nhà Lê Nguyên Trí	Nhà Ngô Xuân Toàn	Nhà Lê Nguyên Trí			0,135								-		Không thực hiện
17	Nhà Bùi Văn Sự đến nhà Nguyễn Thị Ánh	Nhà Bùi Văn Sự	Nhà Nguyễn Thị Ánh					0,250								Không thực hiện
18	Đường BTXM đến nhà Huỳnh Văn Được	Đường BTXM	Nhà Huỳnh Văn Được				0,250								-	Không thực hiện
19	Nhà Lê Thành Khương đến nhà Phạm Ngọc Vân	Nhà Lê Thành Khương	Nhà Phan Ngọc Vân				0,250								-	Không thực hiện
20	Nhà Nguyễn Nghĩa đến nhà Nguyễn Ngãi	Nhà Nguyễn Nghĩa	Nhà Nguyễn Ngãi					0,150								Không thực hiện
21	Đường BT đến nhà ông Tròn	Đường BT	Nhà ông Tròn			0,160									-	Không thực hiện
22	Đường BT(Thờ) đến nhà ông Quang	Đường BT(Thờ)	Nhà ông Quang			0,097									-	Không thực hiện
23	Nhà ông Bùi Ngọc Thuận đến nhà bà Thờ	Nhà Bùi Ngọc Thuận	Nhà bà Thờ			0,273									-	Không thực hiện
24	Đường BT đến nhà ông Linh	Đường BT	Nhà ông Linh			0,074			Đường BT	Nhà ông Linh			0,173			Tăng chiều dài
25	Đường BT đến nhà ông Thạnh	Đường BT	Nhà ông Thạnh			0,074			Đường BT	Nhà ông Thạnh			0,173			Tăng chiều dài
26	Ngã 4 An Lộc đến nhà ông Lạc	Ngã 4 An lộc	Nhà ông Lạc			0,160									-	Không thực hiện
27	Nhà ông Lạc đến nhà ông 6 Hường	Nhà ông Lạc	Nhà ông 6 Hường			0,350									-	Không thực hiện
28	Ngõ Lê Đại lý đến Ngõ ông Tùng, ông Khánh	Ngõ Lê Đại lý	Ngõ ông Tùng, ông Khánh			0,550									-	Không thực hiện
29	Ngõ Nguyễn Thị Long đến Nhà ông Tài, Ánh	Ngõ Nguyễn Thị Long	Nhà ông Tài, Ánh			0,550									-	Không thực hiện
30	Đường BT chợ Trung Ái đến nhà ông Biển	Đường BT chợ Trung Ái	Nhà ông Biển			0,900			Đường BT chợ Trung Ái	Nhà ông Biển			0,100			Giảm chiều dài

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
31	Quốc lộ 19 đến Cty Lê Hoàng Minh	Quốc lộ 19	Cty Lê Hoàng Minh			0,900			Quốc lộ 19	Cty Lê Hoàng Minh			0,800			Giảm chiều dài
32	Nhà ông Nguyễn Hàng đến nhà ông Sang	Nhà ông Nguyễn Hàng	Nhà ông Sang			0,110							-			Không thực hiện
33	Quốc lộ 19 đến nhà ông Cam	Quốc lộ 19	Nhà ông Cam			0,980							-			Không thực hiện
34	Nhà Thờ Thiên chúa Giáo đến Ngõ Bà Nguyễn Thị Diệu	Nhà Thờ Thiên chúa giáo	Ngõ Bà Nguyễn Thị Diệu			0,110							-			Không thực hiện
35	Nhà ông Hải đến nhà Phạm Văn Chính	Nhà ông Hải	Nhà Phạm Văn Chính					0,150								Không thực hiện
36	Ngõ ông Nguyễn Vĩnh đến ngõ ông Minh (A)	Ngõ ông Nguyễn Vĩnh	Ngõ ông Minh (A)			0,100							-			Không thực hiện
37	Ngõ ông Võ Ngọc Sanh đến Ngõ ông Thành	Ngõ ông Võ Ngọc Sanh	Ngõ ông Thành			0,155							-			Không thực hiện
38	Ngõ Dũng Quảng đến nhà ông Tuấn	Ngõ Dũng Quảng	Nhà ông Tuấn			0,140			Ngõ Dũng Quảng	Nhà ông Tuấn			0,125			Giảm chiều dài
39	Nhà ông 3 Long đến nhà ông Sa	Nhà ông 3 Long	Nhà ông Sa				0,100		Nhà ông 3 Long	Nhà ông Sa				0,065		Giảm chiều dài
40	Ngã 3 nhà ông 10 Thín đến nhà ông Ngọc	Ngã 3 nhà ông 10 Thín	Nhà ông Ngọc			0,160							-			Không thực hiện
41	Ngã 3 nhà bà Tuôi đến nhà ông Đồng	Ngã 3 nhà bà Tuôi	Nhà ông Đồng			0,040			Ngã 3 nhà bà Tuôi	Nhà ông Đồng			0,028			Giảm chiều dài
42	Ngã 3 nhà ông Du đến nhà ông Đình	Ngã 3 nhà ông Du	Nhà ông Đình				0,040		Ngã 3 nhà ông Du	Nhà ông Đình				0,060		Tăng chiều dài
43	Nhà ông 3 Phụng đến nhà ông Hải	Nhà ông 3 Phụng	Nhà ông Hải			0,040			Nhà ông 3 Phụng	Nhà ông Hải			0,032			Giảm chiều dài
44	Nhà ông Nghiệp đến nhà ông Ngọc	Nhà ông Nghiệp	Nhà bà Ngọc					0,100								Không thực hiện
45	Ngã 3 BT đến nhà ông Thọ	Ngã 3 BT	Nhà ông Thọ					0,300								Không thực hiện
46	Nhà ông Nghĩa đến nhà ông Định	Nhà ông Nghĩa	Nhà ông Định			0,080							-			Không thực hiện

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
47	Ngã 3 BT đến nhà ông Sự	Ngã 3 BT	Nhà ông Sự				0,260		Ngã 3 BT	Nhà ông Sự				0,245		Giảm chiều dài
48	Ngã 3 BT đến nhà ông Minh	Ngã 3 BT	Nhà ông Minh				0,100		Ngã 3 BT	Nhà ông Minh				0,115		Tăng chiều dài
49	Nhà ông Nam đến nhà ông Long	Nhà ông Nam	Nhà ông Long			0,150							-			Không thực hiện
50	Quốc lộ 19 đến nhà ông Ánh	Quốc lộ 19	Nhà ông Ánh					0,090								Không thực hiện
51	Nhà ông Lâm đến nhà ông Thơ	Nhà ông Lâm	Nhà ông Thơ			0,090			Nhà ông Lâm	Nhà ông Thơ			0,095			Tăng chiều dài
52	Nhà ông Hùng đến nhà bà Sen	Nhà ông Hùng	Nhà bà Sen			0,040			Nhà ông Hùng	Nhà bà Sen			0,035			Giảm chiều dài
53	Nhà bà Dỹ đến nhà ông Sang	Nhà bà Dỹ	Nhà ông Sang			0,050			Nhà bà Dỹ	Nhà ông Sang			0,038			Giảm chiều dài
54	Kênh N24 đến nhà ông Hải	Kênh N24	Nhà ông Hải			0,025			Kênh N24	Nhà ông Hải			0,019			Giảm chiều dài
55	Nhà ông Hùng đến nhà bà Kính	Nhà ông Hùng	Nhà bà Kính			0,050			Nhà ông Hùng	Nhà bà Kính			0,044			Giảm chiều dài
56	Nhà ông Hiền đến nhà ông Lai	Nhà ông Hiền	Nhà ông Lai			0,070			Nhà ông Hiền	Nhà ông Lai			0,043			Giảm chiều dài
57	Nhà ông Vũ đến nhà bà Chung	Nhà ông Vũ	Nhà bà Chung			0,040			Nhà ông Vũ	Nhà bà Chung			0,026			Giảm chiều dài
58	Đường BTXM đến nhà ông Lao	Đường BTXM	Nhà ông Lao			0,020							-			Không thực hiện
59	Ngõ ông Nguyễn Thanh đến nhà ông Minh	Ngõ ông Nguyễn Thanh	Ngõ ông Minh			0,350			Ngõ ông Nguyễn Thanh	Ngõ ông Minh			0,035			Giảm chiều dài
60	Ngõ Nguyễn Tấn Tài đến Ngõ ông Viên, ông Đẹt	Ngõ Nguyễn Tấn Tài	Ngõ ông Viên, ông Đẹt			0,150			Ngõ Nguyễn Tấn Tài	Ngõ ông Viên, ông Đẹt			0,188			Tăng chiều dài
61	Ngõ Thân Văn Bình đến Ngõ ông Ánh	Ngõ Thân Văn Bình	Ngõ ông Ánh			0,080							-			Không thực hiện
62	Kênh N24 đến Ngõ Hà Văn Cang	Kênh N24	Ngõ Hà Văn Cang			0,090							-			Không thực hiện
63	Đường BT đến Ngõ Đông	Đường BT	Ngõ Đông			0,215							-			Không thực hiện

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
64	Đường BT đến Ngõ Mười cơ	Đường BT	Ngõ Mười cơ			0,207							-			Không thực hiện
65	Đường BT đến Ngõ ông Sơn	Đường BT	Ngõ ông Sơn			0,120							-			Không thực hiện
66	Đường BT đến Ngõ Lượn	Đường BT	Ngõ Lượn			0,107							-			Không thực hiện
67	Đường BT đến Nhà ông Chi	Đường BT	Nhà ông Chi			0,048							-			Không thực hiện
68	Đường Ngõ Sen đến Ngõ Tổ	Đường Ngõ Sen	Ngõ Tổ			0,030							-			Không thực hiện
69	Đường BT đến Ngõ Thừa Đen	Đường BT	Ngõ Thừa Đen			0,022							-			Không thực hiện
70	Đường BT đến Ngõ Hải	Đường BT	Ngõ Hải			0,033							-			Không thực hiện
71	Đường BT đến Nhà Tự Nhiên	Đường BT	Nhà Tự Nhiên			0,050							-			Không thực hiện
72	Đường BT đến Ngõ Anh	Đường BT	Ngõ Anh			0,200							-			Không thực hiện
73	Đường BT đến Ngõ Minh Hồ	Đường BT	Ngõ Minh Hồ			0,106							-			Không thực hiện
74	Nhà Phạm hải đến nhà Bùi Văn Hiếu	Nhà Phạm hải	Nhà Bùi Văn Hiếu			0,210							-			Không thực hiện
75	Nhà Đỗ Thị Diễm đến nhà Trương Văn Minh	Nhà Đỗ Thị Diễm	Nhà Trương Văn Minh				0,320							-		Không thực hiện
76	Nhà Nguyễn Cao Tài đến nhà Ngô Minh Hùng	Nhà Nguyễn Cao Tài	Nhà Ngô Minh Hùng				0,040							-		Không thực hiện
77	Nhà Bùi Văn Sang đến nhà Nguyễn Thị Sáng	Nhà Bùi Văn Sang	Nhà Nguyễn Thị Sáng				0,060							-		Không thực hiện
78	Nhà Trần Văn Cường đến nhà Nguyễn Thanh Dũng	Nhà Trần Văn Cường	Nhà Nguyễn Thanh Dũng				0,200							-		Không thực hiện
79	Nhà Lâm Xuân Hoa đến nhà Trần Văn Bình	Nhà Lâm Xuân Hoa	Nhà Trần Văn Bình				0,200							-		Không thực hiện

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
80	BTXM đến Ngõ ông Đỗ Văn Minh								BTXM	Ngõ ông Minh			0,038			Bổ sung
81	BTXM đến Ngõ ông Nguyễn Minh Toàn								BTXM	Ngõ ông Toàn				0,027		Bổ sung
82	BTXM đến Chùa Hưng Quang								BTXM	Chùa Hưng Quang			0,120			Bổ sung
83	BTXM đến Ngõ ông Đặng Minh Đức								BTXM	Ngõ ông Đức			0,023			Bổ sung
84	Ngõ Phú đến Ngõ Lợi								Ngõ Phú	Ngõ Lợi			0,080			Bổ sung
85	BTXM đến Ngõ ông Kham								BTXM	Ngõ ông Kham			0,061			Bổ sung
86	Ngõ Năm đến Ngõ Lắm								Ngõ Năm	Ngõ Lắm			0,033			Bổ sung
87	Dưới ngõ Năm đến Ngõ Hà Thị Ba								Dưới Ngõ Năm	Ngõ bà Ba			0,042			Bổ sung
88	BTXM đến Miếu								BTXM	Miếu			0,037			Bổ sung
89	Đường lên nhà Minh đến Ngõ Tính								Nhà Minh	Ngõ Tính				0,029		Bổ sung
90	Ngã Ba đến Ngõ Phước								Ngã Ba	Ngõ Phước			0,870			Bổ sung
91	Ngõ Sương đến Ngõ Thái ; Hưng								Ngõ Sương	Ngõ Thái, Hưng			0,190			Bổ sung
92	BTXM đến Ngõ Kế								BTXM	Ngõ Kế			0,035			Bổ sung
93	BTXM đến Ngõ Chinh, Nghị								BTXM	Ngõ Chinh, Nghị			0,120			Bổ sung
94	BTXM đến Ngõ Hậu								BTXM	Ngõ Hậu			0,022			Bổ sung
95	BTXM đến Ngõ Mười								BTXM	Ngõ Mười				0,050		Bổ sung
96	Dưới ngõ Xuân đến Ngõ Toàn								Dưới ngõ Xuân	Ngõ Toàn					0,025	Bổ sung
97	Ngõ Chi đến Ngõ Cường								Ngõ Chi	Ngõ Cường			0,025			Bổ sung
98	Ngõ Minh đến Ngõ Phải , Trạch								Ngõ Minh	Ngõ Phải , Trạch			0,065			Bổ sung
99	Trên Ngõ Kỳ đến Ngõ Quá								Trên Ngõ Kỳ	Ngõ Quá			0,025			Bổ sung

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
100	Ngõ Phong đến ngõ Trương Hoa								Ngõ Phong	Ngõ Trương Hoa			0,093			Bổ sung
101	Ngõ Vũ đến Ngõ Thọ								Ngõ Vũ	Ngõ Thọ			0,030			Bổ sung
102	Ngõ Lễ đến Ngõ Hiền								Ngõ Lễ	Ngõ Hiền			0,040			Bổ sung
103	Ngõ Ngân đến Ngõ Khánh								Ngõ Ngân	Ngõ Khánh				0,100		Bổ sung
104	Trên Ngõ Tịnh đến ngõ Minh								Trên ngõ Tịnh	Ngõ Minh			0,019			Bổ sung
105	Đường BTXM đến Ngõ Thới								BTXM	Ngõ Thới			0,041			Bổ sung
106	Tuyến QL19 đến cổng 28/7								Quốc lộ 19	Cổng 28/7			0,310			Bổ sung
107	Tuyến từ đường vào 28/7 đến Nghĩa địa								Đường vào 28/7	Nghĩa địa			0,148			Bổ sung
108	Tuyến Quốc lộ 19 đến cổng Tiến Phước								Quốc lộ 19	Cổng Tiến Phước			0,460			Bổ sung
109	Tuyến BTXM đến Miếu Nam								Tuyến BTXM	Miếu Nam			0,040			Bổ sung
110	Nhà ông Quế đến Ngghiax địa Gò Chùa								Nhà ông Quế	Nghĩa Địa			0,312			Bổ sung
111	Nghĩa địa đến Gò U								Nghĩa địa	Gò U			0,206			Bổ sung
112	Nhà ông 7 đức đến nhà 3 Sơn Thả								Nhà 7 Đức	Nhà 3 Sơn Thả			0,080			Bổ sung
113	Nhà Sang đến nhà Mỹ								Nhà Sang	Nhà Mỹ			0,036			Bổ sung
114	Từ Mã Chánh Ca đến giáp đường BT Đội 9								Mã Chánh Ca	BT Đội 9			0,105			Bổ sung
115	Đường Trường Thi đến nhà Bà Đặng Thị Dân								Đường Trương Thi	Nhà bà Dân				0,080		Bổ sung
116	Đường 2 Vân đến 5 Chớ, 2 Yên, 3 Mai								Đường 2 Vân	Nhà Chớ, Yên, Mai				0,071		Bổ sung
117	Bê tông đến nhà 6 Được								Đường BTXM	Nhà 6 Được					0,030	Bổ sung
118	Đường BTXM đến Ngõ Khanh + nhà Đông								Đường BTXM	Ngõ Khanh + Đông					0,020	Bổ sung

74

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
119	Đường BT đến nhà Lộc, Sấn , 6 Thạnh								Đường BTXM	Nhà Lộc+Sấn+ 6 Thạnh			0,210			Bổ sung
120	Nhà ông 2 Giám đến nhà bà Hai								Nhà 2 Giám	Nhà bà Hai			0,049			Bổ sung
121	Từ Ngã 3 Bãi Cát đến nhà ông Hiền								Ngã 3 Bãi Cát	Nhà ông Hiền			0,080			Bổ sung
122	Nhà ông Bình đến nhà ông Phẩm								Nhà ông Bình	Nhà ông Phẩm					0,030	Bổ sung
123	Chùa cao Đài đến nhà bà Bé								Chùa	Nhà bà Bé			0,030			Bổ sung
124	Đường Trường Thi đến nhà 6 Nhã, nhà Lâm								Đường Trường Thi	Nhà Nhã+ Lâm			0,156			Bổ sung
125	Gò Trước đi Nhà 6 Minh								Gò Trước	Nhà 6 Minh					0,187	Bổ sung
126	Nhà Phạm Thị Phụng đến nhà Phạm văn Tám								Nhà Phụng	Nhà Tám			0,100			Bổ sung
127	Đường BTXM đến Nhà Nguyễn Đình Tân								Đường BTXM	Nhà Tân					0,040	Bổ sung
128	Nhà Huỳnh Văn Niên đến Nhà Ngô Văn Thanh								Nhà Niên	Nhà Thanh				0,060		Bổ sung
129	Đường BTXM đến Nhà Lê Tấn Phong								Đường BTXM	Nhà Phong				0,070		Bổ sung
130	Nhà bà Võ Thị Hương đến nhà Nguyễn Tuấn								Nhà bà Hương	Nhà Tuấn				0,080		Bổ sung
131	Đường Biên Cương đến nhà Sang								Đường Biên Cương	Nhà Sang			0,460			Bổ sung
132	Nhà Ngô Đình Lộc đến nhà Nguyễn Anh Quốc								Nhà Ngô Đình Lộc	Nhà ông Quốc				0,300		Bổ sung
133	Đường BT đến Nhà ông Bích								Đường BT	Nhà ông Bích			0,060			Bổ sung
134	Đường BT đến Nhà ông Đặng Thành Tài								Đường BT	Nhà ông Tài			0,070			Bổ sung
135	Nhà Én đến nhà Nguyễn Thị Thời								Nhà Én	Nhà bà Thời					0,090	Bổ sung
136	Nguyễn Hàng đến nhà ông Sang								Nguyễn Hàng	Nhà ông Sang				0,107		Bổ sung

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
137	Nhà ông Hải đến nhà ông Chính								Nhà ông Hải	Nhà ông Chính				0,098		Bổ sung
138	Nhà ông Nam đến nhà ông Long								Nhà ông Nam	Nhà ông Long				0,126		Bổ sung
139	Nhà ông Phụng đến nhà ông Sơn Hải								Nhà ông Phụng	Nhà Sơn Hải				0,023		Bổ sung
140	Nhà ông Hộ đến nhà ông Nhâm								Nhà ông Hộ	Nhà ông Nhâm				0,048		Bổ sung
141	Nhà ông Hiền đến nhà ông Trọng								Nhà ông Hiền	Nhà ông Trọng					0,029	Bổ sung
142	Ngã 3 đến nhà ông Lữ								Ngã 3	Nhà ông Lữ			0,011			Bổ sung
143	Ngã 3 đến nhà ông Anh								Ngã 3	Nhà ông Anh				0,015		Bổ sung
144	Ngã 3 BT đến nhà ông Cẩn								Ngã 3 BT	Nhà ông Cẩn				0,088		Bổ sung
145	Ngã 3 BT đến nhà bà Diên								Ngã 3 BT	Nhà bà Diên					0,080	Bổ sung
146	Ngã 3 BT đến nhà ông Quang Minh								Ngã 3 BT	Nhà ông Quang Minh			0,015			Bổ sung
147	Ngã 3 BT đến nhà ông Tấn								Ngã 3 BT	Nhà ông Tấn				0,040		Bổ sung
148	Ngã 3 đến nhà ông Sanh Sự								Ngã 3	Nhà ông Sự			0,025			Bổ sung
149	Ngã 3 đến nhà ông Tình								Ngã 3	Nhà ông Tình			0,065			Bổ sung
150	Nhà ông Hộ đến nhà ông Thanh								Nhà ông Hộ	Nhà ông Thanh			0,035			Bổ sung
151	Nhà bà Tâm đến nhà ông Vui								Nhà bà Tâm	Nhà ông Vui				0,051		Bổ sung
152	Nhà ông Lê đến nhà ông Tài								Nhà ông Lê	Nhà ông Tài					0,086	Bổ sung
153	Nhà ông Duy đến nhà ông Trung								Nhà ông Duy	Nhà ông Trung			0,035			Bổ sung

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
154	Nhà ông Duy đến nhà bà Quả								Nhà ông Duy	Nhà bà Quả			0,015			Bổ sung
155	Nhà ông thanh đến nhà ông Được								Nhà ông Thanh	Nhà ông Được				0,120		Bổ sung
156	Nhà ông Cửu đến nhà ông Hủy								Nhà ông Cửu	Nhà ông Hủy			0,075			Bổ sung
157	Nhà ông Thắm đến nhà ông kiêu								Nhà ông Thắm	Nhà ông kiêu				0,150		Bổ sung
158	Nhà ông Đình đến nhà ông Vương								Nhà ông Đình	Nhà ông Vương					0,108	Bổ sung
159	Từ Nhà ông Tâm đến nhà ông Tạo								Nhà ông Tâm	Nhà ông Tạo			0,088			Bổ sung
160	Nhà ông Thanh đến nhà ông Chánh								Nhà ông Thanh	Nhà ông Chánh					0,093	Bổ sung
161	Nhà ông Chút đến nhà ông Ngôn								Nhà ông Chút	Nhà ông Ngôn					0,030	Bổ sung
162	Nhà ông Sang đến nhà ông Hạnh								Nhà ông Sang	Nhà ông Hạnh				0,033		Bổ sung
163	Nhà ông Sang đến nhà ông Diệu								Nhà ông Sang	Nhà ông Diệu					0,070	Bổ sung
164	Từ phường Nam đến đồng ruộng Gò Dê								Phường Nam	Ruộng Gò Dê			0,659			Bổ sung
165	Từ Ngõ 5 Thờ đến Mương N19(1)								Ngõ 5 Thờ	Mương N19(1)			0,086			Bổ sung
166	Từ đường BT đến Ngõ Tạ Thị Dung								Đường BT	Ngõ bà Dung			0,012			Bổ sung
167	Từ đường BT đến ngõ ông Trần Văn Chưởng								Đường BT	Ngõ Chưởng			0,404			Bổ sung
168	Từ Phường Nam đến Bờ Phận								Đường BT	Ngõ Chưởng			0,348			Bổ sung
169	Từ nhà Nguyễn Thanh đến nhfa Nguyễn Thị Dung								Nhà Nguyễn Thanh	Nhà bà Dung				0,100		Bổ sung
170	Từ Mả Tổ đến nhà Phan Thị Bình								Mả Tổ	Nhà bà Bình				0,282		Bổ sung
171	Đường BTXM đến nhà Võ Xuân Cảnh								Đường BTXM	Nhà ông Cảnh					0,050	Bổ sung

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
172	Đường BTXM đến nhà Lâm Văn Chạy								Đường BTXM	Nhà ông Chạy					0,050	Bổ sung
173	Đường BTXM đến nhà Nguyễn Văn Ngọc								Đường BTXM	Nhà ông Ngọc			0,050			Bổ sung
174	Quốc lộ 1A cũ đến nhà Trần Trọng Sơn								Quốc lộ 1A Cũ	Nhà ông Sơn					0,050	Bổ sung
175	Quốc lộ 1A cũ đến nhà Đỗ Minh Hùng								Quốc lộ 1A Cũ	Nhà ông Hùng					0,235	Bổ sung
176	Trương Đình Khải đến Trần Ngọc Châu								Nhà ông Khải	Nhà ông Châu				0,120		Bổ sung
177	Đường BTXM đến Trần Duy Thanh								Đường BTXM	Nhà ông Thanh				0,070		Bổ sung
178	Đường BTXM đến Nguyễn Văn Thừa								Đường BTXM	Nhà ông Thừa				0,075		Bổ sung
179	Đường BTXM đến Nguyễn Thị Giáng Hường								Đường BTXM	Nhà bà Hường				0,025		Bổ sung
180	Đường BTXM đến Nguyễn Hùng Tiến								Đường BTXM	Nhà ông Tiến				0,028		Bổ sung
181	Đường BTXM đến nhà ông Nguyễn Thành								Đường BTXM	Nhà ông Thành			0,065			Bổ sung
182	Đường từ ngõ Tiêu Văn Minh đến Nhà Nguyễn Thanh Tuấn								Ngõ Minh	Nhà Tuấn			0,075			Bổ sung
183	Đường BTXM đến Ngõ ông TRẦN VĂN Đông								Đường BTXM	Ngõ ông Đông			0,020			Bổ sung
184	Đường Ngõ ông Nghĩa đến Ngõ ông Tân, Điệp								Ngõ ông Nghĩa	Ngõ ông Tân , Điệp					0,038	Bổ sung
185	Nhà ông Bá đến nhà ông Sự								Nhà ông Bá	Nhà ông Sự					0,054	Bổ sung
186	Nhà ông Sự đến Ngõ Võ Đào								Nhà ông Sự	Ngõ Võ Đào					0,084	Bổ sung
187	Ngõ Trần Đình Thu đến nhà Trần Ngọc Chức								Ngõ Thu	Nhà Chức					0,025	Bổ sung
TỔNG CỘNG				38,192	0,000	27,161	3,007	8,024			44,860	1,592	35,608	4,906	2,754	

CÁC DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH BÊ TÔNG HOÁ ĐƯỜNG GTNT NĂM 2019 - HUYỆN PHÙ CÁT

(Kèm theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 05/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh								Điều chỉnh, bổ sung						Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
I	XÃ CÁT THẮNG			-	-	-	-	-								
1	Đường BTXM GTNT xã Cát Thắng. Tuyến: Ngõ 5 Bê - Ngõ 9 Nôi.										7,036	-	0,850	4,712	1,474	
2	Đường BTXM GTNT xã Cát Thắng. Tuyến: Ngõ 6 Long - Ngõ 2 Lào								Ngõ 5 Bê	Ngõ 9 Nôi					0,100	Bổ sung
3	Đường BTXM GTNT xã Cát Thắng. Tuyến: Ngõ Hồng - Ngõ 4 Ngọc								Ngõ 6 Long	Ngõ 2 Lào					0,315	Bổ sung
4	Đường BTXM GTNT xã Cát Thắng. Tuyến: Gò Xạ - Ngõ 8 Quý								Ngõ Hồng	Ngõ 4 Ngọc					0,120	Bổ sung
5	Đường BTXM GTNT xã Cát Thắng. Tuyến: Ngõ Trà Liên - Ngõ Võ Ba								Gò Xạ	Ngõ 8 Quý					0,120	Bổ sung
6	Đường BTXM GTNT xã Cát Thắng. Ngõ Kính - Ngõ 7 Thái								Ngõ Trà Liên	Ngõ Võ Ba				0,120		Bổ sung
7	Đường BTXM GTNT xã Cát Thắng. Tuyến: Đường BT - Ngõ 3 Thái								Ngõ Kính	Ngõ 7 Thái				0,320		Bổ sung
8	Đường BTXM GTNT xã Cát Thắng. Tuyến: Gò Xạ - Đập Lão Tâm								Đường BT	Ngõ 3 Thái				0,050		Bổ sung
9	Đường BTXM GTNT xã Cát Thắng. Tuyến: Ngõ Ông Lệ - Ngõ Ông Hát								Gò Xạ	Đập Lão Tâm				0,502		Bổ sung
10	Đường BTXM GTNT xã Cát Thắng. Tuyến: Đường BTXM đến ngõ Ông Phụng								Ngõ Lệ	Ngõ Hát				0,070		Bổ sung
11	Đường BTXM GTNT xã Cát Thắng. Tuyến: Đường BTXM đến ngõ Ông Dư.								Đường BTXM	Ngõ Phụng				0,070		Bổ sung
12	Đường BTXM GTNT xã Cát Thắng. Tuyến: Đường BTXM đến ngõ Từ Đường								Đường BTXM	Ngõ Dư				0,060		Bổ sung
13	Đường BTXM GTNT xã Cát Thắng. Tuyến: Đường BTXM đến ngõ Tám Nhung.								Đường BTXM	Ngõ từ đường				0,060		Bổ sung
14	Đường BTXM GTNT xã Cát Thắng. Đường Bê tông - Thắt ra trường VPA								Đường BTXM	Ngõ tám Nhung				0,210		Bổ sung
15	Từ Trường trung học Vĩnh Phú A- Vĩnh Phú B								Đường Bê tông	Thắt ra trường VPA				0,380		Bổ sung
									Vĩnh Phú A	Vĩnh Phú B				0,520		Bổ sung

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
II	XÃ CÁT TÂN			2,080	-	2,080	-	-			9,136	-	6,675	1,888	0,573	
1	Đường BTXM Tân Hoà - Kiều An	Bạc Hà Bắc	Gò Đình			0,720			Bạc Hà Bắc	Gò Đình			0,703			Giảm chiều dài
2	Đường BTXM thôn Kiều An	Hà Thông	Đập cây trâm			0,720			Hà Thông	Đập cây trâm			0,647			Giảm chiều dài
3	Đường BTXM thôn Kiều Huyền	BTXM	Đập Nam			0,400			BTXM	Đập Nam			0,314			Giảm chiều dài
4	Đường BTXM thôn Kiều Huyền	Nhà ông Long	Diệp Thị Mười			0,240			Nhà ông Long	Diệp Thị Mười			0,212			Giảm chiều dài
5	Đường số 1 khu dân cư cảng hàng không								Lô 43	Lô 79			0,200			Bổ sung
6	Đường số 2 khu dân cư cảng hàng không								Lô 111	Lô 96			0,105			Bổ sung
7	Đường số 3 khu dân cư cảng hàng không								Lô 41	Lô 26			0,075			Bổ sung
8	Đường BTXM thôn Kiều Huyền								Dương Thành Bút	Đỗ Thị Lại					0,130	Bổ sung
9	Đường BTXM thôn Kiều Huyền								Đỗ Văn Sơn	Dương Văn Phong					0,125	Bổ sung
10	Đường BTXM thôn Kiều Huyền								Nguyễn Thúc	Hà Văn Nga			0,050			Bổ sung
11	Đường BTXM thôn Kiều Huyền								Nguyễn Bình	Hà Hiệp			0,060			Bổ sung
12	Đường BTXM thôn Kiều Huyền								Hà Hân	Dinh Ông				0,280		Bổ sung
13	Đường BTXM thôn Kiều Huyền								Nghĩa Địa	Nguyễn Sang				0,240		Bổ sung
14	Đường BTXM thôn Kiều Huyền								BTXM	Hà Văn Thụy				0,065		Bổ sung
15	Đường BTXM thôn Kiều Huyền								BTXM	Trần Đức Tông				0,055		Bổ sung
16	Đường BTXM thôn Kiều Huyền								Hà Văn Thụy	Trần Trung				0,212		Bổ sung
17	Đường BTXM thôn Kiều Huyền								BTXM	Trần Tô				0,080		Bổ sung
18	Đường BTXM thôn Kiều Huyền								BTXM	Mai Cảnh				0,035		Bổ sung
19	Đường BTXM thôn Kiều Huyền								Hà Thị Lựu	Đoàn Mẫn				0,160		Bổ sung
20	Đường BTXM thôn Hoà Đồng								Nhà hợp xóm Nam	Nguyễn Vĩnh Thử				0,270		Bổ sung
21	Đường BTXM thôn Hoà Đồng								Nguyễn Văn Long	Đỗ Tặng				0,044		Bổ sung
22	Đường BTXM thôn Hoà Đồng								Nguyễn Thị Bé	Nguyễn Văn Đẩu				0,030		Bổ sung
23	Đường BTXM thôn Hoà Đồng								Nguyễn Thị Liên	Huỳnh Ngọc Ánh				0,072		Bổ sung
24	Đường BTXM thôn Kiều An								Hà Văn Thảo	Trần Văn Mùi				0,050		Bổ sung
25	Đường BTXM thôn Kiều An								BTXM	Mạc Thanh Hoà				0,045		Bổ sung

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
26	Đường BTXM thôn Kiều An								Huỳnh Quốc Bảo	Huỳnh Văn Báu				0,050		Bổ sung
27	Đường BTXM thôn Kiều An								BTXM	Huỳnh Ngọc Sơn				0,060		Bổ sung
28	Đường BTXM thôn Kiều An								BTXM	Hà Đắc Hoàng				0,090		Bổ sung
29	Đường BTXM thôn Kiều An								Phạm Bờ	Phạm Mùi				0,050		Bổ sung
30	Đường BTXM thôn Kiều An								BTXM	Phạm Văn Thân					0,046	Bổ sung
31	Đường BTXM thôn Kiều An								Quốc lộ 1A	Nguyễn Phúc Hậu					0,035	Bổ sung
32	Đường BTXM thôn Tân Hòa								BTXM	Lữ Đức Diệt					0,072	Bổ sung
33	Đường BTXM thôn Tân Hòa								BTXM	Nguyễn Hòa					0,060	Bổ sung
34	Đường BTXM thôn Tân Hòa								BTXM	Đặng Thị Lý					0,060	Bổ sung
35	Đường BTXM thôn Tân Hòa								BTXM	Võ Văn Sáu					0,045	Bổ sung
36	Đường BTXM thôn Tân Hòa								BTXM	Nguyễn Văn Tân						Bổ sung
37	Đường BTXM thôn Tân Hòa								BTXM	Trần Thị Tú			0,100			Bổ sung
38	Đường BTXM thôn Tân Hòa								BTXM	Nghĩa địa xóm Tây			0,050			Bổ sung
39	Đường BTXM thôn Tân Hòa								BTXM	Miếu			0,100			Bổ sung
40	Đường BTXM Tân Lệ - Hữu Hạnh								BTXM	Thôn Hữu Hạnh			1,340			Bổ sung
41	Đường BTXM thôn Tân Hòa; Tuyến 1								Lương Văn Thông thôn Tân Lệ	Đường sắt			0,210			Bổ sung
42	Đường BTXM xóm Cát, thôn Kiều An								Cổng đường sắt	Nhà ông sơn			0,500			Bổ sung
43	Đường BTXM Gò Lãng, thôn Kiều An								Nhà bà Vân	Nhà ông Hưng			0,200			Bổ sung
44	Đường BTXM thôn Bình Đức								Trường cao đẳng nghề Thạch	Nhà ông Hiệp			0,500			Bổ sung
45	Đường BTXM nội đồng thôn Kiều Huyền								Nhà ông Thanh	Sông La Vỹ			1,200			Bổ sung
III	XÃ CÁT HẠNH			6,320	-	3,000	1,100	2,220			7,548	-	-	4,260	3,288	
1	QL 1A đến nhà Phạm Văn Bích	QL1A	Nhà Bích			0,600			QL1A	Nhà Bích				0,600		Chuyển từ B sang C
2	QL 1A đến nhà Trương Đình Dũng	QL1A	Nhà Dũng			1,200			QL1A	Nhà Dũng				1,200		Chuyển từ B sang C
3	Tuyến trục liên xóm	BT	Nhà Sự			0,250			BT	Nhà Sự				0,250		Chuyển từ B sang C
4	Tuyến dọc Mỹ đến mương cấp 2	Dốc Mỹ	Mương cấp 2			0,450										Không thực hiện

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
5	Quốc Lộ 1A- Sân banh	QL1A	Sân banh			0,500										
6	Tuyến đường đi đồng tổ 3	Nhà Minh	Cầu cửa Đức				0,800									Không thực hiện
7	Tuyến nhà Chí đi Soi Vinh Lạc	Nhà Chí	Soi Vinh Lạc				0,300		Nhà Chí	Soi Vinh Lạc				0,060		Không thực hiện
8	Tuyến đường xóm 2	Nhà Minh	Cầu quán mới					0,300								Giảm chiều dài
9	Tuyến đường xóm 2	BTXM	nhà Thuộc					0,150	BTXM	nhà Thuộc					0,070	Không thực hiện
10	Tuyến đường nhà Biên đến nhà Sang	Nhà Biên	Nhà Sang					0,100	Nhà Biên	Nhà Sang					0,045	Giảm chiều dài
11	Tuyến đường nhà Hùng đến gò mả	Nhà Hùng	Gò mả					0,120	Nhà Hùng	Gò mả					0,036	Giảm chiều dài
12	Tuyến đường bê tông đến nhà Hào	BT	Nhà Hào					0,100	BT	Nhà Hào					0,031	Giảm chiều dài
13	Tuyến đường nhà Minh đến nhà Nguy	Nhà Minh	Nhà Nguy					0,150	Nhà Minh	Nhà Nguy					0,070	Giảm chiều dài
14	Tuyến QL 1A đến Ngõ Thiên	QL1A	Ngõ Thiên					0,250								Không thực hiện
15	Tuyến đường ngang xóm 3	BT vườn xoài	Nhà Hương					0,250								Không thực hiện
16	Tuyến Gò Sĩa- Muong S1	Gò Sĩa	Muong S1					0,800								Không thực hiện
17	Tuyến BTXM- nhà Phú								BTXM	nhà Phú				0,850		Bổ sung
18	Tuyến Nhà Thu đi nhà Bảy								nhà Thu	Nhà Bảy				0,300		Bổ sung
19	Tuyến BTXM đi Bờ Bạ								BTXM	Bờ Bạ				1,000		Bổ sung
20	Tuyến liên xóm số 1								Nhà Dũng	Nhà Trọng					0,100	Bổ sung
21	Tuyến liên xóm số 2								BTXM	Nhà Bảo					0,125	Bổ sung
22	Tuyến liên xóm số 3								BTXM	Nhà Phương					0,120	Bổ sung
23	Tuyến liên xóm số 4								DT 634	Nhà Thạch					0,050	Bổ sung
24	Tuyến liên xóm số 5								Đá Đen	đồng ruộng					0,100	Bổ sung
25	Tuyến liên xóm số 6								Đá Đen	Nhà Dũng					0,120	Bổ sung
26	Tuyến BTXM liên thôn								BTXM	Đồng ruộng					0,040	Bổ sung
27	Trục nội đồng								Muong	Nhà Tân					0,130	Bổ sung
28	Trục nội đồng								BTXM	Nhà Phụng					0,070	Bổ sung
29	Tuyến liên xóm số 7								BTXM	Nhà Lễ					0,130	Bổ sung

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
30	Tuyến liên xóm số 8															
31	Tuyến liên xóm số 9								BTXM	Nhà Trung					0,200	Bổ sung
32	Tuyến liên xóm số 10								BTXM	Nhà Bình					0,080	Bổ sung
33	Tuyến Liên xóm số 11								BTXM	Nhà Liên					0,120	Bổ sung
34	Tuyến Liên xóm số 12								BTXM	Nhà Thành					0,070	Bổ sung
35	Tuyến liên xóm số 13								BTXM	Nhà Hoa					0,100	Bổ sung
36	Tuyến liên xóm số 14								BTXM	nhà Ân					0,220	Bổ sung
37	Tuyến liên xóm số 15								BTXM	Nhà Ba					0,070	Bổ sung
38	Tuyến BTXM đi nhà Toàn								BTXM	nhà Thu					0,550	Bổ sung
39	Tuyến BTXM- nhà Hải								BTXM	Nhà Toàn					0,300	Bổ sung
40	Tuyến BTXM- nhà Nở								BTXM	nhà Hải					0,075	Bổ sung
41	Tuyến BTXM - nhà Trang								BTXM	nhà Nở					0,080	Bổ sung
42	Tuyến BTXM- Nhà Tôn								BTXM	Nhà Trang					0,040	Bổ sung
43	Tuyến BTXM- Nhà Huân								BTXM	Nhà Tôn					0,096	Bổ sung
IV	XÃ CÁT SƠN								BTXM	Nhà Huân					0,050	Bổ sung
V	XÃ CÁT HIỆP			-	-	-	-	-			-	-	-	-	-	
1	Đường BTXM tuyến từ nhà Học đi Gò Rầy Phải xóm Hiệp Thuận	Nhà Học	Gò rầy Phải	1,600				1,600			0,350				0,350	
2	Đường BTXM tuyến từ nhà Bảy Hải đi nhà Năm Liêm xóm Hiệp Thuận	Nhà Bảy Hải	Nhà năm Liêm					0,250								Không thực hiện
3	Đường BTXM tuyến từ nhà Bình đi nhà Cường xóm Hiệp Bằng	Nhà Bình	Nhà Cường					0,550								Không thực hiện
4	Đường BTXM tuyến từ nhà Nguyễn Đức Thư đi nhà Lê Thị Phụng xóm Hiệp Hòa	Nhà Nguyễn Đức thư	Nhà Lê Thị Phụng					0,350								Không thực hiện
5	Đường BTXM tuyến từ Nhà Chạn đi đồng Ao Sum								BTXM nhà Chạn	đồng Ao Sum					0,350	Bổ sung
VI	XÃ CÁT LÂM			-	-	-	-	-			4,570	-	4,365	0,205	-	
1	Từ Lò gạch ông Ngà (DDT) đến xóm Dừa								ĐT 634	xóm Dừa, thôn Thuận Phong			1,035			Bổ sung
2	Từ Ngã 4 Nhà văn hóa thôn Thuận Phong (DDT) đến hồ Tam Sơn								ĐT 638	xóm Liên Danh, thôn Thuận Phong			3,200			Bổ sung
3	Từ đường cấp phối trường Mẫu giáo xóm Thuận Lợi đi nhà ông Tài đến nhà ông Nguyễn Song Phụng								Đường cấp phối	Nhà ông Phụng			0,130			Bổ sung

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
4	Từ nhà ông Lê Văn Kha đến nhà ông Trần Hồng Trục								Nhà ông Kha	Nhà ông Trục				0,135		Bổ sung
5	Từ nhà bà Nguyễn Thị Thúy đến nhà bà Cù Thị Xuân Hòa								Nhà bà Thúy	Nhà bà Hòa				0,070		Bổ sung
VII	XÃ CÁT TRINH			-	-	-	-	-				-	-	-	-	
VII	XÃ CÁT TƯỜNG			-	-	-	-	-				-	-	-	-	
1	Bê tông GTNT xã Cát Tường										6,270		1,450	4,820		
2	Bê tông GTNT xã Cát Tường								Ngõ Tâm	Ngõ Trục			0,600			Bổ sung
3	Bê tông GTNT xã Cát Tường								Ngã ba gồm	Ngõ Tiến			0,250			Bổ sung
4	Bê tông GTNT xã Cát Tường								Ngõ Cường	Ngõ Hưng			0,600			Bổ sung
5	Bê tông GTNT xã Cát Tường								Ngõ Hồng	Ngõ Bằng				0,320		Bổ sung
6	Bê tông GTNT xã Cát Tường								Ngõ Thuận	Ngõ Lân				0,250		Bổ sung
7	Bê tông GTNT xã Cát Tường								Ngõ Chiến	Ngõ Vinh				0,300		Bổ sung
8	Bê tông GTNT xã Cát Tường								Ngõ A	Ngõ Đồ				0,400		Bổ sung
9	Bê tông GTNT xã Cát Tường								Ngõ Hậu	Ngõ Chiến				0,250		Bổ sung
10	Bê tông GTNT xã Cát Tường								Ngõ Mỹ	Ngõ Thủy				0,200		Bổ sung
11	Bê tông GTNT xã Cát Tường								Giếng Làng	Bờ Công Trường				1,300		Bổ sung
12	Bê tông GTNT xã Cát Tường								Nhà Thờ	Ngõ Đầu				0,400		Bổ sung
13	Bê tông GTNT xã Cát Tường								Ngõ Thạnh	Ngõ Đường				0,400		Bổ sung
14	Bê tông GTNT xã Cát Tường								Ngõ Đại	Nhà VH thôn				0,150		Bổ sung
15	Bê tông GTNT xã Cát Tường								Ngõ Cảnh	Ngõ Hương				0,350		Bổ sung
16	Bê tông GTNT xã Cát Tường								Ngõ Dũng	Ngõ Thu				0,200		Bổ sung
IX	XÃ CÁT HƯNG			-	-	-	-	-			2,307		0,582		1,725	
1	Các tuyến đường BTXM khu quy hoạch điểm dân cư (Nam bảng tin)								BTXM	Khu qui hoạch điểm dân cư (Nam bảng tin)			0,512			Bổ sung
2	Khu qui hoạch dân cư vườn Nhậm								BTXM	Vườn Nhậm			0,070			Bổ sung
3	Phạm Phú Quốc - Phùng Thiết Thành								Phạm Phú Quốc	Phùng Thiết Thành					0,040	Bổ sung
4	Nguyễn Thị Chữ - Nguyễn Văn Điện								Nguyễn Thị Chữ	Nguyễn Văn Điện					0,050	Bổ sung
5	BTXM - Nguyễn Thành Điệp								BTXM	Nguyễn Thành Điệp					0,200	Bổ sung
6	Nguyễn An Bang - Miếu Xóm Nam								Nguyễn An Bang	Miếu Xóm Nam					0,090	Bổ sung

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
7	Nguyễn An Lê - Từ đường Nguyễn An								Nguyễn An Lê	Từ đường Nguyễn An					0,100	Bổ sung
8	BTXM - Võ Thanh Mùi								BTXM	Võ Thanh Mùi					0,100	Bổ sung
9	BTXM - Phùng Thiết Thọ								BTXM	Phùng Thiết Thọ					0,080	Bổ sung
10	QL 19B - UBND xã Cát Hưng								QL 19B	UBND xã Cát Hưng					0,385	Bổ sung
11	Nguyễn Đăng - Nguyễn Xuân Thương								Nguyễn Đăng	Nguyễn Xuân Thương					0,100	Bổ sung
12	Lê Văn Hồng - Nguyễn Xuân Cư								Lê Văn Hồng	Nguyễn Xuân Cư					0,080	Bổ sung
13	Nguyễn Trung - Nguyễn Xuân Phong								Nguyễn Trung	Nguyễn Xuân Phong					0,100	Bổ sung
14	2 Mai - Chà là (3)								2 Mai	Chà là (3)					0,050	Bổ sung
15	4 Phẩm - 5 Bầm (5)								4 Phẩm	5 Bầm (5)					0,150	Bổ sung
16	BTXM - Nguyễn Văn Nhu								BTXM	Nguyễn Văn Nhu					0,200	Bổ sung
X	XÃ CÁT TIẾN			-	-	-	-	-			-	-	-	-	-	
XI	XÃ CÁT HẢI			1,480	-	0,480	0,650	0,350			2,343	-	0,920	0,990	0,433	
1	Khu dân trên nhà Ngô Văn Tiền	Ngõ con Ngô Công Khánh	Khu dân cư			0,120			Đầu khu dân cư	Cuối khu dân cư			0,120			Điều chỉnh điểm đầu, điểm cuối
2	Khu dân cư sau nhà Dương Mai	Nối đường hồ tôm	Cuối khu dân cư			0,170										Không thực hiện
3	Khu dân cư dưới nhà Nguyễn Hảo Hựu	Nối đường hồ tôm ông Thành	Khu dân cư			0,190										Không thực hiện
4	DT 639 – Gò vàng – Cây Thị	DT 639	Cây Thị				0,650		DT 639	Cây Thị				0,990		Tăng chiều dài
5	Nhà Phan Văn Tuấn – Nhà Nguyễn Xít	Nhà Tuấn	Nhà Xít					0,350	Nhà Tuấn	Nhà Xít					0,283	Giảm chiều dài
6	Nối đường đầu gò - nhà Võ Kế Điều								Đầu gò	nhà Điều					0,150	Bổ sung
7	Nhà 2 Hợp - Biển								Nhà Hợp	Biển			0,800			Bổ sung

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
XII	XÃ CÁT THÀNH			2,187	-	-	2,187	-			2,073	-	-	1,891	0,182	
1	Công trình: Đường BTXM giao thông nông thôn ngõ, xóm; Tuyến: Nguyễn Tấn Hứa - Năm Hương thôn Chánh Hùng	Nguyễn Tấn Hứa	Năm Hương				1,000		Nguyễn Tấn Hứa	Năm Hương				0,821		Giảm chiều dài
2	Công trình: Đường BTXM giao thông nông thôn ngõ, xóm; Tuyến: Quán Vườn Cau - Nhà Thành (Dốc) thôn Chánh Thiện	Quán Vườn Cau	Nhà Thành (Dốc)				0,140		Quán Vườn Cau	Nhà Thành (Dốc)				0,137		Giảm chiều dài
3	Công trình: Đường BTXM giao thông nông thôn ngõ, xóm; Tuyến: Ngõ 7 Kiềm - Ngõ ông Hùng thôn Chánh Thiện	Ngõ 7 Kiềm	Ngõ ông Hùng				0,200		Ngõ 7 Kiềm	Ngõ ông Hùng					0,151	Giảm chiều dài và chuyển từ C sang I
4	Công trình: Đường BTXM giao thông nông thôn ngõ, xóm; Tuyến: Ngõ 5 Lạng - Ngõ Nguyễn Văn Tiến thôn Hóa Lạc	Ngõ 5 Lạng	Ngõ Nguyễn Văn Tiến				0,250		Ngõ 5 Lạng	Ngõ Nguyễn Văn Tiến				0,203		Giảm chiều dài
5	Công trình: Đường BTXM giao thông nông thôn ngõ, xóm; Tuyến: Nguyễn Tấn Thanh - Ngõ 6 Sự thôn Chánh Thắng	Nguyễn Tấn Thanh	Ngõ 6 Sự				0,047		Nguyễn Tấn Thanh	Ngõ 6 Sự					0,031	Giảm chiều dài và chuyển từ C sang E
6	Công trình: Đường BTXM giao thông nông thôn ngõ, xóm; Tuyến: Giáp đường BTXM - Nhà ông Dương Minh Vũ thôn Phú Trung	Giáp đường BTXM	Nhà ông Dương Minh Vũ				0,270		Giáp đường BTXM	Nhà ông Dương Minh Vũ				0,258		Giảm chiều dài
7	Công trình: Đường BTXM giao thông nông thôn ngõ, xóm; Tuyến: Nhà ông Lãnh - Nhà bà The thôn Phú Trung	Nhà ông Lãnh	Nhà bà The				0,280		Nhà ông Lãnh	Nhà bà The				0,219		Giảm chiều dài
8	Công trình: Đường BTXM giao thông nông thôn ngõ, xóm; Tuyến: Từ xã Cát Khánh Bàu Lầm - Ngõ Hồ Tàu								Từ xã Cát Khánh Bàu Lầm	Ngõ Hồ Tàu				0,252		Bổ sung
XIII	XÃ CÁT KHÁNH			0,270	-	0,270	-	-			8,590	-	6,040	0,250	2,300	
1	Đường liên thôn (Phú Long)	Cầu Tự	Nhà ông Nguyễn Công Diệp			0,200			Cầu Tự	Nhà ông Nguyễn Công Diệp			0,300			Tăng chiều dài
2	Đường liên xóm (Ngãi An)	ĐT 633	Nhà ông Đinh Công Thời			0,070			ĐT 633	Nhà ông Đinh Công Thời			0,100			Tăng chiều dài
3	Đường liên xóm (Phú Long)								Nhà ông Tô Hùng	Lê Văn Chiêu			0,120			Bổ sung

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
4	Đường liên xóm (Phú Long)								Ngô Thị Long	Nguyễn Thị Chanh			0,100			Bổ sung
5	Đường liên xóm (Phú Long)								Dương Ân	Lê Văn Gọn			0,250			Bổ sung
6	Đường liên xóm (Phú Long)								Tô Vững	Nguyễn Ứt			0,200			Bổ sung
7	Đường xóm Giêng (An Nhuệ)								Dương Đức Mạnh	Cao Thị Hanh			0,120			Bổ sung
8	Đường liên xóm (Thắng Kiên)								ĐT 639	Nguyễn Hữu Hồng			0,300			Bổ sung
9	Đường liên xóm (Chánh Lợi)								Nghĩa trang Liệt Sĩ	Nhà ông Tuấn			0,300			Bổ sung
10	Đường liên xóm (Chánh Lợi)								Trần Thanh Dũng	Huỳnh Dân			0,100			Bổ sung
11	Đường liên xóm (Chánh Lợi)								Nguyễn Tấn Dũng	Giáp bê tông AQ-CL			0,250			Bổ sung
12	Đường liên xóm (Ngãi An)								Nguyễn Minh Vinh	Lê Đình Trợ			0,200			Bổ sung
13	Đường liên xóm An Quang Tây								Cao Võ Hồng Phương	Phan Đồi			0,150			Bổ sung
14	Đường liên thôn								Đường bê tông Ngãi An	Giáp đường BT Chánh Lợi - An Quang Tây			2,000			Bổ sung
15	Đường liên xóm (Thắng Kiên)								Ông Phạm Hùng	Huỳnh Thị Bảy			0,350			Bổ sung
16	Đường lên Phú Ngãi								ĐT 639	ĐT 633			1,200			Bổ sung
17	Đường liên xóm (Chánh Lợi)								Nghĩa Trang Liệt sĩ	Ngô Tới				0,250		Bổ sung
18	Đường liên xóm (Chánh Lợi)								Lê Thị Đệ	Nguyễn Được					0,100	Bổ sung
19	Đường liên xóm (Chánh Lợi)								Phạm Đình Tuấn	Huỳnh Văn Minh					0,160	Bổ sung
20	Đường liên xóm (Chánh Lợi)								Phan văn Trưởng	Huỳnh Thạch Công					0,120	Bổ sung
21	Đường liên xóm (Chánh Lợi)								Ruộng thầy Hào	Hai Về					0,190	Bổ sung
22	Đường liên xóm (Chánh Lợi)								Mai Hùng	Phan Thị Hết					0,220	Bổ sung
23	Đường liên xóm (Chánh Lợi)								Phan thị Thu	Phan Nghĩa					0,160	Bổ sung
24	Đường liên xóm (Ngãi An)								Đinh Công	Lê Thành Châu					0,200	Bổ sung
25	Đường liên xóm (Ngãi An)								Nguyễn Trang	Đinh Ngọc Thanh					0,350	Bổ sung

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
26	Đường liên xóm (Ngãi An)															
27	Đường liên xóm (Ngãi An)								ĐT 633	Nhà ông Teo					0,200	Bổ sung
28	Đường liên xóm (Phú Đồng)								Nhà ông Nông	Nhà ông Kiển					0,350	Bổ sung
XIV	XÃ CÁT MINH			0,130	-	0,130	-	-	Nhà ông Tư	Nhà ông Cang					0,250	Bổ sung
1	Bê tông Trung Bình đến Lê Văn Tài	Bê tông Trung Bình	Lê Văn Tài			0,130			Bê tông Trung Bình	Lê Văn Tài	7,600	-	2,665	2,985	1,950	Tăng chiều dài và chuyển từ B sang C
2	Ngã ba Trung Tín đến Huỳnh Ngũ								Ngã ba Trung Tín	Huỳnh Ngũ			0,080			Bổ sung
3	Bê tông Cầu Cáp đến Nguyễn Thị Nương								Bê tông Cầu Cáp	Nguyễn Thị Nương			0,120			Bổ sung
4	Bê tông Trung Tâm đến Võ Chiêu								Bê tông Trung Tâm	Võ Chiêu			0,050			Bổ sung
5	Ngã ba Trung Lương đến Huỳnh Văn Tuấn								Ngã ba Trung Lương	Huỳnh Văn Tuấn			0,035			Bổ sung
6	Bê tông Trung Bình đến Nguyễn Thôn								Bê tông Trung Bình	Nguyễn Thôn			0,080			Bổ sung
7	Bê tông Trung Tâm đến Nguyễn Hoang								Bê tông Trung Tâm	Nguyễn Hoang			0,100			Bổ sung
8	Đường Bê tông đến Nguyễn Văn Tiến								Đường Bê tông	Nguyễn Văn Tiến			0,040			Bổ sung
9	Đường Bê tông đến Công Đình Làng								Đường Bê tông	Công Đình Làng			0,020			Bổ sung
10	Đường Bê tông đến Mương rút bến lợ								Đường Bê tông	Mương rút bến lợ			0,180			Bổ sung
11	Bê tông Đập đến Giáp Văn Xuân								Bê tông Đập	Giáp Văn Xuân			0,070			Bổ sung
12	Trần Tý đến Nguyễn Bán								Trần Tý	Nguyễn Bán			0,040			Bổ sung
13	Bê Tông An Tài đến Tô Quang Trường								Bê Tông An Tài	Tô Quang Trường			0,015			Bổ sung
14	Bê Tông An Tài đến Tô Văn Thân								Bê Tông An Tài	Tô Văn Thân			0,015			Bổ sung
15	Đường Bê Tông đến Nguyễn Văn Thanh								Đường Bê Tông	Nguyễn Văn Thanh			0,020			Bổ sung
16	Phan Hùng Thiện đến Nguyễn Thanh Sang								Phan Hùng Thiện	Nguyễn Thanh Sang			0,080			Bổ sung
17	ĐT 633 đến Đường Bê tông Phía Nam xã								Nhà ông Hiến	Đường Bê tông Phía Nam xã			0,220			Bổ sung

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
18	ĐT 633 đến Cao Văn Vinh								Cao Đức Anh	Cao Văn Vinh			0,240			Bổ sung
19	ĐT 633 đến Võ Kế Dân								ĐT 633	Võ Kế Dân			0,110			Bổ sung
20	Đồng Lập đến Trần Thủy								Đồng Lập	Trần Thủy			0,080			Bổ sung
21	ĐT 633 đến Nhà Nguyễn Thị Huê								ĐT 633	Nguyễn Thị Huê			0,350			Bổ sung
22	Bê tông Trung Thuận đến Qua Văn Qua								Bê tông Trung Thuận	Qua Văn Qua			0,030			Bổ sung
23	Nghô Bé đến Đặng Xuân Thanh								Nghô Bé	Đặng Xuân Thanh			0,250			Bổ sung
24	Nguyễn Thị Hòa Hợp đến Nguyễn Thị Mười								Nguyễn Thị Hòa Hợp	Nguyễn Thị Mười			0,130			Bổ sung
25	Đặng Văn Bồn đến Trần Thanh Phong								Đặng Văn Bồn	Trần Thanh Phong			0,130			Bổ sung
26	Cổng Cây Văn đến Lô đất Nguyễn Văn Long								Cổng Cây Văn	Lô đất Nguyễn Văn Long			0,180			Bổ sung
27	Huỳnh Hiền đến Võ Tuấn								Huỳnh Hiền	Võ Tuấn			0,150			Bổ sung
28	Phạm Thị Hoa đến Phạm Thị Đường								Phạm Thị Hoa	Phạm Thị Đường			0,090			Bổ sung
29	Bê tông Trung Bình đến Lê Công Duy								Bê tông Trung Bình	Lê Công Duy			0,105			Bổ sung
30	Bê tông Trung Nghi đến Nguyễn Thị Liên								Bê tông Trung Nghi	Nguyễn Thị Liên			0,140			Bổ sung
31	Bê tông Trung Thuận đến Nguyễn Xuân Phương								Bê tông Trung Thuận	Nguyễn Xuân Phương			0,025			Bổ sung
32	Tô Đình Trung đến Tô Thị Xuân								Tô Đình Trung	Tô Thị Xuân			0,130			Bổ sung
33	Kênh Mương SK 3 đến Nguyễn Đông								Kênh Mương SK 3	Nguyễn Đông			0,150			Bổ sung
34	Bê tông Trung Thuận đến Đình Thị Liên								Bê tông Trung Thuận	Đình Thị Liên			0,220			Bổ sung
35	ĐT 633 đến Phan Văn Chấn								ĐT 633	Phan Văn Chấn			0,180			Bổ sung
36	Đường Bê tông ông Giáp đến Trịnh Minh Toàn								Đường Bê tông ông Giáp	Trịnh Minh Toàn			0,200			Bổ sung
37	Nguyễn Thị Sứa đến Lê Phê đến Nguyễn Thị Thọ								Nguyễn Thị Sứa	Nguyễn Thị Thọ			0,200			Bổ sung
38	Lê Đình Lại đến Lê Đình Sang								Lê Đình Lại	Lê Đình Sang			0,060			Bổ sung
39	Bê Tông An Tài đến Phạm Thị Thanh								Bê Tông An Tài	Phạm Thị Thanh			0,030			Bổ sung

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
40	Bê Tông An Thắng đến Nguyễn Quang Tín								Bê Tông An Thắng	Nguyễn Quang Tín				0,070		Bổ sung
41	Bê Tông An Trị đến Tô Văn Vui								Bê Tông An Trị	Tô Văn Vui				0,060		Bổ sung
42	Bê Tông An Trị đến Nguyễn An								Bê Tông An Trị	Nguyễn An				0,080		Bổ sung
43	Bê Tông An Trị đến Nguyễn Hữu Khanh								Bê Tông An Trị	Nguyễn Hữu Khanh				0,090		Bổ sung
44	Bê Tông An Chánh đến Phạm Thị Tám đến Phạm Minh Hà								Bê Tông An Chánh	Phạm Minh Hà				0,600		Bổ sung
45	Mai Đình Phụng đến Đường Bê tông Phía Nam xã								Mai Đình Phụng	Đường Bê tông Phía Nam xã				0,115		Bổ sung
46	Đường Bê Tông đến Nguyễn Văn Phúc								Đường Bê Tông	Nguyễn Văn Phúc				0,080		Bổ sung
47	Bê tông Trung Hiệp đến Nhà thờ Họ Hồ								Bê tông Trung Hiệp	Nhà thờ Họ Hồ				0,060		Bổ sung
48	Bê tông Trung Bình đến Nguyễn Ngọc Tấn								Bê tông Trung Bình	Nguyễn Ngọc Tấn				0,045		Bổ sung
49	ĐT 633 đến Nguyễn Thị Thu Phương								ĐT 633	Nguyễn Thị Thu Phương				0,050		Bổ sung
50	Bê Tông An Bình đến Nguyễn Văn Thừa								Bê Tông An Bình	Nguyễn Văn Thừa				0,120		Bổ sung
51	Bê Tông An Bình đến Nguyễn Thị Bích								Bê Tông An Bình	Nguyễn Thị Bích				0,150		Bổ sung
52	Bê Tông An Bình đến Nguyễn Văn Thái								Bê Tông An Bình	Nguyễn Văn Thái				0,130		Bổ sung
53	Bê Tông An Nhon đến Dương Thành Quang								Bê Tông An Nhon	Dương Thành Quang				0,090		Bổ sung
54	Bê Tông An Nhon đến Thái Văn Châu								Bê Tông An Nhon	Thái Văn Châu				0,050		Bổ sung
55	Bê Tông An Tài đến Châu Thị Kế								Bê Tông An Tài	Châu Thị Kế				0,050		Bổ sung
56	Bê Tông An Tài đến Đỗ Ngọc Khải								Bê Tông An Tài	Đỗ Ngọc Khải				0,070		Bổ sung
57	Bê Tông An Chánh đến Phạm Văn Hà								Bê Tông An Chánh	Phạm Văn Hà				0,060		Bổ sung

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
58	Bê Tông An Chánh đến Phạm Văn Khương								Bê Tông An Chánh	Phạm Văn Khương					0,080	Bổ sung
59	Bê Tông An Chánh đến Nguyễn Bá Huyện								Bê Tông An Chánh	Nguyễn Bá Huyện					0,150	Bổ sung
60	Bê Tông An Chánh đến Phạm Thị Tám								Bê Tông An Chánh	Phạm Thị Tám					0,050	Bổ sung
61	Bê Tông An Chánh đến Nguyễn Bá Tùng								Bê Tông An Chánh	Nguyễn Bá Tùng					0,045	Bổ sung
62	Đường Bê tông Phía Nam xã đến Duyên								Đường Bê tông Phía Nam xã	Duyên					0,050	Bổ sung
63	Mai Thị Dung đến Nguyễn Thị Thu								Mai Thị Dung	Nguyễn Thị Thu					0,090	Bổ sung
64	Thái Thanh Tùng đến Nguyễn Văn Thọ								Thái Thanh Tùng	Nguyễn Văn Thọ					0,120	Bổ sung
65	Đường nội bộ Nghĩa trang 1 Cát Minh								Khu mộ Họ Nguyễn	Khu Mộ Họ Lê					0,300	Bổ sung
66	ĐT 639 đến Nguyễn Gạch								ĐT 639	Nguyễn Gạch					0,250	Bổ sung
XV	XÃ CÁT TÀI			0,500	-	0,500	-	-			6,612	-	2,715	2,878	1,019	
1	Tuyến từ ĐT 633(Võ Ngà) đến Ngã Tur(Tuấn)	ĐT 633 (Võ Ngà)	Ngã Tur (Tuấn)			0,500			ĐT 633(Võ Ngà)	Ngã Tur(Tuấn)			0,281			Giảm chiều dài
2	Tuyến: Từ Đường Cạnh tranh nông nghiệp đến nhà ông Nguyễn Đức Hùng								Đường Cạnh tranh nông nghiệp	Nhà ông Nguyễn Đức Hùng			0,065			Bổ sung
3	Tuyến: Từ ĐT 633 đến giáp Cầu sau nhà ông Phan Châu Tuấn								ĐT 633	Cầu sau nhà ông Phan Châu Tuấn			0,180			Bổ sung
4	Tuyến: Từ ĐT 633 đến nhà ông Tánh								ĐT 633	Nhà ông Tánh			0,035			Bổ sung
5	Tuyến: Từ ĐT 633 đến nhà ông Nguyễn Quý								ĐT 633	Nhà ông Nguyễn Quý			0,080			Bổ sung
6	Tuyến: Từ Đường bê tông liên xóm đến nhà ông Nguyễn Bá Cù								Đường Bê tông liên xóm	Nhà ông Nguyễn Bá Cù			0,040			Bổ sung
7	Tuyến: Từ Trục lộ đi Thái Bình đến nhà bà Phạm Thị Vân								Trục lộ đi Thái Bình	Nhà bà Phạm Thị Vân			0,055			Bổ sung
8	Tuyến: Từ Đường BT đi suối Chùa đến nhà ông Huỳnh Văn Yên								Đường BT đi suối Chùa	Nhà ông Huỳnh Văn Yên			0,170			Bổ sung
9	Tuyến: Từ nhà ông Trần Văn Chí đến hết nhà ông Ngô Tùng Cương								Nhà ông Trần Văn Chí	Nhà ông Ngô Tùng Cương			0,100			Bổ sung

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
10	Tuyến: Từ nhà ông Nguyễn Thanh Quang đến nhà ông Nguyễn Phong								Nhà ông Nguyễn Thanh Quang	Nhà ông Nguyễn Phong			0,100			Bổ sung
11	Tuyến: Từ đường Bê tông liên xóm đến nhà ông Lê Liệu								Đường Bê tông liên xóm	Nhà ông Lê Liệu			0,049			Bổ sung
12	Tuyến: Từ Đường ngang đến nhà ông Trần Bình								Đường ngang	Nhà ông Trần Bình			0,030			Bổ sung
13	Tuyến: Từ Đường ngang đến nhà ông Trần Hội								Đường ngang	Nhà ông Trần Hội			0,040			Bổ sung
14	Tuyến: Từ Đường ngang đến nhà ông Tăng Văn Sơn								Đường ngang	Nhà ông Tăng Văn Sơn			0,100			Bổ sung
15	Tuyến: Từ Đường ngang đến nhà ông Trần Văn Hiến								Đường ngang	Nhà ông Trần Văn Hiến			0,090			Bổ sung
16	Tuyến: Từ Ngã tư(Nguyễn Dân) đến giáp Cát Minh								Ngã tư(Nguyễn Dân)	Giáp Cát Minh			1,300			Bổ sung
17	Tuyến: Từ Bê tông vào Hồ Xoài đến nhà ông Nguyễn Xuân Phương								Bê tông vào Hồ Xoài	Nhà ông Nguyễn Xuân Phương			0,052			Bổ sung
18	Tuyến: Từ ĐT 633 đến nhà bà Nguyễn Thị Ngọc Xuân								ĐT 633	Nhà bà Nguyễn Thị Ngọc Xuân			0,050			Bổ sung
19	Tuyến: Từ nhà ông Lê Cao Nguyên đến nhà bà Phạm Thị Thúy								Nhà ông Lê Cao Nguyên	Nhà bà Phạm Thị Thúy			0,050			Bổ sung
20	Tuyến: Từ đường Cạnh tranh nông nghiệp đến nhà ông Nguyễn Văn Tư								Đường Cạnh tranh nông nghiệp	Nhà ông Nguyễn Văn Tư			0,080			Bổ sung
21	Tuyến: Từ Đường bê tông liên xóm đến nhà ông Lê Văn Thuận								Đường Bê tông liên xóm	Nhà ông Lê Văn Thuận			0,040			Bổ sung
22	Tuyến: Từ Đường bê tông liên xóm đến nhà ông Lương Văn Ban								Đường Bê tông liên xóm	Nhà ông Lương Văn Ban			0,035			Bổ sung
23	Tuyến: Từ Tỉnh lộ ĐT 633 đến nhà ông Nguyễn Đình Khá								Tỉnh lộ ĐT 633	Nhà ông Nguyễn Đình Khá			0,040			Bổ sung
24	Tuyến: Từ Đường BT vào đất Gầm vào nhà ông Nam								Đường BT	Nhà ông Nam			0,034			Bổ sung
25	Tuyến: Từ ĐT 633 đến nhà ông Võ Xuân Kiều								ĐT 633	Nhà ông Võ Xuân Kiều			0,032			Bổ sung

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
26	Tuyến: Từ ĐT 633 đến nhà ông Phan Văn Lực								ĐT 633	Nhà ông Phan Văn Lực				0,034		Bổ sung
27	Tuyến Nối tiếp đường Nghĩa địa Gò Tháp								Nối tiếp từ Đất lớn	Trung tâm nghĩa địa				0,320		Bổ sung
28	Tuyến: Từ BT Nghĩa địa đến nhà ông Đinh Tâm								BT Nghĩa địa	Nhà ông Đinh Tâm				0,031		Bổ sung
29	Tuyến: Từ ĐT 633 đến nhà ông Nguyễn Xuân								ĐT 634	Nhà ông Nguyễn Xuân				0,050		Bổ sung
30	Tuyến: Từ Đường BT đi Thái Bình đến nhà ông Nguyễn Văn Ba								Đường BT đi Thái Bình	Nhà ông Nguyễn Văn Ba				0,600		Bổ sung
31	Tuyến: Từ Đường BT đi Thái Bình đến nhà thờ Họ Đặng								Đường BT đi Thái Bình	Nhà thờ Họ Đặng				0,050		Bổ sung
32	Tuyến: Từ Đường Cạnh tranh nông nghiệp đến nhà ông Mai Văn Tý								Đường Cạnh tranh nông nghiệp	Nhà ông Mai Văn Tý				0,070		Bổ sung
33	Tuyến: Từ Ngõ nhà ông Lê Hạnh đến nhà ông Lê Văn Thạch								Ngõ nhà ông Lê Hạnh	Nhà ông Lê Văn Thạch				0,100		Bổ sung
34	Tuyến: Từ Nhà ông Nguyễn Thanh Thân đến nhà ông Nguyễn Hà								Nhà ông Nguyễn Thanh Thân	Nhà ông Nguyễn Hà				0,045		Bổ sung
35	Tuyến: Từ Trục lộ BT đi suối Chùa đến nhà ông Võ Phiến								Trục lộ BT đi suối Chùa	Nhà ông Võ Phiến				0,048		Bổ sung
36	Tuyến: Từ ĐT 633 đến nhà ông Ngô Tùng Vân								ĐT 633	Nhà ông Ngô Tùng Vân				0,050		Bổ sung
37	Tuyến: Từ ĐT 633 đến Xóm 2								ĐT 633	Xóm 2				0,200		Bổ sung
38	Tuyến: Từ Trục lộ đi Thái Bình đến nhà ông Đỗ Tấn Khoa								Trục lộ đi Suối Chùa	Nhà ông Đỗ Tấn Khoa				0,270		Bổ sung
39	Tuyến: Từ đường BT đi Thái Bình đến nhà ông Trần Thiện Thành								Đường BT đi Thái Bình	Nhà ông Trần Thiện Thành				0,070		Bổ sung
40	Tuyến: Từ nhà ông Lê Hoàng Linh đến nhà ông Nguyễn Văn Xuân								Nhà ông Lê Hoàng Linh	Nhà ông Nguyễn Văn Xuân				0,033		Bổ sung
41	Tuyến: Từ Tỉnh lộ 633 đến nhà ông Nguyễn Văn Chát								Tỉnh lộ ĐT 633	Nhà ông Nguyễn Văn Chát				0,050		Bổ sung
42	Tuyến: Từ nhà ông Nguyễn Tim đến nhà ông Lê Văn Tường								Nhà ông Nguyễn Tim	Nhà ông Lê Văn Tường				0,080		Bổ sung

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
43	Tuyến: Từ Bê tông xóm Chùa đến nhà ông Trần Tài								Bê tông xóm Chùa	Nhà ông Trần Tài				0,032		Bổ sung
44	Tuyến: Từ Đường ngang đến nhà ông Trần Minh Khánh								Đường ngang	Nhà ông Trần Minh Khánh				0,030		Bổ sung
45	Tuyến: Từ Đường ngang đến nhà ông Đặng Văn Sơn								Đường ngang	Nhà ông Đặng Văn Sơn				0,100		Bổ sung
46	Tuyến: Từ Đường ngang đến nhà ông Trần Hữu Nhơn								Đường ngang	Nhà ông Trần Hữu Nhơn				0,040		Bổ sung
47	Tuyến: Từ Đường ngang đến nhà ông Nguyễn Công Thích								Đường ngang	Nhà ông Nguyễn Công Thích				0,062		Bổ sung
48	Tuyến: Từ Đường ngang Nguyễn Thanh Bình đến nhà ông Lê Văn Tèo								Đường ngang Nguyễn Thanh Bình	Nhà ông Lê Văn Tèo				0,100		Bổ sung
49	Tuyến: Từ ĐT 633 đến nhà bà Đinh Thị Mộng Ly								ĐT 633	Nhà bà Đinh Thị Mộng Ly				0,155		Bổ sung
50	Tuyến: Từ nhà ông Bùi Quỳnh đến nhà thờ Họ Bùi								Nhà ông Bùi Quỳnh	Nhà thờ Họ Bùi				0,050		Bổ sung
51	Tuyến: Từ BT số 7 đến nhà bà Trần Thị Khánh								BT số 7	Nhà bà Trần Thị Khánh				0,070		Bổ sung
52	Tuyến: Từ Đường BT Xóm 3 đến nhà ông Nguyễn Bá Đeo								Đường BT Xóm 3	Nhà ông Nguyễn Bá Đeo				0,060		Bổ sung
53	Tuyến: Từ Đường Bê tông liên xóm đến nhà ông Hồ Xuân Duyên								Đường Bê tông liên xóm	Nhà ông Hồ Xuân Duyên				0,053		Bổ sung
54	Tuyến: Từ Đường Cạnh tranh nông nghiệp đến nhà ông Nguyễn Công Khanh								Đường Cạnh tranh nông nghiệp	Nhà ông Nguyễn Công Khanh				0,040		Bổ sung
55	Tuyến: Từ Cầu Hưng đến nhà ông Nguyễn Văn Phát								Cầu Hưng	Nhà ông Nguyễn Văn Phát				0,035		Bổ sung
56	Tuyến: Từ Đường bê tông liên xóm đến nhà bà Trần Thị Tầm								Đường Bê tông liên xóm	Nhà bà Trần Thị Tầm				0,040		Bổ sung
57	Tuyến: Từ Kênh SK3 đến nhà ông Nguyễn Văn Long								Kênh SK3	Nhà ông Nguyễn Văn Long				0,080		Bổ sung

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
58	Tuyến: Từ đường bê tông đến ông Nguyễn Văn Tân								Đường Bê tông	Nhà ông Nguyễn Văn Tân					0,056	Bổ sung
59	Tuyến: Từ Đường bê tông đến nhà ông Nguyễn Văn Hồ								Đường bê tông	Nhà ông Nguyễn Văn Hồ					0,030	Bổ sung
60	Tuyến: Từ nhà bà Nguyễn Thị Hân đến nhà ông Nguyễn Bá Lân								Nhà bà Nguyễn Thị Hân	Nhà ông Nguyễn Bá Lân					0,090	Bổ sung
61	Tuyến: Từ Bê tông đi Thái Bình đến nhà ông Tô Văn Định								Bê tông đi Thái Bình	Nhà ông Tô Văn Định					0,040	Bổ sung
62	Tuyến: Từ Đường ngang đến nhà ông Trần Đức								Đường ngang	Nhà ông Trần Đức					0,070	Bổ sung
63	Tuyến: Từ Đường ngang đến nhà ông Trần Văn Hiếu								Đường ngang	Nhà ông Trần Văn Hiếu					0,150	Bổ sung
XVI	THỊ TRẤN NGÔ MÂY			1,193	-	1,057	0,136	-			2,190	1,132	0,744	0,314	-	
1	Bê tông xi măng GTNT thị trấn Ngô Mây; Tuyến: Nhà ông Thuận đến nhà ông Phụng	Nhà ông Thuận	Nhà ông Phụng			0,167			Nhà ông Thuận	Nhà ông Phụng				0,130		Giảm chiều dài và chuyển từ B sang C
2	Bê tông xi măng GTNT thị trấn Ngô Mây; Tuyến: nhà ông Sơn đến Karaoke RuBic	Nhà ông Sơn	Karaoke RuBic			0,210			Nhà ông Sơn	Karaoke RuBic			0,207			Giảm chiều dài
3	Bê tông xi măng GTNT thị trấn Ngô Mây; Tuyến : nhà ông Hào đến biên Cát Trinh	Sau nhà ông Hào	Biên Cát Trinh			0,130			Sau nhà ông Hào	Biên Cát Trinh			0,172			Tăng chiều dài
4	Bê tông xi măng GTNT thị trấn Ngô Mây; Tuyến: nhà bà Liên đến đường QHDC	Sau nhà bà Liên	Đường QHDC			0,195			Sau nhà bà Liên	Đường QHDC			0,245			Tăng chiều dài
5	Bê tông xi măng GTNT thị trấn Ngô Mây; Tuyến: nhà ông Năm đến nhà bà Qua	Nhà ông Năm	Nhà bà Qua			0,185							-			Không thực hiện
6	Bê tông xi măng GTNT thị trấn Ngô Mây; Tuyến : nhà ông Hợp đến Gò Lầm	Nhà ông Hợp	lầm(nhà ông Lầm)			0,170							-			Không thực hiện
7	Bê tông xi măng GTNT thị trấn Ngô Mây; Tuyến: Nhà ông Côn đến Nhà ông Phước	Nhà ông Côn	Nhà ông Phước				0,070		Nhà ông Côn	Nhà ông Phước				0,076		Tăng chiều dài
8	Bê tông xi măng GTNT thị trấn Ngô Mây; Tuyến: Nhà bà Dung đến nhà ông Yên	Nhà bà Dung	Nhà ông Yên				0,066		Nhà bà Dung	Nhà ông Yên				0,068		Tăng chiều dài
9	Bê tông xi măng GTNT thị trấn Ngô Mây; Tuyến:Nhà bà Duyên đến nhà bà Trung								Nhà bà Duyên	nhà bà Trung				0,040		Bổ sung

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
10	Bê tông xi măng GTNT thị trấn Ngô Mây; Tuyến: Nhà ông Hùng đến nhà bà Thanh								Nhà ông Hùng	nhà bà Thanh			0,080			Bổ sung
11	Bê tông xi măng GTNT thị trấn Ngô Mây; Tuyến: Nhà ông Khánh đến nhà ông Luyện								Nhà ông Khánh	nhà ông Luyện			0,040			Bổ sung
12	Bê tông xi măng GTNT thị trấn Ngô Mây; Tuyến: Nhà ông Trung đến nhà ông Tuấn								Nhà ông Trung	nhà ông Tuấn		0,280				Bổ sung
13	Bê tông xi măng GTNT thị trấn Ngô Mây; Tuyến: Nhà ông Toàn đến Nhà ông Tiến								Nhà ông Toàn	Nhà ông Tiến		0,159				Bổ sung
14	Bê tông xi măng GTNT thị trấn Ngô Mây; Tuyến: Đất bà Dung đến nhà Bà Tám								Đất bà Dung	nhà Bà Tám		0,450				Bổ sung
15	Bê tông xi măng GTNT thị trấn Ngô Mây; Tuyến: Sau nhà bà Hồng đến nhà ông Bốn đến dưới đường sắt								Sau nhà bà Hồng-ông Bốn	dưới đường sắt		0,243				Bổ sung
XVI XÃ CÁT CHÁNH																
1	Đường BTXM GTNT Vân Triêm			-	-	-	-	-			3,565	0,125	0,265	0,370	2,805	
2	Đường BTXM GTNT Vân Triêm								Nhà ông Cư	Nhà ông Thất					0,230	Bổ sung
3	Đường BTXM GTNT Vân Triêm								Nhà ông Lữ	Nhà ông Tám					0,090	Bổ sung
4	Đường BTXM GTNT Chánh Định								Nhà ông Công	Nhà ông Công				0,115		Bổ sung
5	Đường BTXM GTNT Chánh Định								Nhà ông Thời	Nhà ông Trung					0,050	Bổ sung
6	Đường BTXM GTNT Chánh Định								Bê tông Đê	Nhà ông Bình					0,035	Bổ sung
7	Đường BTXM GTNT Chánh Định								Nhà bà Hoa	Nhà bà Hạnh					0,050	Bổ sung
8	Đường BTXM GTNT Chánh Định								Nhà ông Anh	Nhà bà Hạnh				0,090		Bổ sung
9	Đường BTXM GTNT Chánh Định								Nhà ông Thiết	Nhà ông Thiết					0,055	Bổ sung
10	Đường BTXM GTNT Chánh Hữu								Nhà ông Sáu	Nhà ông Sáu					0,620	Bổ sung
11	Đường BTXM GTNT Chánh Hữu								Cầu ông Sáu	Nhà ông Sơn					0,170	Bổ sung
12	Đường BTXM GTNT Chánh Hữu								Nhà ông Lai	Nhà ông Bàn					0,040	Bổ sung
13	Đường BTXM GTNT Chánh Hữu								Nhà ông Hải	Nhà ông Tiên					0,070	Bổ sung
14	Đường BTXM GTNT Chánh Hữu								Đường Bê Tông	Cuối trục 4					0,370	Bổ sung
15	Đường BTXM GTNT Chánh Hội								Đường Bê Tông	Cuối trục 5					0,400	Bổ sung
16	Đường BTXM GTNT Chánh Hội								Nhà ông Thâu	Nhà ông Dũng					0,075	Bổ sung
17	Đường BTXM GTNT Chánh Hội								Nhà bà Luôn	Nhà ông Trí					0,090	Bổ sung
18	Đường BTXM GTNT Chánh Hội								Nhà ông Hải	Nhà ông Hiền					0,240	Bổ sung
19	Đường BTXM GTNT Chánh Hội								Nhà ông Đa	Nhà ông Ánh					0,035	Bổ sung
20	Đường BTXM GTNT Chánh Hội								Nhà ông Cường	Nhà ông Xuân				0,045		Bổ sung
									Nhà ông Anh	Nhà ông Dũng				0,060		Bổ sung

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi ch
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
21	Đường BTXM GTNT Chánh Hội															
22	Đường BTXM GTNT Chánh Hội								Nhà ông Tại	Nhà ông Sơn			0,145			Bổ sung
23	Đường BTXM GTNT Chánh Hội								Nhà bà uyết	Nhà 9 Ngọ				0,060		Bổ sung
24	Đường BTXM GTNT khu Dân cư năm 2018								Nhà bà Hà	Nhà bà Hoa					0,055	Bổ sung
25	Đường BTXM GTNT khu Dân cư năm 2019								Lô số 01	Lô số 20					0,130	Bổ sung
26	Đường BTXM GTNT khu Dân cư năm 2020								Lô số 21	Lô số 39		0,125				Bổ sung
TỔNG CỘNG				15,760	-	7,517	4,073	4,170	Cầu 6 Hải	Nhà ông Minh			0,120			Bổ sung
											70,191	1,257	27,272	25,563	16,099	

74

CÁC DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG THUỐC LÁ HOẠCH BÊ TÔNG HOÁ ĐƯỜNG GTNT NĂM 2019 - HUYỆN VÂN CANH

(Kèm theo Quyết định số 388/QĐ-UBND ngày 05/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 388/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh								Điều chỉnh, bổ sung						Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
I	XÃ CANH VINH			0,650	0,500	0,150	-	-			0,530	0,446	0,084	-	-	
1	Tuyến 1	Quốc lộ 19C	Dinh Bà Bá		0,500				Quốc lộ 19C	Dinh Bà Bá		0,446				Giảm chiều dài
2	Tuyến 2	Ngõ Cung	Đường tàu hỏa			0,150			Ngõ Cung	Đường tàu hỏa			0,084			Giảm chiều dài
II	XÃ CANH HIỂN			1,500	-	1,500	-	-			1,676	-	1,676	-	-	
1	Tuyến 1	Xoài Dù	Nhà 6 Thanh			0,600			Xoài Dù	Nhà 6 Thanh			0,426			Giảm chiều dài
2	Tuyến 2	Vườn mít	Nghĩa địa			0,900			Vườn mít	Nghĩa địa			0,920			Tăng chiều dài
3	Tuyến 3								Nhà ông Chấn	Gò Bộng			0,330			Bổ sung
III	XÃ CANH THUẬN			1,650	-	1,650	-	-			2,097	-	2,097	-	-	
1	Tuyến 1	Làng Hà Văn Dưới	Nhà văn hóa làng Hà Văn Dưới			0,250			Làng Hà Văn Dưới	Nhà văn hóa làng Hà Văn Dưới			0,248			Giảm chiều dài
2	Tuyến 2	Đường liên xã	Đất ông Thọ			0,500			Đường liên xã	Đất ông Thọ			0,416			Giảm chiều dài
3	Tuyến 3	Đường liên xã	Canh Lãnh (Canh Hòa)			0,900			Đường liên xã	Canh Lãnh (Canh Hòa)			0,913			Tăng chiều dài
4	Tuyến 4								Nối tiếp tuyến đường BTXM tuyến từ				0,520			Bổ sung
IV	XÃ CANH HOÀ			1,000	-	1,000	-	-			0,554	-	0,554	-	-	
1	Tuyến 1	Đường BTXM Suối Ồi, Bà Sẻ,				1,000			Đường BTXM Suối Ồi, Bà Sẻ, Rổ Rằm				0,119			Giảm chiều dài
2	Tuyến 2								QL 19C	Nghĩa địa làng Canh Phước			0,435			Bổ sung
V	XÃ CANH LIÊN			0,600	-	0,600	-	-			0,631	-	0,631	-	-	
1	Tuyến 1	Xây dựng đường BTXM nội bộ làng Kà Nâu				0,600			Xây dựng BTXM nội bộ làng Kà Nâu				0,631			Điều chỉnh danh mục và tăng chiều dài
VI	THỊ TRẤN VÂN			1,586	-	1,586	-	-			0,711	-	0,711	-	-	
1	Tuyến 1	Nhà ông Khương	Nhà văn hóa thôn 2			0,120			Nhà ông Khương	Nhà văn hóa thôn 2			-			Không thực hiện
2	Tuyến 2	Nhà bà Hiếu	Nhà ông Minh			0,270			Nhà bà Hiếu	Nhà ông Minh			-			Không thực hiện
3	Tuyến 3	Đường vào Hồ Suối Đuốc	Nhà ông Phím			0,300			Đường vào Hồ Suối Đuốc	Nhà ông Phím			-			Không thực hiện
4	Tuyến 4	BTXM khu dân cư làng Hiệp Hà				0,896			BTXM khu dân cư làng Hiệp Hà				0,711			Giảm chiều dài
TỔNG CỘNG				6,986	0,500	6,486	-	-			6,199	0,446	5,753	-	-	

CÁC DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG THẠCH KẾ HOẠCH BÊ TÔNG HOÁ ĐƯỜNG GTNT NĂM 2019 - HUYỆN PHÙ MỸ

(Kèm theo Quyết định số 331/QĐ-UBND ngày 05/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 331/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
I	XÃ MỸ TÀI			-	-	-	-	-			10,969	-	0,585	8,907	1,477	
	Thôn Vĩnh Lý															
1	Tuyến từ BT Liên thôn đi Ngõ Chèo Vĩnh Lý								BT Liên thôn	Ngõ Chèo				0,040		Bổ sung
2	Tuyến từ Ngõ Anh Tuấn đi ngõ Tân Vĩnh Lý								Ngõ Anh Tuấn	Ngõ Tân				0,175		Bổ sung
3	Tuyến từ ngã 3 năm sụ đi Ngõ Bộ Hiệp Vĩnh Lý								Ngã 3 năm Sụ	Ngõ Bộ Hiệp				0,185		Bổ sung
4	Tuyến từ Ngõ Thuận đi Ngõ Lưu Thành Vĩnh Lý								Ngõ Thuận	Ngõ Lưu Thành					0,085	Bổ sung
5	Tuyến từ Ngõ Tuấn đi Ngõ Thìn Vĩnh Lý								Ngõ Tuấn	Ngõ Thìn					0,090	Bổ sung
6	Tuyến từ Ngõ Trâm đi Ngõ Lộc Vĩnh Lý								Ngõ Trâm	Ngõ Lộc					0,035	Bổ sung
7	Tuyến từ Ngõ Thành đi Ngõ Lợi Vĩnh Lý								Ngõ Thành	Ngõ Lợi				0,055		Bổ sung
8	Tuyến từ Ngõ Sơn đi Ngõ Quyền ngõ Quảng Vĩnh Lý								Ngõ Sơn	Ngõ Quyền				0,040		Bổ sung
9	Tuyến từ ngã 3 Cây sung đi Ngõ Trần Hồng Vĩnh Lý								Ngã 3 Cây sung	Ngõ Trần Hồng				0,024		Bổ sung
	Thôn Vạn Ninh 2															Bổ sung
10	Tuyến từ Ngõ Khiêm đi Ngõ Phương Vạn Ninh 2								Ngõ Khiêm	Ngõ Phương				0,056		Bổ sung
11	Tuyến từ Ngõ Thệ đi ngã 3 bến Dấu Vạn Ninh 2								Ngõ Thệ	Ngã 3 bến Dấu				0,180		Bổ sung
12	Tuyến từ Ngõ 3 Hân đi Ngõ Hoàng Vạn Ninh 2								Ngõ 3 Hân	Ngõ Hoàng				0,075		Bổ sung
13	Tuyến từ giáp đường đê sông đi Ngõ Chương Vạn Ninh 2								Đường đê sông	Ngõ Chương				0,052		Bổ sung
14	Tuyến từ ngã 3 Gò Bồi đi Ngõ Kỳ Vạn Ninh 2								Ngã 3 Gò Bồi	Ngõ Kỳ				0,210		Bổ sung
15	Tuyến từ Ngõ Nhung đi Giáp đường Bàu Mật Vạn Ninh 2								Ngõ Nhung	Bàu Mật				0,438		Bổ sung

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
16	Tuyến từ Ngõ Tuấn Hoa đi Ngõ Thọ Vạn Ninh 2								Ngõ Tuấn Hoa	Ngõ Thọ				0,082		Bổ sung
17	Tuyến từ Ngõ Trúc đi Ngõ Lâm Vạn Ninh 2								Ngõ Trúc	Ngõ Lâm				0,086		Bổ sung
18	Tuyến từ Ngõ Thành Được đi Ngõ Kiểm Vạn Ninh 2								Ngõ Thành Được	Ngõ Kiểm				0,022		Bổ sung
19	Tuyến từ Ngõ 4 Khâu đi Ngõ Như Thuận Vạn Ninh 2								Ngõ 4 Khâu	Ngõ Như Thuận				0,070		Bổ sung
20	Tuyến từ Ngõ 4 Phái đi Ngõ Nhựt Vạn Ninh 2								Ngõ 4 Phái	Ngõ Nhựt				0,054		Bổ sung
21	Tuyến từ Ngõ Vinh đi Ngõ Ân Vạn Ninh 2								Ngõ Vinh	Ngõ Ân				0,101		Bổ sung
22	Tuyến từ Ngõ 4 Khâu đi Ngõ Tuấn Vạn Ninh 2								Ngõ 4 Khâu	Ngõ Tuấn				0,030		Bổ sung
23	Tuyến từ Ngõ 3 Tâm đi Ngõ Phạm Thị Nhi Vạn Ninh 2								Ngõ 3 Tâm	Ngõ Nhi				0,130		Bổ sung
24	Tuyến giáp BT La Tinh đi Ngõ Đắc Vạn Ninh 2								BT La Tinh	Ngõ Đắc				0,099		Bổ sung
25	Tuyến Ngõ 3 Đệ đi Ngõ Tuấn Thanh Vạn Ninh 2								Ngõ 3 Đệ	Ngõ Tuấn Thanh				0,200		Bổ sung
26	Tuyến từ Ngõ Nhi đi Ngõ Nữ Vạn Ninh 2								Ngõ Nhi	Ngõ Nữ				0,060		Bổ sung
27	Tuyến từ Ngõ Sen đi Ngõ Hòa Vạn Ninh 2								Ngõ Sen	Ngõ Hòa				0,060		Bổ sung
	Thôn Vạn Thái															
28	Tuyến từ Ngõ Cảnh đi Ngõ Long Vạn Thái								Ngõ Cảnh	Ngõ Long				0,195		Bổ sung
29	Tuyến từ Ngõ Hùng đi Ngõ Quý Vạn Thái								Ngõ Hùng	Ngõ Quý				0,098		Bổ sung
30	Tuyến từ sau Phạm Thích đi Ngõ Hiệp Vạn Thái								Sau Phạm Thích	Ngõ Hiệp				0,180		Bổ sung
31	Tuyến từ Ngã 3 Thôn đi Ngõ Hồ Nam Vạn Thái								Ngã 3 Thôn	Ngõ Hồ Nam				0,070		Bổ sung
32	Tuyến từ giáp BT Thôn đi Ngõ Lê Lợi Vạn Thái								Giáp BT Thôn	Ngõ Lê Lợi					0,027	Bổ sung
33	Tuyến từ Ngõ Cường đi Ngõ Nam Vạn Thái								Ngõ Cường	Ngõ Nam					0,065	Bổ sung
34	Tuyến từ Ngõ Từ đi Ngõ Cường Vạn Thái								Ngõ Từ	Ngõ Cường				0,060		Bổ sung
35	Tuyến từ Nhà thờ họ Phan đi Ngõ Thích Vạn Thái								Nhà thờ Họ Phan	Ngõ Thích			0,100			Bổ sung
36	Tuyến từ Ngõ Lân đi Ngõ Cẩn Vạn Thái								Ngõ Lân	Ngõ Cẩn				0,140		Bổ sung
	Thôn Mỹ Hội 1															

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
37	Tuyến từ Ngõ Chương đi Ngõ Hưng Mỹ Hội 1								Ngõ Chương	Ngõ Hưng				0,100		Bổ sung
38	Tuyến giáp BT Mỹ Chánh đi Ngõ Hà Văn Ba Mỹ Hội 1								BT Mỹ Chánh	Ngõ Hà Văn Ba				0,280		Bổ sung
39	Tuyến giáp BT Mỹ Chánh đi Ngõ Thạo Mỹ Hội 1								BT Mỹ Chánh	Ngõ Thạo				0,025		Bổ sung
	Thôn Vĩnh Phú 3															
40	Tuyến giáp BT Gò Bông đi Ngõ Cảnh Vĩnh Phú 3								BT Gò Bông	Ngõ Cảnh				0,033		Bổ sung
41	Tuyến từ Ngõ Lãnh đi Ngõ Đặng Văn Tấn Vĩnh Phú 3								Ngõ Lãnh	Ngõ Đặng Văn Tấn				0,210		Bổ sung
42	Tuyến từ Ngõ Lâm đi Ngõ Tín Vĩnh Phú 3								Ngõ Lâm	Ngõ Tín				0,180		Bổ sung
43	Tuyến từ Ngã 3 gò má Rong đi Ngõ Phúc Vĩnh Phú 3								Ngã 3 gò má Rong	Ngõ Phúc				0,200		Bổ sung
44	Tuyến từ Ngõ Thanh Đào đi Ngõ 2 Kha Vĩnh Phú 3								Ngõ Thanh Đào	Ngõ 2 Kha				0,025		Bổ sung
	Thôn Vĩnh Phú 8															
45	Tuyến từ ngã 3 BT xóm đi Ngõ Xuân Vĩnh Phú 8								Ngã 3 BT xóm	Ngõ Xuân				0,040		Bổ sung
46	Tuyến từ Ngõ Ứng đi Ngõ Quỳnh Vĩnh Phú 8								Ngõ Ứng	Ngõ Quỳnh				0,040		Bổ sung
47	Tuyến từ Ngõ Quỳnh đi Ngõ Sơn Vĩnh Phú 8								Ngõ Quỳnh	Ngõ Sơn				0,021		Bổ sung
	Thôn Vĩnh Nhon															
48	Tuyến từ Ngõ Trần Phú đi Ngõ Đế Vĩnh Nhon								Ngõ Trần Phú	Ngõ Đế				0,196		Bổ sung
49	Tuyến từ Ngõ Thoại đi Ngõ Nga Vĩnh Nhon								Ngõ Thoại	Ngõ Nga				0,050		Bổ sung
50	Tuyến giáp BT Thôn đi Ngõ Lê Vĩnh Nhon								BT Thôn	Ngõ Lê				0,070		Bổ sung
51	Tuyến từ Ngõ Tiên đi Ngõ Minh Vĩnh Nhon								Ngõ Phú	Ngõ Minh				0,030		Bổ sung
52	Tuyến giáp BT Thôn đi Ngõ Tiên Vĩnh Nhon								BT Thôn	Ngõ Tiên				0,037		Bổ sung
53	Tuyến giáp đường BT Thôn đi Ngõ Mạo Vĩnh Nhon								BT Thôn	Ngõ Mạo				0,025		Bổ sung
54	Tuyến giáp đường BT Thôn đi Ngõ Thoan Vĩnh Nhon								BT Thôn	Ngõ Thoan				0,100		Bổ sung

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi ch
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
55	Tuyến từ Ngõ Thái Hoàng đi Ngõ Nga Vĩnh Nhơn								Ngõ Thái Hoàng	Ngõ Nga				0,200		Bổ sung
56	Tuyến từ Cổng trường đi Ngõ 3 Kiệt Vĩnh Nhơn								Cổng trường	Ngõ 3 Kiệt				0,078		Bổ sung
57	Tuyến từ Cổng làng Văn Hóa đi Ngõ Đặng Ba Vĩnh Nhơn								Cổng làng Văn Hóa	Ngõ Đặng Ba				0,850		Bổ sung
	Thôn Mỹ Hội 3															Bổ sung
58	Tuyến từ Ngõ Bà Lang đi Ngõ Phi Thăng Mỹ Hội 3								Ngõ Bà Lang	Ngõ Phi Thăng				0,150		Bổ sung
59	Tuyến từ cầu hồ đội 5 đi Ngõ 4 Hùy Mỹ Hội 3								Cầu hồ đội 5	Ngõ 4 Hùy					0,275	Bổ sung
60	Tuyến từ Ngõ 5 Khóa đi Ngõ Thệ Mỹ Hội 3								Ngõ 5 Khóa	Ngõ Phê					0,070	Bổ sung
61	Tuyến từ Ngõ 5 Thiệp đi Ngõ Thịnh Mỹ Hội 3								Ngõ 5 Thiệp	Ngõ Thịnh					0,100	Bổ sung
62	Tuyến từ Ngõ Tuyết đi Ngõ Thệ Mỹ Hội 3								Ngõ Tuyết	Ngõ Thệ					0,080	Bổ sung
63	Tuyến từ Ngõ Linh đi Ngõ Khanh Mỹ Hội 3								Ngõ Linh	Ngõ Khanh					0,050	Bổ sung
64	Tuyến giáp BT Ngõ Đến đi Ngõ Nở Mỹ Hội 3								BT Ngõ Đến	Ngõ Nở					0,060	Bổ sung
	Thôn Kiên Phú															Bổ sung
65	Tuyến từ Ngõ Xuân Ba đi Ngõ Hưng Kiên Phú								Ngõ Xuân Ba	Ngõ Hưng				0,100		Bổ sung
66	Tuyến từ Ngõ Vinh đi Ngõ Học Kiên Phú								Ngõ Vinh	Ngõ Học				0,100		Bổ sung
67	Tuyến giáp đường nhà Đá An Lương đi Ngõ Đặng Văn Bảy Kiên Phú								Đường Nhà Đá An Lương	Ngõ Đặng Văn Bảy				0,100		Bổ sung
68	Tuyến giáp đường nhà Đá An Lương đi Nhà Thờ Họ Hồ Kiên Phú								Đường Nhà Đá An Lương	Nhà Thờ Họ Hồ				0,070		Bổ sung
69	Tuyến giáp đường nhà Đá An Lương đi Ngõ Thuận Kiên Phú								Đường Nhà Đá An Lương	Ngõ Thuận				0,040		Bổ sung
	Thôn Vĩnh Phú 7															Bổ sung
70	Tuyến từ Ngõ Cầu đi Ngõ Hòa Vĩnh Phú 7								Ngõ Cầu	Ngõ Hòa				0,330		Bổ sung
	Thôn Mỹ Hội 2															Bổ sung
71	Tuyến từ Ngõ Tỉnh đi Suối Đám Dong Mỹ Hội 2								Ngõ Tỉnh	Suối Đám Dong				0,500		Bổ sung
72	Tuyến từ Ngõ Chá đi Xóm Chùa Mỹ Hội 2								Ngõ Chá	Xóm Chùa				0,560		Bổ sung
73	Tuyến từ Ngõ Nghiêm đi Ngõ Tỉnh Mỹ Hội 2								Ngõ Nghiêm	Ngõ Tỉnh					0,220	Bổ sung

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
74	Tuyến từ Ngã 3 Cây Kêu đi Ngõ Nguyên Mỹ Hội 2								Ngã 3 Cây Kêu	Ngõ Nguyên				0,060		Bổ sung
75	Tuyến từ Ngõ 9 Bình đi Ngõ Xin Mỹ Hội 2								Ngõ 9 Bình	Ngõ Xin					0,050	Bổ sung
76	Tuyến từ Ngõ Khao đi Ao Lễ Mỹ Hội 2								Ngõ Khao	Ao Lễ				0,110		Bổ sung
77	Tuyến từ Ngõ 10 Thiết đi Ngõ Bà Lang Mỹ Hội 2								Ngõ 10 Thiết	Ngõ Bà Thoan				0,050		Bổ sung
78	Tuyến từ Ngõ Thanh đi Ngõ Thiên Mỹ Hội 2								Ngõ Thanh	Ngõ Thiên					0,160	Bổ sung
79	Tuyến từ Ngõ Trúc đi Ngõ Dựng Mỹ Hội 2								Ngõ Trúc	Ngõ Dựng					0,110	Bổ sung
80	Tuyến từ giếng công cộng đi ngõ Cảnh Mỹ Hội 2								Giếng công cộng	Ngõ Cảnh				0,030		Bổ sung
81	Tuyến từ Ngõ Kính đi Ngõ Ban Mỹ Hội 2								Ngõ Kính	Ngõ Ban				0,035		Bổ sung
82	Tuyến từ Ngõ Hữu đi Ngõ Thám Mỹ Hội 2								Ngõ Hữu	Ngõ Thám				0,060		Bổ sung
	Thôn Vạn Ninh 1															
83	Tuyến từ Ngõ Trung đi giáp ruộng Bàu sen Vạn Ninh 1								Ngõ Trung	Giáp ruộng Bàu Sen				0,200		Bổ sung
84	Tuyến giáp đường BT Liên Xã đi Ngõ Phú Vạn Ninh 1								BT Liên Xã	Ngõ Phú				0,030		Bổ sung
85	Tuyến giáp đường BT Liên Xã đi Ngõ bà Mạo Vạn Ninh 1								BT Liên Xã	Ngõ bà Mạo				0,025		Bổ sung
86	Đường ngõ 5 Luận đi ngõ thầy Quang thôn Vĩnh Nhon								Ngõ 5 luận	Ngõ Thầy Quang			0,485			Bổ sung
87	Tuyến giáp đường BT Liên Xã đi Ngõ Chấn Vạn Ninh 1								BT Liên Xã	Ngõ Chấn				0,040		Bổ sung
88	Nhà văn hóa Mỹ Hội 1 - đi ngõ 6 Bình								NVH Mỹ Hội 1	ngõ 6 Bình				0,260		Bổ sung
II	XÃ MỸ ĐỨC			-	-	-	-	-			-	-	-	-	-	
III	XÃ MỸ LỘC			-	-	-	-	-			-	-	-	-	-	
IV	XÃ MỸ THẮNG			-	-	-	-	-			-	-	-	-	-	
V	XÃ MỸ CÁT			4,900	4,900	-	-	-			4,763	4,763	-	-	-	
1	Tuyến đường BTXM từ cống vuông đến cầu bờ Mun	Cống vuông	Cầu bờ Mun		4,900											Không thực hiện
2	Tuyến đường BTXM từ cống vuông đến cầu Đạo Long								Cống vuông	Cầu Đạo Long		2,063				Bổ sung

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
3	Tuyến đường BTXM từ cầu Đạo Long đến cầu Bờ Mun								Cầu Đạo Long	Cầu bờ Mun		2,700				Bổ sung
VI	XÃ MỸ CHÂU			4,160	-	3,100	1,000	0,060			5,050	-	2,500	2,300	0,250	
	Thôn: Lộc Thái															
1	BTXM tuyến từ Quốc lộ 1A đến nhà ông Thôn	Quốc lộ 1A	Nhà ông Thôn				0,900							0,600		Giảm chiều dài
2	BTXM tuyến từ Quốc lộ 1A đến kho đội 4	Quốc lộ 1A	Kho đội 4			1,500							1,200			Giảm chiều dài
	Thôn: Mỹ Trang															
3	BTXM tuyến từ nhà ông Quang đến nhà ông Tân	Nhà ông Quang	Nhà ông Tân					0,060								Không thực hiện
4	BTXM tuyến từ Ao cóc đến nhà ông Hòa	Ao cóc	Nhà ông Hòa				0,050								-	Không thực hiện
5	BTXM tuyến từ Ao cóc đến nhà ông Quon	Ao cóc	Nhà ông Quon				0,050								-	Không thực hiện
	Thôn: Quang Nghiễm															
6	BTXM tuyến từ chạn cây me đến nhà ông Huyền	Chạn cây me	Nhà ông Huyền			1,600							1,300			Giảm chiều dài
7	Tuyến nhà ông Hòa đến nhà ông Quon								Nhà ông Hòa	Nhà Quon				0,150		Bổ sung
8	Nhà ông Thành giáp Vạn Lương								Nhà ông Thành	Giáp Vạn Lương					0,150	Bổ sung
9	Nhà Mai Quyền đến nhà 2 Chương								Nhà Mai Quyền	Nhà 2 Chương					0,100	Bổ sung
10	Nhà bà Mùi giáp đường liên thôn								Nhà bà Mùi	Đường liên thôn				0,300		Bổ sung
11	Nhà ông Kỳ giáp đập ông Cang								Nhà ông Kỳ	Đập ông Cang				0,200		Bổ sung
12	Nhà ông Phu đến nhà bà Đại								Nhà ông Phu	Nhà bà Đại				0,500		Bổ sung
13	Nhà ông Danh đến nhà ông Tùng								Nhà ông Danh	Nhà ông Tùng				0,550		Bổ sung
VII	XÃ MỸ THO			-	-	-	-	-			15,280	-	1,243	1,899	12,138	
1	Tuyến đường từ nhà ông Sinh đến nhà bà Châu														0,175	Bổ sung
2	Tuyến đường từ đường bê tông đến nhà ông Định														0,050	Bổ sung

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
3	Tuyến đường từ đường bê tông đến nhà ông Dũng															
4	Tuyến đường từ nhà ông Tư đến nhà ông Bê														0,063	Bổ sung
5	Tuyến đường từ nhà ông Hời đến nhà ông Tới														0,115	Bổ sung
6	Tuyến đường từ Cống giới đến nhà ông Thanh														0,112	Bổ sung
7	Tuyến đường từ nhà ông Thảo đến nhà ông Lượng														0,080	Bổ sung
8	Tuyến đường từ nhà ông Tâm đến nhà ông Tùng														0,050	Bổ sung
9	Tuyến đường từ nhà ông Thuận đến nhà ông út														0,100	Bổ sung
10	Tuyến đường từ nhà ông Lý đến nhà ông Cách													0,070		Bổ sung
11	Tuyến đường từ nhà ông Bình đến nhà ông Phụng														0,238	Bổ sung
	Thôn Chánh Đạo														0,085	Bổ sung
12	Tuyến đường từ nhà ông Văn đến nhà ông Trú														0,090	Bổ sung
13	Tuyến đường từ nhà ông Văn đến nhà ông Trú														0,087	Bổ sung
14	Tuyến đường từ nhà ông giới đến nhà ông Trúc														0,066	Bổ sung
15	Tuyến đường từ ngã 3 Hè kéo đến nhà bà Long														0,347	Bổ sung
16	Tuyến đường từ ao Mới đến nhà ông Lực														0,228	Bổ sung
17	Tuyến đường từ ao Mới đến nhà ông Lực														0,421	Bổ sung
18	Tuyến đường từ nhà ông Thiêng đến nhà bà Phàn														0,070	Bổ sung
19	Tuyến đường từ nhà ông Lãm đến nhà ông Ngọc														0,283	Bổ sung
	Thôn Chánh Trạch 2															Bổ sung
20	Tuyến đường từ nhà ông Nhất đến nhà ông Đức														0,065	Bổ sung

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
21	Tuyến đường từ nhà ông Thoàn đến nhà ông Trí															
22	Tuyến đường từ nhà ông Toàn đến nhà ông Đông														0,085	Bổ sung
23	Tuyến đường từ nhà ông Bình đến nhà ông Điện														0,196	Bổ sung
24	Tuyến đường từ nhà ông Linh đến nhà ông Kế														0,158	Bổ sung
25	Tuyến đường từ nhà ông Lộc đến nhà ông Kinh														0,070	Bổ sung
26	Tuyến đường từ nhà ông Thao đến nhà ông Thanh														0,268	Bổ sung
27	Tuyến đường từ nhà ông Vinh đến nhà ông Thanh													0,100		Bổ sung
28	Tuyến đường từ nhà ông Hạ đến nhà ông Hoàng														0,077	Bổ sung
29	Tuyến đường từ nhà ông Tánh đến nhà ông Dân														0,162	Bổ sung
30	Tuyến đường từ nhà ông Việt đến nhà ông Hương														0,249	Bổ sung
31	Tuyến đường từ nhà ông Sỹ đến nhà ông Sơn														0,205	Bổ sung
32	Tuyến đường từ nhà ông Sỹ đến nhà ông Hoàng													0,070		Bổ sung
33	Tuyến đường từ nhà ông Xá đến nhà ông Minh														0,093	Bổ sung
34	Tuyến đường từ đường bê tông đến nhà ông Phước														0,060	Bổ sung
35	Tuyến đường từ nhà ông Sáu đến nhà ông Thơ														0,090	Bổ sung
36	Tuyến đường từ nhà ông Biểu đến nhà ông Chớ														0,060	Bổ sung
37	Tuyến đường từ đường bê tông đến nhà ông Vân														0,150	Bổ sung
	Thôn Tân Phụng 1														0,050	Bổ sung
																Bổ sung

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
38	Tuyến đường từ nhà ông Tinh đến nhà ông Thu														0,130	Bổ sung
39	Tuyến đường từ nhà bà Ý đến nhà ông Tư														0,170	Bổ sung
40	Tuyến đường từ nhà ông Lầu đến nhà ông Trường														0,150	Bổ sung
41	Thôn Chánh Trạch 3															
42	Tuyến đường từ Cầu 14 đến nhà ông Châu															Bổ sung
43	Tuyến đường từ Cầu 14 đến nhà ông Vĩnh												0,173			Bổ sung
44	Tuyến đường từ nhà ông Định đến nhà ông Lộc													0,140		Bổ sung
45	Tuyến đường từ nhà ông Quý đến nhà ông Hải														0,153	Bổ sung
46	Tuyến đường từ nhà ông Chinh đến nhà ông Công														0,163	Bổ sung
47	Tuyến đường từ nhà ông Công đến nhà ông Thành													0,115		Bổ sung
48	Tuyến đường từ nhà ông Hậu đến nhà ông Sơn														0,106	Bổ sung
49	Tuyến đường từ nhà ông Công đến nhà ông Sơn														0,066	Bổ sung
50	Tuyến đường từ nhà ông Sáu đến nhà ông Xí														0,077	Bổ sung
51	Tuyến đường từ nam sân vận động đến nhà ông Pha														0,143	Bổ sung
	Thôn Thuận An														0,427	Bổ sung
52	Tuyến đường từ nhà ông Tiến đến nhà ông Mỹ													0,070		Bổ sung
53	Tuyến đường từ nhà ông Phong đến nhà ông Phước													0,050		Bổ sung
54	Tuyến đường từ nhà ông Trung đến nhà ông Cường														0,196	Bổ sung
55	Tuyến đường từ nhà ông Sinh đến nhà ông Tuyết													0,050		Bổ sung
56	Tuyến đường từ nhà ông Tây đến nhà bà Kinh														0,137	Bổ sung

72

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi ch
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
57	Tuyến đường từ nhà bà Oanh đến nhà ông Thục													0,085		Bổ sung
58	Tuyến đường từ nhà ông Phương đến Lũm măn													0,340		Bổ sung
	Thôn Chánh Tường															Bổ sung
59	Tuyến đường từ nhà ông Tâm đến nhà ông Trường														0,102	Bổ sung
60	Tuyến đường từ nhà bà Xuân đến nhà ông Bình														0,111	Bổ sung
61	Tuyến đường từ nhà ông Chí đến nhà ông Hạ														0,118	Bổ sung
62	Tuyến đường từ nhà ông Cầu đến nhà bà Liên														0,083	Bổ sung
63	Tuyến đường từ nhà ông Niềm đến nhà bà Gái														0,158	Bổ sung
64	Tuyến đường từ nhà ông Hy đến nhà ông Bình														0,200	Bổ sung
65	Tuyến đường từ nhà ông Dũng đến nhà ông Phước														0,100	Bổ sung
	Thôn Chánh Trục															Bổ sung
66	Tuyến đường từ nhà ông Phú đến nhà ông Thiện													0,092		Bổ sung
67	Tuyến đường từ nhà ông Minh đến nhà ông Giang														0,220	Bổ sung
68	Tuyến đường từ nhà ông Lương đến nhà ông Triều														0,145	Bổ sung
69	Tuyến đường từ nhà ông Hạ đến nhà ông Diện														0,364	Bổ sung
70	Tuyến đường từ nhà ông Toàn đến nhà ông Phùng														0,353	Bổ sung
71	Tuyến đường từ nhà ông Ngọc đến nhà ông Phùng														0,072	Bổ sung
72	Tuyến đường từ nhà ông Tuấn đến nhà ông Liều														0,232	Bổ sung
73	Tuyến đường từ nhà ông Văn đến mương cấp 1														0,090	Bổ sung

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
74	Tuyến đường từ nhà ông Sinh đến nhà ông Lòng														0,090	Bổ sung
75	Tuyến đường từ nhà ông Hương đến nhà ông Tin														0,080	Bổ sung
76	Tuyến đường từ nhà bà Hường đến nhà ông Tân														0,076	Bổ sung
77	Tuyến đường từ nhà ông Hùng đến nhà bà Qúa														0,068	Bổ sung
78	Tuyến đường từ nhà ông Quang đến nhà bà Dung														0,089	Bổ sung
79	Tuyến đường từ nhà bà Hồng đến nhà bà Thắm														0,101	Bổ sung
80	Tuyến đường từ nhà bà Hường đến nhà bà Việt														0,082	Bổ sung
81	Tuyến đường từ nhà ông Đức đến nhà ông Đại														0,145	Bổ sung
	Thôn Đại Lương															Bổ sung
82	Tuyến đường từ đường bê tông đến nhà ông Viễn														0,092	Bổ sung
83	Tuyến đường từ nhà ông Tự đến nhà ông Ba														0,052	Bổ sung
84	Tuyến đường từ nhà ông Tiến đến nhà ông Phúc														0,060	Bổ sung
85	Tuyến đường từ nhà ông Thừa đến nhà ông Quốc														0,100	Bổ sung
86	Tuyến đường từ nhà ông Vinh đến nhà ông Khả														0,179	Bổ sung
87	Tuyến đường từ đường bê tông đến nhà ông A													0,105		Bổ sung
88	Tuyến đường từ nhà bà Sinh đến nhà ông Sơn													0,085		Bổ sung
89	Tuyến đường từ Cống đến nhà bà Đàm														0,212	Bổ sung
90	Tuyến đường từ nhà bà Thạch đến nhà ông Trung														0,106	Bổ sung
91	Tuyến đường từ nhà ông Hiến đến nhà ông Huân														0,098	Bổ sung

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi ch
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
92	Tuyến đường từ nhà ông Đường đến nhà ông Bình														0,073	Bổ sung
93	Tuyến đường từ nhà ông Văn đến nhà ông Chính														0,086	Bổ sung
94	Tuyến đường từ nhà bà Viên đến nhà bà Phụng														0,066	Bổ sung
95	Tuyến đường từ nhà ông Nam đến nhà bà Mười														0,096	Bổ sung
96	Tuyến đường từ nhà ông ảnh đến nhà ông Trình														0,063	Bổ sung
97	Tuyến đường từ nhà bà Giang đến nhà bà Đông														0,120	Bổ sung
98	Tuyến đường từ nhà ông Trình đến nhà ông Toàn														0,110	Bổ sung
99	Tuyến đường từ nhà ông Vinh đến nhà ông Vui														0,185	Bổ sung
100	Tuyến đường từ nhà ông Toàn đến nhà ông Linh														0,125	Bổ sung
101	Tuyến đường từ nhà ông Lục đến nhà ông Lâm														0,208	Bổ sung
102	Tuyến đường từ nhà ông Hùng đến nhà ông Tín														0,077	Bổ sung
103	Tuyến đường từ nhà Văn hóa thôn Đại Lương đi đội 4 Chánh Đạo và đội 10 Cát Tường												1,000			Bổ sung
	Thôn Chánh Trạch 1															Bổ sung
104	Tuyến đường từ nhà ông Là đến nhà ông Quy														0,080	Bổ sung
105	Tuyến đường từ nhà ông Trung đến nhà ông Nhứt														0,124	Bổ sung
106	Tuyến đường từ nhà ông Bô đến nhà ông Thái														0,051	Bổ sung
107	Tuyến đường từ nhà bà Dụ đến nhà ông Thiệt														0,097	Bổ sung
108	Tuyến đường từ nhà ông Thọ đến nhà bà Sanh														0,196	Bổ sung

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
109	Tuyến đường từ nhà bà Nhu đến nhà ông Cường															
110	Tuyến đường từ nhà ông Cường đến nhà ông Thẩm														0,050	Bổ sung
	Thôn Tân Thành														0,060	Bổ sung
111	Tuyến đường từ nhà bà Lan đến nhà ông Việt															Bổ sung
112	Tuyến đường từ nhà ông Tài đến nhà ông Tuấn														0,133	Bổ sung
113	Tuyến đường từ nhà ông Minh đến nhà ông Chim														0,091	Bổ sung
	XÃ MỸ CHÁNH TÂY														0,050	Bổ sung
IX	XÃ MỸ QUANG															
1	Tuyến nhà ông Phong-Nhà bà Phương								nhà ông Phong	Nhà bà Phương	1,181			1,181		
2	Tuyến Đường Bê Tông-nhà Bà Trương								Đường Bê Tông	nhà Bà Trương				0,065		Bổ sung
3	Tuyến nhà ông Miêu =nhà ông Hoàng								nhà ông Miêu	nhà ông Hoàng				0,035		Bổ sung
4	Tuyến nhà bà Diễm-nhà ông Dũng								nhà ông Miêu	nhà ông Dũng				0,065		Bổ sung
5	Tuyến nhà ông Hoa-nhà ông Dũng								nhà ông Miêu	nhà ông Dũng				0,085		Bổ sung
6	Tuyến Nhà ông Sum-nhà ông Đồng								nhà ông Hoa	nhà ông Dũng				0,096		Bổ sung
7	Tuyến Nhà ông Vinh -Nhà ông Tích								Nhà ông Sum	nhà ông Đồng				0,066		Bổ sung
8	Tuyến Nhà ông Mười-nhà Bà Kiệt								Nhà ông Vinh	Nhà ông Tích				0,096		Bổ sung
9	Tuyến Nhà bà Ngọc								nhà ông Mười	nhà Bà Kiệt				0,151		Bổ sung
10	Tuyến Nhà ông Tân-Nhà ông Thu								Nhà bà Ngọc	Nhà Bà Phương				0,130		Bổ sung
11	Tuyến Nhà ông Hiệp -nhà ông Hùng								Nhà ông Tân	Nhà ông Thu				0,065		Bổ sung
12	Tuyến Nhà ông Châu-nhà ông Dũng								Nhà ông Hiệp	nhà ông Hùng				0,120		Bổ sung
13	Tuyến Nhà ông Hòa -Tịnh xá Ngọc Khoa								Nhà ông Hiệp	nhà ông Dũng				0,099		Bổ sung
14	Tuyến Nhà bà Thu - Nhà ông Tài								Nhà ông Hòa	Tịnh xá Ngọc Khoa				0,032		Bổ sung
X	XÃ MỸ HIỆP			8,612	-	6,455	1,017	1,140	Nhà bà Thu	Nhà ông Tài				0,076		Bổ sung
	Thôn Đại Thuận										14,925	-	1,523	11,807	1,595	
1	Đường BTXM từ đường BTXM đến ngõ ông An	Đường bê tông	Ngõ ông An					0,350						0,341		Giảm chiều dài
2	Đường BTXM ngõ bà Quý	Đường bê tông	Ngõ bà Quý			0,080							0,037			Giảm chiều dài

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
3	Đường BTXM ngõ ông Trơ								Đường BTXM	Ngõ ông Trơ					0,049	Bổ sung
4	Đường BTXM ngõ ông Trà								Đường BTXM	Ngõ ông Trà				0,052		Bổ sung
5	Đường BTXM ngõ ông Bê								Đường BTXM	Ngõ ông Bê			0,035			Bổ sung
6	Đường BTXM ngõ bà Lưu								Đường BTXM	Ngõ bà Lưu				0,030		Bổ sung
	Thôn Vạn Phước Tây								Đường BTXM							
7	Đường BTXM ngõ bà Trí								Đường BTXM	Ngõ bà Trí				0,043		Bổ sung
8	Đường BTXM từ đường BTXM đến ngõ bà Hoa								Đường BTXM	Ngõ bà Hoa					0,296	Bổ sung
9	Đường BTXM ngõ ông Tuấn								Đường BTXM	Ngõ ông Tuấn					0,060	Bổ sung
10	Đường BTXM ngõ ông Khuyến								Đường BTXM	Ngõ ông Khuyến					0,077	Bổ sung
11	Đường BTXM ngõ ông Minh đến ngõ bà Ứng								Đường BTXM	Ngõ bà Ứng					0,052	Bổ sung
	Thôn Đại Sơn															
12	Đường BTXM ngõ bà An đến ngõ ông Minh								Ngõ bà An	Ngõ ông Minh				0,045		Bổ sung
13	Đường BTXM ngõ ông Phạm Bảy								Đường BTXM	Ngõ ông Bảy				0,126		Bổ sung
14	Đường BTXM từ đường BTXM đến ngõ bà Liên								Đường BTXM	Ngõ bà Liên				0,238		Bổ sung
15	Đường BTXM ngõ bà Ba								Đường BTXM	Ngõ bà Ba				0,044		Bổ sung
16	Đường BTXM từ đường BTXM đến ngõ bà Hạnh								Đường BTXM	Ngõ bà Hạnh				0,127		Bổ sung
17	Đường BTXM ngõ ông Đình Thái								Đường BTXM	Ngõ ông Thái				0,030		Bổ sung
18	Đường BTXM ngõ bà Bang								Đường BTXM	Ngõ bà Bang				0,086		Bổ sung
19	Đường BTXM ngõ ông Hải								Đường BTXM	Ngõ ông Hải				0,035		Bổ sung
20	Đường BTXM ngõ ông Lộc								Đường BTXM	Ngõ ông Lộc				0,044		Bổ sung
21	Đường BTXM từ đường BTXM đến ngõ ông Đến								Đường BTXM	Ngõ ông Đến				0,045		Bổ sung
22	Đường BTXM từ đường BTXM đến nhà bà Bằng								Đường BTXM	Ngõ bà Bằng			0,105			Bổ sung
23	Đường BTXM ngõ ông Đình								Đường BTXM	Ngõ ông Đình				0,020		Bổ sung
	Thôn An Trinh															

26

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
24	Đường BTXM từ nhà ông Tý đến ngõ ông Phúc	Nhà ông Tý	Ngõ ông Phúc			0,180								0,202		Tăng chiều dài và chuyển từ B sang C
25	Đường BTXM ngõ ông Hữu	Đường bê tông	Ngõ ông Hữu				0,100							0,077		Giảm chiều dài
26	Đường BTXM từ nhà ông Phúc đến ngõ ông Kiên	Đường bê tông	Ngõ ông Kiên				0,107						0,044			Giảm chiều dài và chuyển từ C sang B
27	Đường BTXM từ đường BTXM đến ngõ ông Đốc	Đường bê tông	Ngõ ông Đốc			0,095							0,041			Giảm chiều dài
28	Đường BTXM ngõ ông Nguyễn Hương								Đường BTXM	Ngõ ông			0,052			Bổ sung
29	Đường BTXM ngõ ông Nguyễn Hồng								Quốc lộ 1A	Ngõ ông			0,161			Bổ sung
30	Đường BTXM ngõ ông Cho								Đường BTXM	Ngõ ông Cho					0,030	Bổ sung
31	Đường BTXM từ đường BTXM đến nhà thờ họ Phạm								Đường BTXM	Nhà thờ			0,135			Bổ sung
32	Đường BTXM ngõ ông Văn Hải								Đường BTXM	Ngõ ông Hải			0,058			Bổ sung
33	Đường BTXM ngõ ông Cung								Đường BTXM	Ngõ ông			0,035			Bổ sung
34	Đường BTXM ngõ ông Lân								Đường BTXM	Ngõ ông Lân				0,051		Bổ sung
35	Đường BTXM từ ngõ ông Khương đến ngõ ông Học								Ngõ ông Khương	Ngõ ông Học				0,104		Bổ sung
36	Đường BTXM ngõ ông Văn Hùng								Đường BTXM	Ngõ ông Hùng				0,035		Bổ sung
37	Đường BTXM từ đường BTXM đến ngõ ông Văn Tân								Đường BTXM	Ngõ ông Tân				0,053		Bổ sung
38	Đường BTXM từ đường BTXM đến ngõ ông Văn Lộc								Đường BTXM	Ngõ ông Lộc				0,220		Bổ sung
39	Đường BTXM ngõ ông Quý								Đường BTXM	Ngõ ông Quý			0,037			Bổ sung
40	Đường BTXM ngõ ông Lân								Đường BTXM	Ngõ ông Lân	0,030				0,030	Bổ sung
41	Đường BTXM từ ngõ ông Lân đến ngõ ông Thành								Ngõ ông Lân	Ngõ ông Thành	0,070			0,070		Bổ sung

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
42	Đường BTXM ngõ ông Thành Sơn								Đường BTXM	Ngõ ông Sơn	0,122			0,122		Bổ sung
43	Đường BTXM ngõ ông Châu Hạnh								Đường BTXM	Ngõ ông Hạnh	0,084			0,084		Bổ sung
44	Đường BTXM từ đường BTXM đến ngõ bà Muộn								Đường BTXM	Ngõ bà Muộn	0,136			0,136		Bổ sung
45	Đường BTXM ngõ ông Bá Cẩn								Đường BTXM	Ngõ ông Cẩn	0,024		0,024			Bổ sung
46	Đường BTXM ngõ ông Bá Cẩn đến ngõ ông Phúc								Ngõ ông Cẩn	Ngõ ông Phúc	0,050				0,050	Bổ sung
47	Đường BTXM ngõ ông Đãi								Đường BTXM	Ngõ ông Đãi	0,029			0,029		Bổ sung
	Thôn Bình Long										-					Bổ sung
48	Đường BTXM từ đường BTXM đến ngõ ông Khánh								Đường BTXM	Ngõ ông Khánh	0,122			0,122		Bổ sung
49	Đường BTXM từ đường BTXM đến ngõ ông Lem								Đường BTXM	Ngõ ông Lem	0,110				0,110	Bổ sung
50	Đường BTXM ngõ bà Hưng								Đường BTXM	Ngõ bà Hưng	0,038			0,038		Bổ sung
51	Đường BTXM ngõ ông Văn Chương								Đường BTXM	Ngõ ông Chương	0,070			0,070		Bổ sung
52	Đường BTXM từ đường BTXM đến ngõ ông Muộn								Đường BTXM	Ngõ ông Muộn	0,093			0,093		Bổ sung
	Thôn Hữu Lộc										-					Bổ sung
53	Đường BTXM ngõ ông Khương								Đường BTXM	Ngõ ông Khương	0,036				0,036	Bổ sung
54	Đường BTXM ngõ ông Quý								Đường BTXM	Ngõ ông Quý	0,035				0,035	Bổ sung
55	Đường BTXM ngõ ông Hiếu								Đường BTXM	Ngõ ông Hiếu	0,035			0,035		Bổ sung
56	Đường BTXM ngõ ông Chí								Đường BTXM	Ngõ ông Chí	0,015			0,015		Bổ sung
57	Đường BTXM ngõ bà Vâng								Đường BTXM	Ngõ bà Vâng	0,040			0,040		Bổ sung
	Thôn Vạn Phước Đông															
58	Đường BTXM ngõ ông Quang	Nhà ông Ngọc	Ngõ ông Quang				0,810							0,081		Giảm chiều dài
59	Đường BTXM ngõ ông Văn Châu								Đường BTXM	Ngõ ông Châu				0,049		Bổ sung
60	Đường BTXM ngõ ông Đình Sang								Đường BTXM	Ngõ ông Sang				0,047		Bổ sung
61	Đường BTXM từ đường BTXM đến ngõ ông Văn Bằng								Đường BTXM	Ngõ ông Bằng				0,123		Bổ sung
62	Đường BTXM ngõ Văn Thanh								Đường BTXM	Ngõ ông Thanh				0,124		Bổ sung

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
63	Đường BTXM ngõ ông Đức Thanh								Đường BTXM	Ngõ ông Đức Thanh				0,025		Bổ sung
64	Đường BTXM ngõ ông Minh Hải								Đường BTXM	Ngõ ông Hải				0,056		Bổ sung
65	Đường BTXM ngõ ông Văn Cầu								Đường BTXM	Ngõ ông Cầu				0,023		Bổ sung
66	Đường BTXM ngõ ông Hữu Chánh								Đường BTXM	Ngõ ông Chánh					0,045	Bổ sung
67	Đường BTXM ngõ ông Nguyễn Thái								Đường BTXM	Ngõ ông Thái				0,045		Bổ sung
68	Đường BTXM từ đường BTXM đến ngõ bà Nam								Đường BTXM	Ngõ bà Nam				0,102		Bổ sung
69	Đường BTXM ngõ ông Thành								Đường BTXM	Ngõ ông Thành				0,045		Bổ sung
	Thôn Bình Tân Đông															
70	Đường BTXM ngõ ông Tuấn	Quốc lộ 1A	Ngõ ông Tuấn			0,070								0,111		Tăng chiều dài và chuyển từ B sang C
71	Đường BTXM ngõ ông Trần Trang								Đường BTXM	Ngõ ông Trần Trang				0,040		Bổ sung
72	Đường BTXM ngõ ông Tý								Đường BTXM	Ngõ ông Tý					0,060	Bổ sung
	Thôn Vạn Lộc															
73	Đường BTXM từ đường ngõ Hưng đi Gò Cát								Đường BTXM	Gò Cát			0,100			Bổ sung
74	Đường BTXM ngõ ông Huân								Đường BTXM	Ngõ ông Huân					0,030	Bổ sung
75	Đường BTXM ngõ ông Nhiên								Đường BTXM	Ngõ ông Nhiên					0,025	Bổ sung
	Thôn Trà Bình Tây															
76	Đường BTXM ngõ ông Vũ	Ngõ ông Hoàng	Ngõ ông Hùng					0,190						0,157		Giảm chiều dài và chuyển từ D sang C
77	Đường BTXM ngõ ông Sô								Đường BTXM	Ngõ ông Sô					0,072	Bổ sung
78	Đường BTXM ngõ ông Đình								Đường BTXM	Ngõ ông Đình					0,030	Bổ sung
79	Đường BTXM từ đường BTXM đến ngõ ông Trí								Đường BTXM	Ngõ ông Trí				0,110		Bổ sung

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
80	Đường BTXM từ đường BTXM đến ngõ ông Thế Thành								Đường BTXM	Ngõ ông Thế Thành				0,275		Bổ sung
81	Đường BTXM ngõ ông Văn Hùng								Đường BTXM	Ngõ ông Văn Hùng			0,065			Bổ sung
82	Đường BTXM từ đường BTXM đến Trường Mẫu Giáo								Đường BTXM	Trường Mẫu Giáo			0,019			Bổ sung
83	Đường BTXM ngõ ông Điệp								Đường BTXM	Ngõ ông Điệp				0,080		Bổ sung
84	Đường BTXM từ đường BTXM ngõ ông Vân								Đường BTXM	Ngõ ông Vân					0,205	Bổ sung
85	Đường BTXM từ đường BTXM ngõ ông Yên								Đường BTXM	Ngõ ông Yên			0,079			Bổ sung
86	Đường BTXM từ đường BTXM ngõ ông Phước								Đường BTXM	Ngõ ông Phước				0,111		Bổ sung
87	Đường BTXM ngõ ông Viễn								Đường BTXM	Ngõ ông Viễn					0,025	Bổ sung
88	Đường BTXM từ ngõ ông Thành đến ngõ ông Trọn								Đường BTXM	Ngõ ông Trọn				0,090		Bổ sung
89	Đường BTXM ngõ ông Tuế								Đường BTXM	Ngõ ông Tuế				0,080		Bổ sung
90	Đường BTXM từ ngõ ông Thành đến ngõ ông Trọn								Đường BTXM	Ngõ ông Trọn				0,075		Bổ sung
91	Đường BTXM từ ngõ ông Yên đến ngõ ông Phương								Đường BTXM	Ngõ ông Phương				0,235		Bổ sung
92	Đường BTXM từ ngõ ông Yên đến ngõ ông Phương								Đường BTXM	Ngõ ông Phương				0,120		Bổ sung
93	Đường BTXM nội đồng Cánh đồng mẫu lớn từ Bình Long đi An Trinh và nhánh rẽ								Kênh N1 Bình Long	Nhà văn hóa thôn An Trinh				1,970		Bổ sung
94	Đường BTXM từ cầu Đại Thạnh đi Tú Dương								Quốc lộ 1A	Đường BTXM				0,956		Bổ sung
95	Đường BTXM từ Quốc lộ 1A đi xóm Rừng thôn An Trinh								Quốc lộ 1A	Đường BTXM				0,354		Bổ sung
96	Đường BTXM từ Quốc lộ 1A đi đồng Chùa thôn Bình Tân Đông								Quốc lộ 1A	Đường BTXM				0,335		Bổ sung
97	Đường BTXM từ nhà văn hóa thôn Vạn Phước Đông đến giáp đường BTXM ngõ Sơn								Nhà Văn hóa thôn	Đường BTXM				0,706		Bổ sung
	Thôn Vạn Thiện															
98	Đường BTXM ngõ ông Nguyễn Tuấn								Đường BTXM	Ngõ Nguyễn Tuấn				0,065		Bổ sung
99	Đường BTXM ngõ ông Văn An								Đường BTXM	Ngõ Văn An				0,075		Bổ sung

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
100	Đường BTXM ngõ ông Phước								Đường BTXM	Ngõ ông Phước				0,033		Bổ sung
101	Đường BTXM ngõ ông Phương								Đường BTXM	Ngõ ông Phương			0,030			Bổ sung
102	Đường BTXM từ đường BTXM đến ngõ ông Phúc								Đường BTXM	Ngõ ông Phúc				0,104		Bổ sung
103	Đường BTXM ngõ ông Xuân								Đường BTXM	Ngõ ông Xuân			0,031			Bổ sung
104	Đường BTXM ngõ bà Ngọc								Đường BTXM	Ngõ bà Ngọc				0,040		Bổ sung
105	Đường BTXM ngõ bà Thảo								Đường BTXM	Ngõ bà Thảo				0,090		Bổ sung
106	Đường BTXM từ đường BTXM đến ngõ ông Thìn								Đường BTXM	Ngõ ông Thìn				0,150		Bổ sung
107	Đường BTXM ngõ bà Lâm								Đường BTXM	Ngõ bà Lâm				0,040		Bổ sung
108	Đường BTXM ngõ bà Thuê								Đường BTXM	Ngõ bà Thuê					0,020	Bổ sung
109	Đường BTXM ngõ ông Kiểm Thôn Hoà Nghĩa								Đường BTXM	Ngõ ông Kiểm				0,045		Bổ sung
110	Đường BTXM ngõ ông Văn Tân								Đường BTXM	Ngõ ông Tân				0,085		Bổ sung
111	Đường BTXM ngõ ông Nguyễn Chí								Đường BTXM	Ngõ ông Chí					0,050	Bổ sung
112	Đường BTXM ngõ ông Nguyễn Tạo								Đường BTXM	Ngõ ông Tạo				0,048		Bổ sung
113	Đường BTXM ngõ ông Nguyễn Truyền								Đường BTXM	Ngõ ông Truyền				0,045		Bổ sung
114	Đường BTXM ngõ ông Phạm Tuấn								Đường BTXM	Ngõ ông Tuấn					0,045	Bổ sung
115	Đường BTXM ngõ ông Văn Huệ								Đường BTXM	Ngõ ông Huệ				0,090		Bổ sung
116	Đường BTXM ngõ bà Thị Ly								Đường BTXM	Ngõ bà Ly					0,021	Bổ sung
117	Đường BTXM từ đường BTXM đến ngõ ông Duy Hải và nhánh rẽ								Đường BTXM	Ngõ ông Hải				0,215		Bổ sung
118	Đường BTXM ngõ ông Hữu Thìn								Đường BTXM	Ngõ ông Thìn					0,039	Bổ sung
119	Đường BTXM ngõ ông Bùi Thor								Đường BTXM	Ngõ ông Bùi Thor					0,048	Bổ sung
120	Đường BTXM ngõ ông Văn Hữu Thôn Bình Tân Tây								Đường BTXM	Ngõ ông Hữu					0,030	Bổ sung
121	Đường BTXM từ đường BTXM đến ngõ ông Văn Minh								Đường BTXM	Ngõ ông Minh				0,134		Bổ sung
122	Đường BTXM ngõ ông Văn Tâm								Đường BTXM	Ngõ ông Tâm			0,026			Bổ sung
123	Đường BTXM ngõ ông Nguyễn Phiên								Đường BTXM	Ngõ ông Phiên				0,040		Bổ sung
124	Đường BTXM ngõ ông Đình Cho								Đường BTXM	Ngõ ông Phú				0,030		Bổ sung
125	Đường BTXM ngõ bà Tâm								Đường BTXM	Ngõ bà Tâm				0,030		Bổ sung

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
126	Đường BTXM ngõ ông Thế Sinh								Đường BTXM	Ngõ ông Sinh				0,020		Bổ sung
127	Đường BTXM ngõ ông Ngô Tăng								Đường BTXM	Ngõ ông Tăng				0,048		Bổ sung
128	Đường BTXM ngõ ông Văn Thành								Đường BTXM	Ngõ ông Thành				0,032		Bổ sung
129	Đường BTXM từ đường BTXM đến ngõ ông Đoàn Hồng								Đường BTXM	Ngõ ông Hồng				0,110		Bổ sung
130	Đường BTXM từ ngõ ông Phương đến ngõ ông Thiên								Đường BTXM	Ngõ ông Thiên				0,145		Bổ sung
131	Đường BTXM từ đường BTXM đến ngõ ông Văn Dũng và nhánh rẽ đến ngõ ông Phước								Đường BTXM	Ngõ ông Phước				0,164		Bổ sung
132	Đường BTXM ngõ ông Thế Hạnh								Đường BTXM	Ngõ ông				0,030		Bổ sung
133	Đường BTXM ngõ ông Văn Long								Đường BTXM	Ngõ ông				0,040		Bổ sung
134	Đường BTXM ngõ ông Đình Chi								Đường BTXM	Ngõ ông Chi				0,025		Bổ sung
135	Đường BTXM từ đường BTXM đến ngõ ông Văn và nhánh rẽ đến ngõ bà Cúc								Đường BTXM	Ngõ bà Cúc				0,111		Bổ sung
136	Đường BTXM từ đường BTXM đến ngõ ông Văn Bình và nhánh rẽ đến ngõ ông Văn Nở								Đường BTXM	Ngõ ông Nở				0,118		Bổ sung
	Thôn Tú Dương															
137	Đường BTXM từ đường BTXM đến ngõ ông Trà								Đường BTXM	Ngõ ông Trà				0,134		Bổ sung
138	Đường BTXM ngõ ông Ngọc Châu								Đường BTXM	Ngõ ông				0,042		Bổ sung
139	Đường BTXM từ đường BTXM đến ngõ ông Muộn								Đường BTXM	Ngõ ông Muộn				0,067		Bổ sung
140	Đường BTXM ngõ ông Văn Đức								Đường BTXM	Ngõ ông Đức				0,027		Bổ sung
141	Đường BTXM ngõ ông Nguyễn Hòa								Đường BTXM	Ngõ ông Hòa				0,042		Bổ sung
142	Đường BTXM từ đường BTXM đến ngõ ông Văn Mẫn								Đường BTXM	Ngõ ông Mẫn				0,300		Bổ sung
XI	XÃ MỸ TRINH			-	-	-	-	-			-	-	-	-	-	
XII	XÃ MỸ AN			-	-	-	-	-			0,994	-	0,994	-	-	
1	Tuyến ĐT639 đi Miếu Thanh Minh								ĐT639	Miếu Thanh Minh				0,511		Bổ sung
2	Tuyến từ Xuân Bình đi Nghĩa Trang Xuân Bình								Xuân Bình	Nghĩa trang Xuân Bình				0,483		Bổ sung
XIII	XÃ MỸ LỢI			2,300	-	2,300	-	-			4,700	-	4,700	-	-	

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
1	Đường từ cầu Đàn Róng thôn Chánh Khoan Tây đi Gò Lao giáp đường BTXM đi thôn Châu Trúc	cầu Đàn Róng	đường BTXM đi thôn Châu Trúc			2,300			cầu Đàn Róng	đường BTXM đi thôn Châu Trúc			1,300			Giảm chiều dài
2	Tuyến đường Nhà 8 ức đi đầm trà ô								Nhà 8 Ức	Đầm Trà ô			0,700			Bổ sung
3	Tuyến đường Nhà ông sơn đi nghĩa địa gò xoài								Ông Sơn	Gò Xoài			0,800			Bổ sung
4	Tuyến đường Nhà ông Bích đi đầm trà ô								Ông Bích	Đầm Trà ô			0,800			Bổ sung
5	Tuyến đường Nhà ông quyền đi núi lồi								Nhà ông quyền	Núi lồi			0,500			Bổ sung
6	Tuyến đường Ao ông tàu đi giáp đường đi an hòa								Ông Tàu	An Hòa			0,600			Bổ sung
XIV	XÃ MỸ PHONG			-	-	-	-	-			6,975	-	0,050	4,445	2,480	
1	Tuyến Nhà ông Song - Đập Quýt								Nhà ông Song	Đập Quýt				0,330		Bổ sung
2	Tuyến Nhà ông Ứng - Nhà bà Leo								Nhà ông Ứng	Nhà bà Leo					0,530	Bổ sung
3	Tuyến Trụ sở thôn - Nhà ông Sách								Trụ sở thôn	Nhà ông Sách				0,600		Bổ sung
4	Tuyến Cầu Tràng - Nhà ông An								Cầu Tràng	Nhà ông An					0,230	Bổ sung
5	Tuyến Cổng luôn xe - Nhà bà Yến								Cổng luôn xe	Nhà bà Yến				1,695		Bổ sung
6	Tuyến Nhà ông Lợi - Nhà ông Quang								Nhà ông Lợi	Nhà ông Quang					0,420	Bổ sung
7	Tuyến Nhà ông Lại - Nhà ông Thao								Nhà ông Lại	Nhà ông Thao				0,320		Bổ sung
8	Tuyến Nhà ông Hát - Nhà ông Hà								Nhà ông Hát	Nhà ông Hà				1,000		Bổ sung
9	Tuyến Nhà Ông Em - Nhà ông Thơm								Nhà Ông Em	Nhà ông Thơm				0,500		Bổ sung
10	Đường BTXM ngõ xóm thôn Văn Trường Tây														1,300	Bổ sung
11	Đường BTXM ngõ xóm thôn Phú Đức															
XV	XÃ MỸ CHÁNH			0,400	-	0,100	-	0,300			7,458	-	0,050	2,531	2,760	Bổ sung
	Thôn Lương Thái												2,167			
1	Đường từ sông La Tinh đến nhà ông Cần	Sông La Tinh	Nhà ông Cần					0,300							0,710	rang chiều dài
	Thôn Thượng An															
2	Đường từ ĐT 632 đến nhà ông Thanh	ĐT 632	Nhà ông Thanh			0,100							0,200			rang chiều dài
3	Từ nhà bà Bích đến nhà ông Khải								Nhà bà Bông	Nhà ông Thanh					0,166	Bổ sung

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
4	Từ nhà ông Năm đến giáp nhà ông Cường								Nhà ông Năm	Nhà ông Cường					0,115	Bổ sung
5	Từ nhà bà Liên đến nhà ông sáu Sơn								Nhà bà Liên	Nhà sáu Sơn			0,082			Bổ sung
	Thôn Chánh Thiện															
6	Từ nhà ông Toàn đến nhà ông Hiếu sân vận động								Nhà ông Toàn	Nhà ông Hiếu			0,097			Bổ sung
7	Từ đường ĐT 632 đến nhà bà Tăng								ĐT 632	Nhà bà Tăng					0,100	Bổ sung
8	Từ ĐT 632 đến nhà ông Thương								ĐT 632	Nhà ông Thương				0,100		Bổ sung
	Thôn Lương Trung															
9	Từ nhà Bảy Sứu đến đê sông Cạn								Nhà bảy Sứu	Đê sông Cạn			0,290			Bổ sung
10	Từ trạm hạ thế đến nhà ông Năm Ngang								Trạm hạ thế	Nhà năm Ngang				0,151		Bổ sung
	Thôn Chánh An															
11	Các tuyến đường thôn Chánh An								Đường bê tông	xung quanh trụ sở thôn					0,337	Bổ sung
	Thôn Công Trung															
12	Từ đập cây Sung đến ngã ba nhà ông Long								Đập cây sung	Nhà ông Long					0,295	Bổ sung
13	Từ nhà ông Lân đến nhà ông Sến								Nhà ông Lân	Nhà ông Sến					0,130	Bổ sung
	Thôn Trung Xuân															
14	Từ ĐT 639 đến nhà ông Miên								ĐT 639	Nhà ông Miên					0,100	Bổ sung
15	Từ ĐT 639 đến nhà bà Ngọc								ĐT 639	Nhà bà Ngọc				0,100		Bổ sung
16	Từ ĐT 639 đến nhà ông Nhâm								ĐT 639	Nhà ông Nhâm					0,070	Bổ sung
17	Từ ĐT 639 đến nhà ông Đành								ĐT 639	Nhà ông Đành					0,075	Bổ sung
	Thôn An Xuyên 2															
18	Từ nhà bà Hoa đến nhà ông Phạm Nhỏ								Nhà bà Hoa	Nhà ông Nhỏ					0,081	Bổ sung
19	Từ nhà ông Phạm Nuôi đến nhà ông Mân								Nhà ông Nuôi	Nhà ông Mân				0,060		Bổ sung
20	Từ nhà ông Toàn đến địa điểm Sương								Nhà ông Toàn	Địa điểm Sương				0,050		Bổ sung
	Thôn Thái An															

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
21	Từ đường bê tông chùa đến nhà ông Phê								Đường bê tông	nhà ông Phê				0,226		Bổ sung
22	Từ đê sông cạn đến nhà ông An								Đê sông cạn	Đến nhà ông An				0,568		Bổ sung
	Thôn Thượng An															
23	Từ nhà ông Vinh đến nhà Bốn Tý								Nhà ông Vinh	Nhà Bốn Tý				0,090		Bổ sung
	Thôn An Hoan															
24	Từ trụ sở thôn đến nhà ông Phước								Trụ sở thôn	Nhà ông Phước					0,255	Bổ sung
25	Từ nhà ông Tật đến nhà ông Thanh								Nhà ông Tật	Nhà ông Thanh				0,100		Bổ sung
	Thôn Đông An															
26	Từ nhà Sáu Thân đến nhà Bốn Vê								Nhà sáu Thân	Nhà bốn Vê				0,134		Bổ sung
27	Từ nhà ông Chánh đến nhà Tám Hiền								Nhà ông Chánh	Nhà tám Hiền				0,122		Bổ sung
	Thôn An Xuyên 1															
28	Từ nhà ông Minh đến nhà ông Bửu								Nhà ông Minh	Nhà ông Bửu				0,212		Bổ sung
	Thôn An Lương															
29	Từ nhà ông Quang Dầu đến nhà bà Sang xóm Gò								Nhà quang Dầu	Nhà bà Sang					0,190	Bổ sung
30	Đường Gò đến nhà Ba Cúc								Gò	Nhà ba Cúc				0,098		Bổ sung
31	Đường Từ trụ sở thôn đến nhà ông Đức								Trụ sở thôn	Nhà ông Đức					0,091	Bổ sung
32	Đường giáp bê tông chợ đến nhà ông Lộc								Đường bê tông	nhà ông lộc			0,045			Bổ sung
33	Đường bê tông Hiệp An đến nhà ông Sang								Đường bê tông	nhà ông sang					0,045	Bổ sung
	Thôn An Xuyên 3															
34	Từ nhà ông Sơn đến ao ông Tài								Nhà ông Sơn	Ao ông Tài				0,520		Bổ sung
	UBND xã															
35	Đường kênh T năm 2019								Cầu Đập Cầu	Cầu Đá			1,453			
XVI	THỊ TRẤN PHỦ MỸ			0,615	-	0,615	-	-			1,290	0,615	0,150	0,525	-	Bổ sung

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi c
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
1	BTXM tuyến Lê Hồng Phong (giai đoạn 2)					0,615						0,615				Chuyển từ B sang
2	Tuyến BTXM từ Quốc lộ 1A-Đường Trần Phú, khu phố Trà Quang Nam								Quốc lộ 1A	Đường Trần Phú				0,171		Bổ sung
3	Tuyến BTXM từ đường Đào Duy Từ-Đến nhà ông Cừ, khu phố Trà Quang Nam								Đường Đào Duy Từ	Nhà ông Cừ			0,150			Bổ sung
4	Tuyến BTXM từ Quốc lộ 1A-Nhà bà Lê, khu phố Trà Quang Nam								Quốc lộ 1A	Nhà bà Lê				0,154		Bổ sung
5	Tuyến BTXM phía Nam trường THPT Phù Mỹ 1								Trường THPT	Đường Đào Duy Từ				0,200		Bổ sung
XVI THỊ TRẤN BÌNH DƯƠNG																
XVI XÃ MỸ THÀNH																
1	BTXM từ ĐT 632 đến chùa Bảo Sơn										7,452	0,188	1,604	1,241	4,419	
2	Đường từ nhà ông Quốc đến nhà ông Thành								ĐT 632	Chùa Bảo Sơn		0,188				Bổ sung
3	BTXM từ Trần Thị Hoàng đến Nguyễn Văn Bài								nhà ông Quốc	Nhà ông Thành			0,485			Bổ sung
4	BTXM từ ĐT632 vào Chợ								Trần Thị Hoàng	Nguyễn Văn Bài			0,564			Bổ sung
5	BTXM từ Lê Văn Chánh đến Đỗ Hữu Thanh								ĐT632	Chợ			0,254			Bổ sung
6	BTXM từ ĐT 632 đến nhà ông Hiếu								Lê Văn Chánh	Đỗ Hữu Thanh			0,301			Bổ sung
7	BTXM từ Hà Văn Khánh đến Lê Đình Phụng								ĐT 632	nhà ông Hiếu				0,452		Bổ sung
8	BTXM từ Đỗ Văn Bình đến Phạm Ngọc Li								Hà Văn Khánh	Lê Đình Phụng				0,315		Bổ sung
9	BTXM từ Trần Văn Sướng đến Phạm Văn Chiến								Đỗ Văn Bình	Phạm Ngọc Lin				0,474		Bổ sung
10	BTXM từ Đỗ Văn Bình đến Trần Văn Ly								Trần Văn Sướng	Phạm Văn Chiến					0,573	Bổ sung
11	BTXM từ Dương Đức Dũng đến Lại Thị Dung								Đỗ Văn Bình	Trần Văn Ly					0,488	Bổ sung
12	BTXM từ Ngô Tăng để Trần Văn Duyệt								Dương Đức Dũng	Lại Thị Dung					0,285	Bổ sung
13	BTXM từ Trần Thị Xiềng đến Nguyễn Hải								Ngô Tăng	Trần Văn Duyệt					0,553	Bổ sung
14	BTXM từ Phạm Văn Xin đến Ao Cường								Trần Thị Xiềng	Nguyễn Hải					0,638	Bổ sung
									Phạm Văn Xin	Ao Cường					0,762	Bổ sung

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
15	BTXM từ nhà bà Thất đến nhà ông Vui								nhà bà Thất	nhà ông Vui						
16	BTXM từ nhà ông Quốc đến nhà ông Khải								nhà ông Quốc	nhà ông Khải					0,693	Bổ sung
XIX XÃ MỸ HÒA															0,427	Bổ sung
1	BTXM tuyến đường từ cầu bản ra giáp đường lên Chùa Hang								Cầu bản đi thôn Gia Ván	Giáp đường lên Chùa Hang	3,334	-	0,735	1,446	1,153	
2	BTXM tuyến đường từ Trụ sở thôn Hội Phú đến giáp nhà ông Hà Văn Hạnh								Trụ sở thôn	Nhà Hạnh			0,600			Bổ sung
3	BTXM tuyến đường từ nhà ông Hà Văn Hạnh đến giáp xóm 17								Nhà Hạnh	Giáp xóm 17				0,160		Bổ sung
HỘI PHÚ														0,236		Bổ sung
4	BTXM tuyến đường từ đường bê tông xóm 2 đến giáp nhà Huỳnh Xuân Công								Đường bê tông xóm 2	Nhà Huỳnh Xuân Công					0,018	Bổ sung
5	BTXM tuyến đường từ nhà bà Tuất đến cửa Miếu xóm 5								Nhà bà Tuất	Cửa Miếu xóm 5					0,050	Bổ sung
6	BTXM tuyến đường từ ruộng ông Phụng đến ruộng bà Trâm								Ruộng ông Phụng	Ruộng bà Trâm					0,030	Bổ sung
7	BTXM tuyến đường từ đường bê tông xóm 2 đến nhà Bùi Công Bản								Đường bê tông xóm 2	Nhà Bùi Công Bản				0,045		Bổ sung
HỘI KHÁNH																Bổ sung
8	BTXM tuyến đường từ nhà ông Đỗ Công Hoành đến giáp nhà ông Lê Hồng Tâm								Nhà Đỗ Công Hoành	Nhà Lê Hồng Tâm				0,230		Bổ sung
9	BTXM tuyến đường từ nhà ông Võ Bảy đến nhà ông Châu Sum								Nhà Võ Bảy	Nhà Châu Sum				0,030		Bổ sung
10	BTXM tuyến đường từ nhà Võ Thị Chải đến giáp nhà Võ Duy Linh								Nhà Võ Thị Chải	Nhà Võ Duy Linh				0,030		Bổ sung
11	BTXM tuyến đường từ đường bê tông trước nhà ông Trương Quang Đạo đến giáp nhà ông Võ Văn Dự								Nhà Trương Quang Đạo	Nhà Võ Văn Dự				0,025		Bổ sung
AN LẠC 2																Bổ sung
12	BTXM tuyến đường từ nhà Huỳnh Bốn đến nhà ông Huỳnh Văn Trí								Nhà Huỳnh Bốn	Nhà Huỳnh Văn Trí				0,232		Bổ sung
13	BTXM tuyến đường từ nhà Huỳnh Bốn đến nhà ông Nguyễn Văn Bé								Nhà Huỳnh Bốn	Nhà Nguyễn Văn Bé				0,077		Bổ sung
14	BTXM tuyến đường từ nhà Huỳnh Bốn đến nhà ông Nguyễn Văn Khải								Nhà Huỳnh Bốn	Nhà Nguyễn Văn Khải				0,018		Bổ sung

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi c
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
15	BTXM tuyến đường từ đường bê tông xóm 19 Bắc đến nhà bà Phạm Thị Trinh								Đường bê tông xóm 19 Bắc	Nhà Phạm Thị Trinh					0,058	Bổ sung
16	BTXM tuyến đường từ đường bê tông trước nhà ông Lê Quý Hải đến nhà ông Lê Văn Sương								Nhà Lê Quý Hải	Nhà ông Sương					0,080	Bổ sung
	PHƯỚC THỌ															
17	BTXM tuyến đường từ đường 638 đến nhà bà Trần Thị Hồng Oanh								Đường 638	Nhà bà Oanh				0,052		Bổ sung
18	BTXM từ đường bê tông xóm 3 Tây đến nhà ông Đỗ Văn Hòa								Đường bê tông xóm 3 Tây	Nhà Đỗ Văn Hòa				0,045		Bổ sung
19	BTXM từ đường bê tông xóm 4 Nam đến nhà bà Trần Thị Đính								Đường bê tông xóm 4 Nam	Nhà Trần Thị Đính				0,055		Bổ sung
20	BTXM từ đường bê tông xóm 3 Tây đến nhà ông Nguyễn Ngọc Cận								Đường bê tông xóm 3 Tây	Nhà Nguyễn Ngọc Cận					0,050	Bổ sung
21	BTXM từ đường bê tông xóm 3 Đông đến nhà ông Trần Công								Đường bê tông xóm 3 Đông	Nhà Trần Công					0,035	Bổ sung
22	BTXM từ đường bê tông xóm 1 đến nhà bà Đỗ Thị Hoa								Đường bê tông xóm 1	Nhà Đỗ Thị Hoa					0,077	Bổ sung
23	BTXM tuyến đường từ đường bê tông xóm 3 Tây đến giáp Vườn Tranh								Đường bê tông xóm 3 Tây	Vườn Tranh				0,135		Bổ sung
24	BTXM tuyến đường từ Gò Bón đến nhà ông Nguyễn Còn								Đường bê tông xóm 7	Nhà Nguyễn Còn				0,060		Bổ sung
25	BTXM tuyến đường từ đường bê tông xóm 7 đến nhà ông Đình Trọng Nguyễn								Đường bê tông xóm 7	Nhà Đình Trọng Nguyễn				0,022		Bổ sung
26	BTXM tuyến đường từ đường bê tông xóm 7 đến nhà ông Võ Văn Thanh								Đường bê tông xóm 7	Nhà Võ Văn Thanh					0,080	Bổ sung
27	BTXM tuyến đường từ đường bê tông xóm 6 đến Miếu xóm 6								Đường bê tông xóm 6	Miếu xóm 6				0,025		Bổ sung
	AN LẠC 1															Bổ sung

CÁC DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG THUỐC LỘ HOẠCH BÊ TÔNG HOÁ ĐƯỜNG GTNT NĂM 2019 - HUYỆN TUY PHƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 05/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
I	XÃ PHƯỚC HUNG			-	-	-	-	-			0,692	-	0,037	0,450	0,205	
1	Sân kho xóm 10 đến nhà Trần Văn Sáng								sân kho xóm 10	nhà Trần Văn Sáng					0,105	Bổ sung
2	Đường xóm 19 đến nhà Đặng Văn Hội								Đường xóm 19	nhà Đặng Văn Hội					0,100	Bổ sung
3	Đường nghĩa địa thôn An Cửu								Đường xã	Nghĩa địa An Cửu				0,450		Bổ sung
4	ĐT 636 đến trường TH số 1								ĐT 636	trường TH số 1			0,037			Bổ sung
II	XÃ PHƯỚC QUANG				-	-	-	-			3,887	1,232	0,128	0,091	2,436	
1	Ngã 3 - Đập Thanh Hòa								Ngã 3	Đập Thanh Hòa		1,232				Bổ sung
2	Gò Phước Hưng - Nhà Nguyễn Trọng Ân								Gò Phước Hưng	Nhà Nguyễn Trọng Ân					0,281	Bổ sung
3	Nhà Trần Thanh Tâm - Nhà Nguyễn Tuấn								Nhà Trần Thanh Tâm	Nhà Nguyễn Tuấn				0,091		Bổ sung
4	Nhà Man Đình Hòa - Nhà Man Xuân Hải								Nhà Man Đình Hòa	Nhà Man Xuân Hải					0,428	Bổ sung
5	ĐT636 - Gò Duối								ĐT636	Gò Duối			0,128			Bổ sung
6	Nhà Nguyễn Thị Hạnh - Nguyễn Tiến								Nhà Nguyễn Thị Hạnh	Nguyễn Tiến					0,175	Bổ sung
7	Ngã 3 đường bê tông - Nhà Dương Minh Đức								Ngã 3 đường bê tông	Nhà Dương Minh Đức					0,761	Bổ sung
8	Nhà Nguyễn Văn Ngọc - Nhà Bùi Văn Dũng								Nhà Nguyễn Văn Ngọc	Nhà Bùi Văn Dũng					0,346	Bổ sung
9	Nhà Trần Văn Tuấn - Huỳnh Kim Trọng								Nhà Trần Văn Tuấn	Huỳnh Kim Trọng					0,281	Bổ sung
10	Nhà Trần Anh Cang - Nhà Trần Bạ								Nhà Trần Anh Cang	Nhà Trần Bạ					0,164	Bổ sung
III	XÃ PHƯỚC THẮNG				-	-	-	-								
IV	XÃ PHƯỚC HOÀ			0,807	-	0,680	-	0,127			0,668	-	0,668	-	-	

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
1	Đường BTXM thôn Kim Đông	Đường BTXM	Cầu ông Tường			0,680			Đường BTXM	Cầu ông Tường			0,668			Giảm chiều dài
2	BTXM xóm Thành Nam. Thôn Hữu Thành	BTXM	Nhà Chín					0,127								Không thực hiện
V	XÃ PHƯỚC SON			-	-	-	-	-			-	-	-	-	-	
VI	XÃ PHƯỚC HIỆP			1,350	-	-	0,230	1,120			5,971	-	0,230	0,302	5,439	
	Thôn Luật Chánh															
1	Từ nhà 6 Độ đến nhà Lợi	Nhà 6 Độ	Nhà Lợi						Nhà 6 Độ	Nhà Lợi				0,082		Bổ sung
2	Từ nhà 8 Sung đến nhà Ngọc	Miếu đội	Nhà Dư						Miếu đội 5	Nhà Dư					0,071	Bổ sung
3	Từ nhà Dư Dững đến nhà 3 Hiệu	Nhà Dư D	Nhà 3 Hiệu						Nhà Dư Dững	Nhà 3 Hiệu					0,110	Bổ sung
4	Từ đường đến nhà Tha	Từ đường	Nhà Tha						Từ đường	Nhà Tha				0,220		Bổ sung
5	Từ đường đến nhà Điều	Đường	Nhà Điều						Đường	Nhà Điều					0,140	Bổ sung
6	Từ đường đến nhà Nga	Đường	Nhà Nga						Đường	Nhà Nga					0,025	Bổ sung
	Thôn Lục Lễ															
7	Cầu Đội 10 đến Ngõ Hưng	Cầu Đội 10	Ngõ Hưng					0,250	Cầu Đội 10	Ngõ Hưng					0,330	Tăng chiều dài
8	Từ nhà Miền đến nhà Bửu								Nhà Miền	Nhà Bửu					0,050	Bổ sung
9	Từ nhà Bốn đến nhà Hiệp								Nhà Bốn	Nhà Hiệp					0,030	Bổ sung
10	Từ cống đội 9 đến nhà 8 Lùn								Cống đội 9	Nhà 8 Lùn					0,150	Bổ sung
11	Từ nhà Cho đến nhà Nhân								Nhà Cho	Nhà Nhân					0,030	Bổ sung
12	Từ nhà Vinh đến nhà Thúy								Nhà Vinh	Nhà Thúy					0,050	Bổ sung
13	Từ Miếu đến nhà Chấn								Miếu	Nhà Chấn					0,190	Bổ sung
14	Từ nhà Dung đến nhà Liên								Nhà Dung	Nhà Liên					0,070	Bổ sung
	Thôn Tú Thủy															
15	Từ nhà Nhanh đến nhà 7 Phú								Nhà Nhanh	Nhà 7 Phú					0,136	Bổ sung
16	Từ nhà Sanh đến nhà Thơ								Nhà Sanh	Nhà Thơ					0,060	Bổ sung
17	Từ cầu đội 3 đến trường Mẫu Giáo								Cầu đội 3	Trường Mẫu Giáo					0,100	Bổ sung
18	Đường bê tông trục chính đến Miếu gò Đình								Từ đường bê tông	Miếu gò Đình					0,130	Bổ sung
19	Từ nhà Khánh đến gò Văn Chung								Nhà Khánh	Gò Văn Chung					0,100	Bổ sung
	Thôn Xuân Mỹ															
20	BTXM đường chính đến cầu nhà Kỳ	BTXM đường chính	Cầu nhà Kỳ					0,200	BTXM đường chính	Cầu nhà Kỳ					0,300	Tăng chiều dài
21	Từ nhà Bốn đến nhà Mùi								Nhà Bốn	Nhà Mùi					0,150	Bổ sung

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
22	Từ nhà Hàng đến bờ Ty								Nhà Hàng	Bờ Ty					0,100	Bổ sung
23	Từ nhà Dững đến nhà Tân								Nhà Dững	Nhà Tân					0,070	Bổ sung
24	Từ nhà Học đến sân kho 14								Nhà Học	Sân kho 14					0,100	Bổ sung
25	Từ nhà Đắc đến nhà Hưng								Nhà Đắc	Nhà Hưng					0,200	Bổ sung
26	Từ nhà Thanh đến nhà Thành								Nhà Thanh	Nhà Thành					0,100	Bổ sung
27	Từ nhà Bình đến nhà Ái								Nhà Bình	Nhà Ái					0,050	Bổ sung
28	Từ nhà Khánh đến nhà Bình								Nhà Khánh	Nhà Bình					0,070	Bổ sung
29	Từ nhà Hiếu đến cây me cụt								Nhà Hiếu	cây me cụt					0,100	Bổ sung
	Thôn Giang Nam															
30	Từ đường Bê tông đến nhà Kiệt	Đường bê tông	Nhà Kiệt				0,230		Đường bê tông	Nhà Kiệt			0,230			Chuyển từ C sang D
31	Từ Trạm Biên thể đến nhà 10 Im	Trạm Biên Thể	Nhà 10 Im					0,250	Trạm Biên Thể	Nhà 10 Im					0,150	Giảm chiều dài
32	Từ ngõ Bưởi đến ngõ Hiệp								Ngõ Bưởi	Nhà Sen					0,038	Bổ sung
33	Từ ngõ 10 Im đến ngõ Kiềm								10 Im	Ngõ Kiềm					0,035	Bổ sung
34	Nhà Ba Đồng đến nhà Danh								Nhà Ba Đồng	Nhà Danh					0,020	Bổ sung
35	Từ đường ĐH 42 đến nhà Tuấn								Đường ĐH42	Nhà Tuấn					0,300	Bổ sung
	Thôn Giang Bắc															
36	Từ cầu đội 10 đến ngã 3 nhà Sen	Cầu đội 10	Ngã 3 nhà Sen					0,420	Cầu đội 10	Ngã 3 nhà Sen					0,406	Giảm chiều dài
37	Từ nhà Nửa đến nhà Dung								Nhà Nửa	Nhà Dung					0,030	Bổ sung
	Thôn Tuấn Lễ															
38	Từ nhà Quân đến nhà Nhổng								Nhà Quân	Nhà Nhổng					0,025	Bổ sung
39	Từ nhà Bình đến nhà Sự								Nhà Đánh	Nhà Dững					0,032	Bổ sung
40	Từ nhà Trọng đến nhà Đức								Nhà Trọng	Nhà Đức					0,030	Bổ sung
41	Từ nhà Anh đến đường Bê Tông								Nhà Anh	đường Bê Tông					0,125	Bổ sung
42	Từ nhà Tiến đến nhà Hải								Nhà Tiến	Nhà Hải					0,280	Bổ sung
43	Từ nhà Hùng đến nhà Toàn								Nhà Hùng	Nhà Toàn					0,070	Bổ sung
44	Từ nhà Chính đến nhà Hướng								Nhà Chính	Nhà Hướng					0,030	Bổ sung
45	Từ đường Bê tông đến nhà Phương								đường Bê tông	Nhà Phương					0,030	Bổ sung
46	Từ nhà Mai đến nhà Sinh								Nhà Mai	Nhà Sinh					0,044	Bổ sung
47	Từ đường Bê tông đến nhà Nghi								đường Bê tông	Nhà Nghi					0,040	Bổ sung
48	Từ nhà Thọ đến bờ Sen								Nhà Thọ	Bờ Sen					0,220	Bổ sung
49	Từ nhà Tim đến Bê tông Thất								Nhà Tim	Bê tông Thất					0,015	Bổ sung
	Thôn Đại Lễ															
50	Từ nhà Ý đến nhà Thường								Nhà Ý	Nhà Thường					0,045	Bổ sung

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
51	Từ nhà Phước đến nhà Loan								Nhà Phước	Nhà Loan					0,070	Bổ sung
52	Từ đường bê tông đến nhà Thắng								Dường bê	Nhà Thắng					0,020	Bổ sung
53	Từ đường bê tông đến nhà Nhuận								Dường bê	Nhà Nhuận					0,020	Bổ sung
54	Từ đường bê tông đến nhà Ngọc								Dường bê	Nhà Ngọc					0,020	Bổ sung
55	Từ đường bê tông đến nhà Sáu								Dường bê	Nhà Sáu					0,030	Bổ sung
56	Từ đường bê tông đến nhà Nhân								Dường bê	Nhà Nhân					0,040	Bổ sung
57	Từ đường bê tông đến nhà Tư								Dường bê	Nhà Tư					0,020	Bổ sung
58	Từ đường bê tông đến nhà Ánh								Dường bê	Nhà Ánh					0,242	Bổ sung
VII	XÃ PHƯỚC THÀNH			-	-	-	-	-			-	-	-	-	-	
VIII	THỊ TRẤN TUY PHƯỚC			0,075	-	0,075	-	-			2,366	0,359	0,456	0,575	0,976	
	Khu phố Mỹ Điện															
1	Nhà Huỳnh Văn Hữu đến nhà Võ Thành Hưng								Huỳnh Văn Hữu	Võ Thành Hưng				0,04		Bổ sung
2	Nhà ông Phú đến nhà ông Nhánh								nhà ông Phú	nhà ông Nhánh					0,104	Bổ sung
3	Nhà Võ Đình Nam đến nhà bà Trần Thị Đề								Võ Đình Nam	Trần Thị Đề				0,042		Bổ sung
4	Nhà Đào Thị Thủ đến nhà ông Trần Văn								Đào Thị Thủ	Trần Văn Ngọc					0,165	Bổ sung
5	Đường BT đến ngõ nhà ông Nguyễn Văn								Đường bê tông	Nguyễn Văn				0,1		Bổ sung
6	BTXM ông Nôm đến ngõ Huỳnh Văn Sâm								Bùi Văn Nôm	Huỳnh Văn Sâm				0,063		Bổ sung
7	Nhà Lê Thế Du đến ngõ Nguyễn Văn Hòa								Lê Thế Du	Nguyễn Văn Hòa				0,092		Bổ sung
	Khu phố Công Chánh															
8	Đường BTXM Trần Thị Kỳ đến nhà bà Thanh	Phan Phi Thân	Nguyễn Thị Kim Thanh			0,037										Không thực hiện
9	Nhà ông Trần Văn Thương đến nhà bà Yến	Trần Văn Thương	Đoàn Thị Yến			0,038										Không thực hiện
10	Từ QL 19 đến nhà ông Đỗ Xây								QL 19	Đỗ Xây					0,066	Bổ sung
11	Từ Hồ Xuân Thọ đến nhà Hồ Thị Thu Sanh								Hồ Xuân Thọ	Hồ Thị Thu Sanh				0,020		Bổ sung
12	Đường Võ Trứ đến nhà ông Võ Văn								Võ Trứ	Võ Văn Phương					0,080	Bổ sung
13	Nhà Trần Sơn Kim đến nhà ông Phạm Thủy								Trần Sơn Kim	Phạm Thủy					0,075	Bổ sung
14	Nhà ông Minh đến nhà Nguyễn Ngọc Tản								Nhà ông Minh	Nguyễn Ngọc Tản			0,026			Bổ sung
15	Từ kho HTXNN đến đường Biên Cương								Kho HTX	Biên Cương		0,359				Bổ sung
16	Từ đường Võ Trứ đến lớp Mẫu Giáo đội 7								Võ Trứ	Mẫu Giáo đội 7			0,213			Bổ sung
17	Đường Võ Trứ đến nhà bà Châu								Võ Trứ	Nhà bà Châu			0,068			Bổ sung
	Khu phố Trung Tín 2															

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
18	Từ Lê Công Miến đến nhà bà Lê Thị Em								Lê Công Miến	Lê Thị Em				0,175		Bổ sung
	Khu phố Trung Tín 1															
19	Đường làng đến nhà ông Nguyễn Văn Ròng								Đường làng	Nguyễn Văn Ròng					0,167	Bổ sung
20	Nhà Đào Thị Chon đến nhà ông Thắng								Đào Thị Chon	Trần Quang Thắng					0,104	Bổ sung
21	Từ ĐT 640 đến nhà ông Nguyễn Văn Hữu								ĐT 640	Nguyễn Văn Hữu					0,057	Bổ sung
22	Nhà ông Huỳnh Thi đến nhà Lê Văn Nhất								Huỳnh Thi	Lê Văn Nhất					0,03	Bổ sung
23	Từ Mai Văn Tiến đến nhà bà Lê Thị Đình Anh								Mai Văn Tiến	Lê Thị Đình Anh			0,075			Bổ sung
24	Nhà Huỳnh Thanh Nung đến ông Tiệm								Huỳnh Thanh Nung	Huỳnh Thanh Tiệm			0,074			Bổ sung
	Khu phố Thạnh Thế															
25	Nhà Trần Đình Thả đến nhà Bùi Ngọc Châu								Trần Đình Thả	Bùi Ngọc Châu				0,043		Bổ sung
26	Nhà bà Đào Thị Thất đến Đào Trường Thiện								Đào Thị Thất	Đào Trường Thiện					0,04	Bổ sung
27	Nhà ông Đỗ Văn Được đến nhà ông Đỗ Bạ								Đỗ Văn Được	Đỗ Bạ					0,041	Bổ sung
28	Nhà Trần Thị Thanh Nga đến nhà ông Giảng								Trần Thị Thanh Nga	Đào Trường Giảng					0,047	Bổ sung
IX	THỊ TRẦN ĐIỀU TRỊ			2,668	-	1,000	-	-			1,668	-	0,335	-	1,333	
1	Tuyến: đường đê đội 3	Nhà ông Dương	Nhà bà Chanh			1,000								-		Không thực hiện
2	Tăng Bạt Hổ - Nhà ông Bình								Tăng Bạt Hổ	Nhà ông Bình			0,130			Bổ sung
3	Gò Cát - Nhà ông Huệ								Gò Cát	Nhà ông Huệ					0,095	Bổ sung
4	Lý Tự Trọng - Nhà ông Hòa								Lý Tự Trọng	Nhà ông Hòa			0,205			Bổ sung
5	Lý tự Trọng - Nhà ông Nghị								Lý Tự Trọng	Nhà ông Nghị					0,260	Bổ sung
6	Nhà bà Hạnh - Nhà bà Năm								Nhà Bà Hạnh	Nhà bà Năm					0,026	Bổ sung
7	Nhà ông Thắng - đường Bê tông								Nhà ông Thắng	Đường bê tông					0,200	Bổ sung
8	Nhà bà Xuân - nhà ông Cẩm								Nhà bà Xuân	Nhà ông Cẩm					0,152	Bổ sung
9	Nhà ông Thường - Nhà ông Phú								Nhà ông Thường	Nhà ông Phú					0,100	Bổ sung
10	Cổng Bà Mi - Trường mẫu giáo Đ4								Cổng Bà Mi	Trường mẫu giáo Đ4					0,190	Bổ sung

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
11	Nhà ông Thường - Nhà ông Tài								Nhà ông Thường	Nhà ông Tài					0,150	Bổ sung
12	Đường Nguyễn Lữ - Gò								Nguyễn Lữ	Nhà ông Thiện					0,160	Bổ sung
X	XÃ PHƯỚC LỘC			-	-	-	-	-			5,324	-	0,073	1,128	4,123	
	Thôn Phú Mỹ 1															
1	Xóm cây gạo								Nhà bà Lang	Nhà ông Kim				0,172		Bổ sung
2	Xóm Mỹ Lợi								Đường BTXM	Công chào					0,084	Bổ sung
	Thôn Phú Mỹ 2															
3	Xóm Miếu Tây								Ngõ ông Tùng	nhà ông Nghĩa					0,552	Bổ sung
4	Thôn Quảng Tín															
5	Cầu Trại Ngổng đến cầu Mới								Cầu Trại Ngổng	Cầu Mới				0,070		Bổ sung
6	Xóm Quảng Thành								Nhà ông Minh	Nghĩa Địa				0,280		Bổ sung
	Thôn Đại Tín															
7	Xóm Tín Hiệp								Trường TH số 2 P. Lộc	Miếu Bắc					0,340	Bổ sung
8	Xóm Tín Hiệp								nhà ông Dự	nhà ông Hà					0,109	Bổ sung
9	QL1 (trước Hạ Long) đến nhà bà Thái								QL1 (Hạ Long)	nhà bà Thái					0,256	Bổ sung
10	Nhà ông Lang đến QL1A, xóm Tín Hiệp								Nhà ông Lang	QL1A					0,350	Bổ sung
	Thôn Trung Thành															
11	Bờ Gia- Bờ Thọ								ngõ ông Chí	ngã 3 xuống Miếu					0,289	Bổ sung
12	Vườn ông Quán								Giáp nhà ông Tươi	vùng Nghẽ				0,201		Bổ sung
13	Xóm Hưng Long								nhà ông Khôi	nhà bà Định			0,073			Bổ sung
14	Xóm nương tiếp nước Nhon Bình								QL1A	Nhà ông Khiêm				0,147		Bổ sung
	Thôn Hanh Quang															
15	Nhà ông Bốn								Đường Liên xã	nhà ông Lâm					0,052	Bổ sung
16	Đập Thông Chín - Đê thông Chín								Đập Thông Chín	Đê thông Chín					0,074	Bổ sung
	Thôn Vĩnh Hy															
17	Xóm cầu ông Mít								Trạm Biền áp	nhà ông Thoảng					0,078	Bổ sung
18	Nhà vông Cường - Đình cũ								Nhà vông Cường	Đình cũ					0,117	Bổ sung
19	Xóm giữa								Nhà bà Hào	Nhà ông Sơn					0,077	Bổ sung

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
20	Nhà Bảy Mạnh đến Khu dân cư vườn xã Hai								Nhà Bảy Mạnh	Khu dân cư vườn xã Hai					0,330	Bổ sung
	Thôn Quang Hy															
21	Đường xuống nhà ông Thâu								ngõ ông Thi	ngõ ông Thâu					0,051	Bổ sung
22	Đường xuống Chùa								ngõ Trường	Đám dãi chùa					0,531	Bổ sung
23	Đường xuống nhà bà Liên								nhà ông Tấn	ngõ bà Trường					0,050	Bổ sung
24	Đường xuống nhà ông Hòa								Trường Mẫu Giáo	nhà ông Chiến					0,109	Bổ sung
	Thôn Vinh Thạnh 2															
25	Nhà ông Hoa đến nhà ông Đức								Nhà ông Hoa	nhà ông Đức					0,046	Bổ sung
26	Nhà bà Ba đến nhà ông Hà								Nhà bà Ba	nhà ông Hà					0,045	Bổ sung
27	Bờ bạn TX5 đến nhà ông Khánh								Bờ bạn TX5	nhà ông Khánh				0,072		Bổ sung
28	Nhà ông Quang đến nhà ông Tấn								Nhà ông Quang	nhà ông Tấn					0,055	Bổ sung
29	Nhà ông Hòa đến nhà bà Chi								Nhà ông Hòa	nhà bà Chi					0,061	Bổ sung
	Thôn Vinh Thạnh 1															
30	Xóm Đông gò Bạch								ngõ ông Hàm	ngõ ông Phùng					0,164	Bổ sung
31	Xóm nam Lê Xuân Vân								ngõ ông Triết	ngõ ông Sừu					0,045	Bổ sung
32	Xóm nam Nguyễn Thanh Dương								ngõ ông Sang	ngõ ông Viên					0,063	Bổ sung
33	Xóm Đông Võ Hoàng Long								ngõ ông Bình	ngõ ông Ấn					0,041	Bổ sung
	Thôn Phong Tấn															
34	Xóm vườn ươm								nhà ông Dũng	nhà ông Lưu					0,061	Bổ sung
35	Xóm vườn ươm								Nhà bà Thuận	Nhà ông Đầu					0,093	Bổ sung
36	Xóm Tấn Kế								Nhà ông Chiến	Nhà ông Thọ				0,186		Bổ sung
XI	XÃ PHƯỚC THUẬN			-	-	-	-	-			6,789	1,445	0,843	1,128	3,373	
	Thôn Nhân Ân:															
1	Nhà ông Chấn - nhà ông Hứa xóm Trung Nam								nhà ông Chấn	nhà ông Hứa				0,100		Bổ sung
2	Cầu Ân Tân - nhà Huỳnh Thị Bảy. Xóm Ân Tân								cầu Ân Tân	Nhà Huỳnh Thị Bảy					0,180	Bổ sung
3	Nhà Cẩm - nhà Huỳnh Văn Thanh xóm Ân Tân								nhà ông Cẩm	nhà ông Thanh					0,268	Bổ sung
4	Nhà ông Anh - nhà ông Giác xóm Ân Bắc								nhà ông Anh	nhà ông Giác					0,105	Bổ sung
5	Đường bê tông - nhà ông Bình xóm Ân Bắc								đường bê tông	nhà ông Bình					0,070	Bổ sung
6	Đường bê tông - nhà ông Hòa xóm Ân Bắc								đường bê tông	nhà ông Hòa					0,135	Bổ sung
7	Nhà ông Dũng - nhà bà Mưu xóm Ân Bắc								nhà ông Dũng	nhà bà Mưu					0,043	Bổ sung
8	Đường bê tông - nhà ông Quyền xóm Ân Bắc								đường bê tông	nhà ông Quyền					0,170	Bổ sung

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
9	Đường BT - nhà ông Trung xóm Trung Nam								đường bê tông	Nhà Nguyễn Quý Trung					0,185	Bổ sung
10	Nhà ông Hứa - nhà ông Sang xóm Trung Nam								nhà ông Hứa	nhà ông Sang					0,080	Bổ sung
11	Đường bê tông - nhà ông Hồ Thường xóm Ân Bắc								đường bê tông	nhà ông Hồ Thường					0,023	Bổ sung
12	Đường BT - nhà ông Tùng xóm Trung Nam								đường bê tông	nhà ông Tùng					0,155	Bổ sung
13	Đường bê tông - nhà ông Hà xóm Trung Nam								đường bê tông	nhà ông Hà				0,030		Bổ sung
14	Đường bê tông - nhà ông Bạ xóm Đông A								đường bê tông	nhà ông Bạ					0,135	Bổ sung
15	Đường chính - nhà bà Trừu xóm Ân Tân								đường chính	nhà bà Trừu					0,018	Bổ sung
16	Đường chính - nhà ông Học xóm Ân Tân								đường chính	nhà ông Học					0,028	Bổ sung
17	Đường chính - nhà bà Nghĩa xóm Ân Tân								đường chính	nhà bà Nghĩa					0,010	Bổ sung
18	Đường chính - nhà ông Bình xóm Ân Tân								đường chính	nhà ông Bình					0,055	Bổ sung
19	Đường chính - nhà bà Kỳ xóm Ân Tân								đường chính	nhà bà Kỳ					0,013	Bổ sung
20	Nhà ông Trai - nhà ông Nhiều. Xóm Ân Tân								nhà ông Trai	nhà ông Ngô Văn Nhiều					0,100	Bổ sung
21	Nhà Quận - nhà Quang. Xóm Đông Phường								nhà ông Quận	nhà ông Quang					0,035	Bổ sung
22	Đường chính- nhà Lê Đới . Xóm Đông Phường								đường chính	nhà ông Lê Đới					0,025	Bổ sung
23	Nhà Võ - Nhà Ông Nhựt. Xóm Đông Phường								nhà ông Võ	nhà ông Lưu Văn Nhựt					0,040	Bổ sung
24	Nhà ông Thứ - nhà ông Hào xóm Đông A								nhà ông Thứ	nhà ông Hào					0,050	Bổ sung
25	nhà Phan Khá- nhà bà Mỹ. Xóm Đông A								nhà ông Phan Khá	nhà bà Mỹ					0,022	Bổ sung
26	Nhà Hồ Thành - nhà ông Hiền.Xóm Đông A								nhà ông Hồ Thành	nhà ông Hiền					0,050	Bổ sung
27	Đường bê tông - nhà ông Hùng xóm Ân Tân								đường bê tông	nhà ông Hùng			0,080			Bổ sung
28	Ngã ba - nhà ông Hùng xóm Đông Phường								ngã ba	Trương Thanh Hùng					0,025	Bổ sung
	Thôn Phổ Trạch:															
29	Nhà Ngô Quang Lộc - đường QL 19 mới								nhà Ngô Quang Lộc	QL 19 mới			0,076			Bổ sung
30	Nhà Nguyễn Thị Bốn - nhà Võ Đức Hòa								nhà Nguyễn Thị Bốn	nhà Võ Đức Hòa				0,084		Bổ sung

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
31	Nhà Hà Văn Chín - nhà Nguyễn Văn Cua								nhà Hà Văn Chín	nhà Nguyễn Văn Cua		0,025				Bổ sung
32	Nhà Hà Văn Chín - nhà Nguyễn Thị Thanh Thúy								nhà Hà Văn Chín	nhà Nguyễn Thị Thanh Thúy				0,036		Bổ sung
33	Nhà Nguyễn Kế - nhà Nguyễn Thị Sinh								nhà Nguyễn Kế	nhà Nguyễn Thị Sinh					0,045	Bổ sung
34	Nhà Tô Quốc Bình - nhà Lê Văn Ánh								nhà Tô Quốc Bình	nhà Lê Văn Ánh			0,066			Bổ sung
35	Chùa Phổ Bảo - cổng Bàn								chùa Phổ Bảo	cổng Bàn		0,150				Bổ sung
36	Cổng Miếu - nhà Lê Kỳ Lâm								cổng Miếu	nhà Lê Kỳ Lâm				0,135		Bổ sung
37	Ngõ Miếu - nhà Trương Vĩnh Công								ngõ Miếu	nhà Trương Vĩnh Công				0,020		Bổ sung
38	Nhà Lê Thị Ngọc Yến - mương cổng Lâm								nhà Lê Thị Ngọc Yến	mương cổng Lâm					0,032	Bổ sung
39	Nhà Nguyễn Ngọc Dũng - nhà Nguyễn Văn Được								nhà Nguyễn Ngọc Dũng	nhà Nguyễn Văn Được			0,021			Bổ sung
40	Cổng Gò Đưa - nhà Vương Thị Ngo								cổng Gò Đưa	nhà Vương Thị Ngo				0,068		Bổ sung
	Thôn Liêm Thuận:															
41	ĐT 640 - nhà ông Huỳnh Văn Thành								ĐT 640	nhà ông Thành					0,110	Bổ sung
42	ĐT 640 - nhà ông Cư								ĐT 640	nhà ông Cư					0,030	Bổ sung
43	Đường bê tông - nhà ông Lưu								đường bê tông	nhà ông Lưu				0,130		Bổ sung
44	ĐT 640 - nhà ông Hòa								ĐT 640	nhà ông Hòa					0,120	Bổ sung
45	ĐT 640 - nhà bà Thái								ĐT 640	nhà bà Thái					0,210	Bổ sung
46	Ngã ba nhà ông Mậu - nhà ông Hôn								ngã ba nhà ông Mậu	nhà ông Hôn					0,110	Bổ sung
47	Cổng kho - nhà ông Đỗ Ứng Long								cổng kho	nhà ông Đỗ Ứng Long					0,196	Bổ sung
48	Bê tông - nhà ông Phước								bê tông	nhà ông Phước					0,360	Bổ sung
49	Ngã ba nhà ông Lễ - nhà ông Ân								ngã ba nhà ông Lễ	nhà ông Ân					0,110	Bổ sung
50	ĐT 640 - khu dân cư sau Trần Hưng Đạo								ĐT 640	khu dân cư sau Trần Hưng Đạo			0,200			Bổ sung
51	ĐT 640 - nhà ông Tô Khắc Thành								ĐT 640	nhà ông Tô Khắc Thành					0,030	Bổ sung
52	Bê tông - nhà ông Duyên								bê tông	nhà ông Duyên				0,110		Bổ sung

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
	Thôn Quảng Vân:															
53	Cầu Bà Điện - khu dân cư xóm Khánh								cầu Bà Điện	khu dân cư xóm Khánh		0,450				<i>Bổ sung</i>
54	Cầu Ông Độ - nhà Đào Trọng Minh								cầu Ông Độ	nhà Đào Trọng Minh			0,300			<i>Bổ sung</i>
55	Đường bê tông - nhà bà Tiên								đường bê tông	nhà bà Tiên			0,100			<i>Bổ sung</i>
	Thôn Lộc Hạ:															
56	Đường bê tông - nhà ông Duy xóm Lộc An								đường bê tông	nhà ông Duy				0,123		<i>Bổ sung</i>
57	Nhà bà Chín - đường vào nhà xóm Lộc Ninh								nhà bà Chín	đường vào xóm				0,052		<i>Bổ sung</i>
58	Đường BThà Năm Lùn - nhà Lai xóm Lộc Ninh								Nhà Năm Lùn	nhà ông Lai				0,240		<i>Bổ sung</i>
59	Đường bê tông - mương N859								đường bê tông	mương N859		0,820				<i>Bổ sung</i>
XII	XÃ PHƯỚC AN			-	-	-	-	-			3,244	-	0,160	0,490	2,594	
1	Từ kho nông sản đến nhà Phong. Ngọc Thanh 2								Kho nông sản	Nhà Phong			0,08			<i>Bổ sung</i>
2	Ngõ ông Thái đến ngõ Hà. Ngọc Thanh 2								Ngõ ông Thái	Ngõ bà Hà					0,054	<i>Bổ sung</i>
3	Dưới Đình Ngọc Thanh 1.								Nhà ông Đào	Nhà ông Lại			0,08			<i>Bổ sung</i>
4	Từ BTXM chợ đến xưởng cưa. Ngọc Thanh 1								BTXM	Xưởng cưa				0,25		<i>Bổ sung</i>
5	Đường bê tông đến ngõ Phan. Ngọc Thanh 1								BTXM	Ngõ Phan					0,049	<i>Bổ sung</i>
6	Ngõ Tùng đến ngõ Hữu. Ngọc Thanh 1								Ngõ Tùng	Ngõ Hữu					0,048	<i>Bổ sung</i>
7	BTXM đến ngõ Lê Văn Anh. Ngọc Thanh 1								BTXM	Ngõ Anh					0,04	<i>Bổ sung</i>
8	Ngõ Nguyễn Đôn đến ngõ Toàn. Thanh Huy 1								Ngõ Nguyễn Đôn	Nguyễn Văn Toàn				0,04		<i>Bổ sung</i>
9	Từ cầu đá đến nhà Nguyễn Chín. Thanh Huy 1								Cầu đá	Nguyễn Chín					0,17	<i>Bổ sung</i>
10	Từ cầu cây Duối đến nhà Nhóm. Thanh Huy 1								Cầu cây Duối	Nhà Nhóm					0,059	<i>Bổ sung</i>
11	BTXM ngõ Cương đến ngõ 4 Lúc. Thôn An Hòa 1								Ngõ Cương	Ngõ 4 Lúc				0,055		<i>Bổ sung</i>
12	BTXM sân bóng đến ngõ Tường. Thôn An Hòa 1								BTXM	Ngõ Tường				0,045		<i>Bổ sung</i>
13	Ngõ Phan đến ngõ Trước. Thôn An Hòa 1								Ngõ Phan	Ngõ Trước				0,1		<i>Bổ sung</i>
14	BTXM liên thôn đến ngõ Đông. Thôn An Hòa 1								BTXM	Ngõ Đông					0,085	<i>Bổ sung</i>
15	Đường nội đồng Rộc Năng. Thôn An Hòa 1								BTXM xã	BTXM thôn					0,55	<i>Bổ sung</i>

TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
16	Đường chính đến ngõ Linh. Thôn An Hòa 2								BTXM	Ngõ Linh					0,1	Bổ sung
17	Đường chính đến Lê Văn Hồng Thôn An Hòa 2								BTXM	Ngõ Hồng					0,04	Bổ sung
18	Đường nội đồng Phước Hải. Thôn An Hòa 2								Xóm Phước Chánh	Xóm Phước Hải					0,9	Bổ sung
19	Đường chính đến ngõ Lê Văn Phúc. Thôn An Hòa 2								BTXM	Ngõ Phúc					0,072	Bổ sung
20	Ngõ Phước đến ngõ Tân. Thôn An Hòa 2								Ngõ Phước	Ngõ Tân					0,117	Bổ sung
21	Đường chính đến ngõ ông Bồ. Thôn An Hòa 2								BTXM	Ngõ Nguyễn văn Bồ					0,095	Bổ sung
22	Đường chính đến ngõ Sừ. Thôn An Hòa 2								BTXM	Ngõ Sừ					0,05	Bổ sung
23	Tuyên ngoài ngõ 6 Tuấn đến ngõ Sĩ. An Sơn 2								Ngõ Tuấn	Ngõ Sĩ					0,07	Bổ sung
24	Tuyên ngõ 6 Cẩn đến ngõ 8 Minh. An Sơn 2								Ngõ Cẩn	Ngõ Minh					0,095	Bổ sung
TỔNG CỘNG				3,232	-	1,755	0,230	1,247			30,609	3,036	2,930	4,164	20,479	

94

PHỤ LỤC 11

CÁC DANH MỤC ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG KẾ HOẠCH BÊ TÔNG HOÁ ĐƯỜNG GTNT NĂM 2019 - THÀNH PHỐ QUY NHƠN

(Kèm theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh)



TT	Danh mục	Theo Quyết định số 389/QĐ-UBND ngày 31/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh							Điều chỉnh, bổ sung							Ghi chú
		Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	Điểm Đầu	Điểm Cuối	Chiều dài (Km)	A	B	C	D	
I	Xã Phước Mỹ			-	-	-	-	-			-	-	-	-	-	
II	Phường Nhơn Bình			0,350	0,350	-	-	-			-	-	-	-	-	
1	BTXM tuyến đường số 3, đường số 4 thuộc khu dân cư An Thành, phường Nhơn Bình	Đường Hồ Văn Huê	Đường vào KDC phía Bắc làng SOS		0,350	-	-	-				-	-	-	-	Không thực hiện
III	Phường Nhơn Phú			-	-	-	-	-			0,350	0,350	-	-	-	
1	BTXM tuyến đường số 3, đường số 4 thuộc khu dân cư An Thành, phường Nhơn Phú								Đường số 2 vào chợ An Thành	Giáp bờ đê và KDC hiện trạng		0,350				Bổ sung
TỔNG CỘNG				0,350	0,350	-	-	-			0,350	0,350	-	-	-	